VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Tranh dân gian. Tuợ in sách (Trích album H. Oger)

Khởi đầu thảo luận về văn học hải ngoại

số 99 • tháng 7 năm 1994

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY:

	thư tòa soạn	2
NGUYỄN VĂN TRUNG	khái niệm và thể loại văn chương	4
THẾ UYÊN	góp ý về việc soạn thảo "hai mươi năm văn học hải ngoại"	18
NGUYỄN MỘNG GIÁC	văn học lưu vong hay văn học di dân?	27
ĐỖ QUYÊN	*em về*	35
NGUYỄN HUỆ CHI	vài cảm nhận văn học việt nam hải ngoại	41
NGÔ NGUYÊN DŨNG	*say hương tóc cũ*	54
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC	hai mươi năm, những thành phố	55
HOÀNG XUÂN GIANG	*yêu em tóc ngắn*	66
	em gửi gì không	66
TRẦN DOÃN NHO	người chú	67
ĐẶNG HIỀN	*mưa chiều tháng sáu*	82
	tiễn đưa	83
NGUYỄN CHÍ KHAM	*chiến tranh*	84
	đôi mắt	86
TRẦN MỘNG TÚ	họa sĩ vẽ chân dung	87
TRƯƠNG NHÂN	trò chơi	96
NGUYỄN MỘNG GIÁC	*điểm*: "cõi sa mù" và "cửa địa ngục" của trần long hồ	113
VĂN HỌC	tòa soạn với bạn đọc	118

thư tòa soạn

Văn Học số này khởi đầu cuộc thảo luận rộng rãi quanh chủ đề "Hai mươi năm văn học hải ngoại", và chúng tôi hy vọng từ nay cho tới 30-4-1995, những bài tham luận, những ý kiến được nêu lên trên tạp chí này sẽ giúp cho các nhà nghiên cứu tìm hiểu cặn kẽ, khách quan một dòng văn chương có nhiều đặc thù trong lịch sử văn học của dân tộc.

Công việc này, hiện nay ở trong nước, cũng có một số nhà nghiên cứu văn học bắt đầu lưu tâm. Nhưng do thiếu tài liệu, do thói quen nhìn hiện tượng văn học như một biểu hiện trọn vẹn của chính trị, hoặc do chủ đích chính trị nào đó, các nhà nghiên cứu trong nước chỉ quan tâm đến một phần rất nhỏ của văn học hải ngoại. Bài của nhà nghiên cứu Nguyễn Huệ Chi chúng tôi trích đăng trên số này là một bằng chứng của lối nhìn thiên lệch nói trên.

Vì vậy, việc tổng kết, định giá hai mươi năm văn học hải ngoại, trước hết, phải là trách nhiệm của các nhà nghiên cứu hiện ở hải ngoại. Thực tế, số người có thì giờ và thiện chí để làm công việc này không nhiều. Giống như ở miền Nam trước 1975, ngành lý luận phê bình văn học ở hải ngoại không phát triển mạnh như các ngành khác. Đó là một thua thiệt lớn, vì không có lý luận phê bình, bạn đọc bị bối rối trước vô số sách vở được xuất bản, không biết cuốn nào hay cuốn nào dở, xu hướng văn chương nào chính xu hướng nào phụ; sự yếu kém của ngành lý luận phê bình ảnh hưởng đến giá trị của văn chương nói chung, ảnh hưởng luôn tới mãi lực của người đọc.

Chỉ còn chín kỳ báo nữa, kể từ nay cho đến ngày kỷ niệm hai mươi năm chúng ta sống trên xứ người. Văn Học dành bốn số báo để đăng những bài "tổng quan hai mươi năm văn học hải ngoại", sau đó sẽ dành từng số cho việc sơ kết thành quả các bộ môn thơ, truyện ngắn, truyện dài, ký và hồi ký, biên khảo... Công việc nặng nhọc, phức tạp, tế nhị này đòi hỏi sự cộng tác của các nhà nghiên cứu, các văn hữu và các bạn đọc. Văn Học tha thiết trông chờ những văn liệu, tác phẩm, nhận định,

phê bình của tất cả bạn đọc và văn hữu xa gần, để dự án sơ kết hai mươi năm văn học hải ngoại đạt được thành công.

Ban Chủ biên Văn Học xin đưa ra những câu hỏi gợi ý sau đây:

1. Lấy tiêu chuẩn nào để một tác phẩm được xem là một tác phẩm văn chương? (Câu hỏi này rất quan trọng, nhất là khi xét tới những cuốn hồi ký hoặc các sách biên khảo).

2. Lấy tiêu chuẩn nào để xác định một tác phẩm là thuộc về dòng văn học hải ngoại? Địa lý (tác giả ở trong nước hay ngoài nước), Chính trị (Cộng sản, Quốc gia), Ngôn ngữ (trường hợp những tác giả viết bằng Anh ngữ, Pháp ngữ...), nơi xuất bản sách (tác phẩm từ trong nước gửi in ở nước ngoài?)...

3. Văn học hải ngoại có phải là dòng nối dài của văn học miền Nam trước 1975 không?

4. Những khác biệt căn bản giữa văn học hải ngoại và văn học miền Nam 1954-1975, giữa văn học hải ngoại và văn học quốc nội?

5. Các trào lưu, giai đoạn hình thành của văn học hải ngoại?

6. Đặc tính của văn học Việt Nam hải ngoại, so với văn chương các sắc tộc di dân khác?

7. Khả năng và triển vọng của văn học hải ngoại: Sẽ phát triển hoặc sẽ suy tàn? Vai trò của giới trẻ trong sáng tạo và thưởng ngoạn văn chương?

8. Đời sống của người cầm bút hải ngoại (nghề nghiệp, lợi tức, việc in sách và hoạt động phát hành)

9. Các tác giả được ưa chuộng? Những tác giả tiêu biểu cho từng thời kỳ?

10. Các cuộc tranh luận bút chiến trên văn đàn.

Mở đầu cho cuộc thảo luận về văn học hải ngoại, Văn Học xin giới thiệu ba bài tham luận của giáo sư Nguyễn Văn Trung, nhà văn Thế Uyên, và nhà văn Nguyễn Mộng Giác, cùng bài viết của giáo sư Nguyễn Huệ Chi để bạn đọc biết thêm cách nhìn của giới nghiên cứu trong nước. Trên các số sau, Văn Học sẽ tiếp tục đăng tải các ý kiến khác, cũng như kết quả các cuộc phỏng vấn, trao đổi bàn tròn quanh chủ đề nói trên.

Văn Học

NGUYỄN VĂN TRUNG

khái niệm và thể loại văn chương

I- Ghi nhận một vài sự kiện

A- Phê bình văn học

1- Truyện Kiều:

Nhân kỷ niệm sinh nhật Nguyễn Du 200, trích các bài báo, sách nghiên cứu và một số bài thơ tưởng niệm Nguyễn Du (1905-1960) bằng tiếng Việt tổng cộng 84 bài. Chỉ có hai bài nói về ngôn ngữ Truyện Kiều, một bài nói về tính chất tạo hình trong thơ Nguyễn Du, còn hầu hết chỉ chú ý đến tác giả, triết lý đạo đức, xã hội v.v... (thư mục trích trong "Kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du" Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội Hà Nội 1971) "Thư mục về Nguyễn Du" do Lê Ngọc Trụ, Bửu Cầm thiết lập. Tủ sách Viện Khảo cổ, Bộ Giáo Dục Sài Gòn 1965 kê khai các bài sách từ trước tới nay, có một 128 bài về tiểu sử, gia thế, 67 bài về lai lịch truyện Kiều, 13 bài về giai thoại, 68 bài về vịnh tập Kiều, 29 bài về khảo cứu. Trong số đó chỉ có chín bài bàn về chữ, văn chương, nghệ thuật truyện Kiều.

2- Nguyễn Đình Chiểu:

– Sưu tầm những bài báo về Nguyễn Đình Chiểu:

Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa, Việt Nam Cộng Hòa (in ronéo, 410 trang). Trong mục lục, ghi 25 bài về tiểu sử (thân thế, sự nghiệp), năm bài về Nguyễn Đình Chiểu thi sĩ, bảy bài về Nguyễn Đình Chiểu chí sĩ, ba bài về Nguyễn Đình Chiểu y sĩ, tám bài về so sánh Lục Vân Tiên và truyện Kiều, mười bài đính chính tài liệu. Tổng cộng năm 58 bài, chỉ có năm bài nói về Nguyễn Đình Chiểu như là một nhà thơ, nhưng không phải bình luận thơ, thực ra chỉ có một bài của Nguyễn Văn

Xuân về "đại danh từ và các tiếng dùng xưng hô trong truyện Kiều và Lục Vân Tiên" là nghiên cứu về mặt văn học, ngôn ngữ.

– Sưu tầm bổ túc các bài báo về Nguyễn Đình Chiểu:

(42 trang) in ronéo, Phủ Quốc Vụ Khanh, có chín bài về tiểu sử, 12 bài về chí sĩ, một bài về y sĩ. Không có bài nào bàn về nghệ thuật. Hai tập này xuất bản nhân dịp kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu vào trung tuần tháng 7-1971.

"*Nguyễn Đình Chiểu* kỷ yếu": hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu do viện Khoa Học Xã Hội thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bến Tre tổ chức phối hợp, nhân kỷ niệm lần thứ 160 ngày sinh của nhà thơ (Sở Văn hóa Thông tin và Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản 1983 (517 trang). Mục lục có bốn bài về tiểu sử, 47 bài về vấn đề chung, 17 bài về phương pháp và nghệ thuật, 16 bài những vấn đề về ngôn ngữ, năm bài những vấn đề về văn hóa.

Thư mục thiết lập hồi 1972 đồng thời với Sài Gòn trong "Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật", nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội Hà Nội 1973, thư mục này gồm các bài của cả hai miền từ trước đến 1971-72, tổng số trên hai trăm bài sách, kể như không có bài nào nghiên cứu về nghệ thuật, ngôn ngữ các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu. Do đó, so với thư mục 1983, điều rất đáng lưu ý là đã chú trọng hơn mặt văn học nghệ thuật và ngôn ngữ, vì xu hướng chung trong việc nghiên cứu, phê bình văn học của những người mặc dầu ở các chế độ chính trị khác nhau về những vấn đề chung quanh, bên lề, hay liên hệ đến tác phẩm (tiểu sử, thời đại hay bối cảnh lịch sử, tâm tình, tư tưởng, thái độ trước cuộc sống, đặc biệt thái độ chính trị, nguồn gốc, ảnh hưởng v.v...) hơn tìm hiểu chính tác phẩm với tư cách là một tác phẩm văn chương, nghệ thuật.

B- Văn học sử:

Có những bộ văn học sử do một người hay một nhóm làm từ 1945 đến nay ở cả hai miền Nam Bắc (Nghiêm Toản, Thanh Lãng, nhóm Lê Quý Đôn, nhóm các ông Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Đổng Chi, Vũ Ngọc Phan, Phạm Văn Diêu, Phạm Thế Ngữ, nhóm Đại học Sư phạm Hà Nội (1963) v.v...)

Những bộ văn học sử này có thể khác nhau về quan điểm này nọ, nhưng lại có nhiều mẫu số chung, chẳng hạn:

1- Khẳng định mối liên hệ tác phẩm và tác giả. Muốn hiểu tác phẩm phải hiểu tác giả hoặc ngược lại chú ý đến tiểu sử, thân thế, sự nghiệp tác giả.

2- Khịnh định mối liên hệ giữa con người tác giả và xã hội, thời đại của tác giả bối cảnh lịch sử ảnh hưởng chi phối tác giả, tác phẩm hoặc ngược lại.

3- Khẳng định về mục đích của văn học (phản ảnh, phục vụ những mục đích đạo đức, xã hội, chính trị, nhân bản...

4- Sắp xếp các tác giả vào một mối, một tập thể, theo văn thể, chữ viết (nho, nôm, quốc ngữ), triều đại, chính thể, thế kỷ, theo các xu hướng, trường phái: lãng mạn, tả chân, tượng trưng, tự nhiên, hiện thực xã hội...

5- Sắp xếp các tác phẩm vào ba thể loại chính: thơ, tiểu thuyết, kịch.

Năm mẫu số chung kể trên có thể rút gọn vào một mẫu số chung căn bản: chú ý tìm hiểu, giải thích văn học, từng tác giả hay nhiều tác giả trong viễn tượng lịch sử bằng những yếu tố không phải văn học nghệ thnật, yếu tố ngoại tại, hơn là những yếu tố nội tại, yếu tố văn chương nghệ thuật.

Hướng tìm hiểu, nghiên cứu giải thích này cũng đúng hoặc chính đáng. Có điều khi nó trở thành quá đáng, bỏ quên hoặc bỏ qua lối nhìn, tìm hiểu dựa vào chính những yếu tố văn học nghệ thuật, thì thật đáng tiếc, thế thôi.

Ông Nhiêm Toản trong lời tựa "Việt Nam Văn học sử" trích yếu (1949) đã nói rõ lập trường: văn học là phản ảnh của xã hội, do tự dân chúng phát sinh và phải luôn luôn quay về dân chúng mới đủ năng lực trưởng thành. Văn học Việt Nam theo hai động lực phát triển nhịp nhàng: tranh đấu và dân chủ hóa.

Luận điệu văn học phản ảnh phục vụ xã hội, dân chúng đã trở thành quen thuộc. Có điều những người tuyên xưng lý tưởng trên lại ít lưu ý tới xem thiết thực mình có làm cho văn học phục vụ thật sự, một cách hiệu nghiệm xã hội, dân chúng không?

Nói xã hội, dân chúng chung chung, rộng quá, thử thu hẹp vào xã hội nhà trường, tập thể học sinh, sinh viên thôi là thành phần không phải chỉ là độc giả ngoài xã hội rộng lớn, có tự do muốn đọc hay không

đọc, mà là học trò buộc phải đọc và để đi thi, trải qua những thử thách chuẩn bị vào đời.

Văn học sử dưới dạng giáo khoa cung cấp cho học sinh sinh viên một số kiến thức văn học đôi khi được quy định rõ gồm bao nhiêu điểm cho từng sự việc, đề tài cần biết, học thuộc lòng. Những kiến thức này thường không giúp gì cho họ tiếp cận với chính tác phẩm để thưởng thức văn chương, mà chỉ để giúp họ làm bài, thi lên lớp hay tốt nghiệp, do đó có thể họ không biết mặt ngay cả cuốn sách in tác phẩm mà họ học. Thi cử lại rất có thể trượt. Henri Pieron, giáo sư Collège de France đã lập một khoa học mới, khoa về thi cử (Examen et docimilogie) phê phán nghiêm khắc chế độ thi cử, ngay cả trong trường hợp giám khảo đầy đủ khả năng chuyên môn, vô tư, liêm khiết cũng rất chủ quan sai trái trong việc chấm thi, và do đó gây ra những oan ức bất công đưa tới những hậu quả tai hại cho bản thân người thi và gia đình thân thuộc. Chẳng hạn ông lấy một bài thi tú tài về triết học có điểm 10/20 gửi cho bảy mươi giáo sư, chấm lại mà không biết cho điểm đã chấm. Hai mươi giáo sư cho điểm từ 9 đến 11, mười chín vị khác từ 12 đến 16 và mười dưới 9. Bài triết hệ số 4. Sự kiện trên cho thấy cái may rủi của số điểm trên hay dưới trung bình. Một trắc nghiệm khác: trong 166 người dự thi tuyển vào đại học Sư phạm, một bài thi được xếp hạng thứ 2, chấm lại giám khảo thứ hai xếp thứ 165. Đó là chủ quan khác nhau của nhiều người. Một trắc nghiệm khác, một giáo sư sinh học yêu cầu chấm lại 37 bài sau ba năm, chỉ có bảy bài giữ nguyên điểm ban đầu, một nửa được trúng tuyển bị trượt, còn một nửa ở lại lớp được lên lớp. Tốt nghiệp rồi (đặc biệt tốt nghiệp Văn) hầu như chắc chắn thất nghiệp và phải đi làm một việc không được chuẩn bị gì ở trường. Tại sao người lớn, người lớn tuổi lại bắt buộc hành hạ con cháu mình phải hy sinh cả thời niên thiếu của họ cho một thứ lao động luyện tập phi lý và vô ích như vậy?

C- Lý luận văn học:

Vào những năm đầu thập niên 1960, ở cả hai miền Nam Bắc đều thấy xuất hiện những biên khảo về lý luận văn học. Chẳng hạn bộ "những nguyên lý về lý luận văn học" gồm bốn cuốn. Tủ sách đại học tổng hợp nhà xuất bản Giáo Dục Hà Nội 1962 đã có chú ý tới chính sự kiện văn học để tìm hiểu những đặc tính chung của văn học, những đặc điểm của tác phẩm văn học, chủ đề tư tưởng tác phẩm, kết cấu, cốt truyện, ngôn ngữ văn học, phân biệt loại thể văn học: thơ, tiểu thuyết,

kịch, phương pháp nghệ thuật nghĩa là những xu hướng chủ nghĩa chỉ đạo sáng tác như chủ nghĩa cổ điển, lãng mạng, hiện thực, hiện thực xã hội chủ nghĩa. Thực ra, mẫu số chung, nguyên tắc tổng quát của lý luận văn học không khác gì phê bình văn học, văn học sử kể trên: cũng vận dụng những yếu tố không phải văn chương để giải thích, xác định giá trị văn chương hơn là vận dụng chính những yếu tố văn chương (1).

Cũng vào thời kỳ đó, ở cả hai miền thấy xuất hiện những trung tâm nghiên cứu ngôn ngữ, viện ngôn ngữ và thành lập những khoa ngôn ngữ, ngữ văn ở các trường đại học. Có lẽ vì là một khoa học xã hội gần gũi hơn cả với khoa học tự nhiên nên ngôn ngữ học được phát triển dễ dàng chăng? Tuy nhiên những cố gắng liên hệ các khoa học ngôn ngữ và nghiên cứu phê bình văn học không đáng kể. Có lẽ vì tự bản thân, người nghiên cứu ngôn ngữ không muốn hay ít muốn liên hệ với văn học. Còn người làm văn học lại ít biết hay không biết gì về ngôn ngữ học. Ngoài ra vì những quy chụp những nỗ lực này (chẳng hạn "thuyết cấu trúc" là một biến dạng của triết học Duy tâm, là con đẻ của triết học Tư sản hiện đại (xem ký hiệu nghĩa và phê bình văn học, Hoàng Trinh, nhà xuất bản Văn Học Hà Nội 1979) "Đấu tranh chống ảnh hưởng của các quan điểm tư sản và xét lại, cũng như các quan điểm bảo thủ và giáo điều, là một nhiệm vụ của khoa học xã hội nhằm bảo vệ đường lối của đảng. Tìm hiểu và phê phán chủ nghĩa cấu trúc, một trào lưu thời thượng xuất hiện trong hệ tư tưởng tư sản Tây phương hiện nay và đã thâm nhập vào các vùng còn bị tạm chiếm ở miền Nam nước ta, cũng nằm trong nhiệm vụ chính trị đó" (trang 20).

Khốn nỗi, nói một cách tổng quát, thực ra ngôn ngữ học cũng như những liên hệ ngôn ngữ học và văn học lại không phải con đẻ của tư sản phương Tây mà bắt nguồn từ Liên Xô -quê hương của xã hội chủ nghĩa, lúc còn là nước Nga...- Và chính lối nhìn sử dụng những yếu tố, quan niệm không phải văn học đã giải thích, đánh giá văn học mới xuất phát từ tư sản phương Tây.

II- Nguồn gốc một lối nhìn

A- Lối nhìn của Lanson:

Phê bình văn học và văn học sử Việt Nam, từ khi có tiếp xúc giao lưu với văn hóa Pháp đã chịu ảnh hưởng lối nhìn văn học Pháp của thế thế XIX, đầu XX. Lối nhìn này chủ yếu theo Lanson, tác giả bộ sách

giáo khoa về văn học sử Pháp ngự trị hầu như độc tôn trên văn đàn và ở các trường học Pháp hồi cuối thế kỷ XIX mãi cho đến gần đây mới bị "phê phán" (từ 1960). Đó là một lối giải thích văn chương dựa vào những yếu tố không phải văn chương (lịch sử, xã hội hoặc bằng những phân chia, phân kỳ theo các xu hướng trường phái thế kỷ... rất ít chú ý đến chính việc tìm hiểu ngôn ngữ diễn tả).

Cuốn văn học sử của Lanson (2) xuất bản lần đầu tiên vào năm 1894, sau 20 năm đã tái bản đến lần thứ 12 (1909) và được Tuffaut bổ sung năm 1951, không rõ là tái bản lần thứ bao nhiêu. Sách dày 1442 trang. Trong lời nói đầu bản 1894, Lanson viết cuốn sách chủ yếu để tặng các học sinh, sinh viên nhằm cung cấp cho họ "kiến thức chính xác, tích cực, cần thiết để hướng dẫn những suy luận của họ" (trang VII). Sách có bảy phần:

Phần I: Trung Cổ

Phần II: Từ Trung Cổ đến Phục Hưng

Phần III: Thế kỷ XVI. Phân biệt một vài trào lưu văn học. Ảnh hưởng của nội chiến, những tranh chấp về tư tưởng và đam mê.

Phần IV: Thế kỷ XVII, các tác giả cổ điển: Corneille, Molière, Racine, La Fontaine, Fenelon, Bossuet, La Bruyère...

Phần V: Thế kỷ XVIII. Đặc tính tổng quát. Những hình thức nghệ thuật: thi ca, bi kịch, hài kịch, tiểu thuyết. Những tâm trí và tư tưởng: Voltaire, Montesquieu, Diderot, Buffon, J.J. Rousseau...

Phần VI: Thế kỷ XIX. Ảnh hưởng của cách mạng. Phong trào lãng mạn trong thi ca, kịch, tiểu thuyết. Phong trào chủ nghĩa tự nhiên, phê bình, thơ: Victor Hugo, hài kịch, tiểu thuyết (E. Zola, A. France, Guy de Maupassant). Phong trào tượng trưng trong thơ, tiểu thuyết, kịch.

Phần VII: thời kỳ hiện đại (1919-1950). Thơ, tiểu thuyết, kịch, phê bình.

Bộ văn học sử của Lanson có mấy đặc điểm sau đây:

1- Chỉ chú trọng tìm hiểu văn học bác học, tầng lớp trên và do đó văn học chữ viết mà thôi.

2- Phân biệt văn học thành ba loại chính: thơ, tiểu thuyết, kịch.

3- Giải thích văn chương bằng những kiến thức về những yếu tố không phải văn chương, yếu tố chung quanh, bên lề, liên hệ với văn

chương mà thôi như: tiểu sử, bối cảnh lịch sử (lịch sử, chế độ xã hội, chính trị), các trào lưu tư tưởng.

4- Bỏ qua văn học dân gian từ thế kỷ XVII trở đi, do đó bỏ qua văn nói, bỏ qua tôn giáo khi đề cập đến các trào lưu tư tưởng, do ảnh hưởng của cách mạng Pháp, gạt tôn giáo ra khỏi nhà trường, xã hội.

Lối nhìn tiếp cận văn học của Lanson được trình bày có hệ thống, rõ rệt hơn trong cuốn "Khảo luận về phương pháp phê bình và văn học sử, do Henri Peyre sưu tầm giới thiệu" (3).

Trong bài Phương pháp văn học sử viết năm 1910 in trong bộ sách trên, Lanson đã trình bày mấy điểm chính như sau:

1- Phương pháp văn học chủ yếu là phương pháp lịch sử nhằm cung cấp cho người đọc một kiến thức đầy đủ về tác giả, tác phẩm, thời đại như tiểu sử, tác giả, tâm tình tác giả, tình trạng thư tịch, thư mục, bản thảo, bản gốc, bản chính thức, trào lưu tư tưởng, sử ký.

2- Đặc biệt chú ý những tuyệt tác, phân biệt được cái chung, cái riêng độc đáo, tìm hiểu cái chung để hiểu cái riêng và dù sao tác giả cũng là "sản phẩm của một hoàn cảnh, một giới và đại diện tiêu biểu cho một nhóm, tập thể".

3- So sánh các bản văn của các tác giả để "phân biệt cái cá thể với cái tập thể, cái độc đáo và cái truyền thống, rồi sắp xếp chung lại thành loại thể văn, trường phái, phong trào, và sau cùng xác định những quan hệ giữa các nhóm đó với đời sống trí thức, luân lý, xã hội của xứ sở cũng như với sự phát triển văn học và văn minh Âu châu" (trang 43).

4- Sau cùng nghiên cứu văn học, coi văn học như một phản ảnh xã hội "văn học sử kết thúc bằng cách diễn tả những quan hệ giữa văn chương và đời sống, do đó nó bắt gặp, tiếp nối xã hội học vì văn chương là một biểu lộ của xã hội" (trang 46).

Tóm lại, phương pháp của Lanson: coi sự kiện văn học là một sự kiện lịch sử, do đó tác phẩm hay bản văn là một biến cố cần được đặt vào trong một hoàn cảnh và gắn liền với đủ các thứ liên hệ: tình trạng tư tưởng, phong tục, áp lực chính trị, xã hội, ảnh hưởng tiếp thu những tác phẩm tác giả đi trước và tác động có thể có vào các trào lưu văn học. Sở dĩ Lanson được chấp nhận ngự trị trên nửa thế kỷ ở các trường học là vì ông đã dung hòa được những xu hướng quá khích của những nhà phê bình văn học sử đương thời chỉ nhấn mạnh vào một yếu tố giải thích.

Chẳng hạn S. Beuve chú trọng đề cao tiểu sử, còn Taine đề cao vai trò quyết định của chủng tộc, môi trường sống, trong khi Brunetière lại chỉ nhấn mạnh vào diễn tiến các thể loại văn học v.v...

B- Phê phán Lanson:

Vào những năm đầu thập kỷ 1960, Lanon bị phê phán. Nhân kỷ niệm 100 năm sinh nhật của Lanson do đại học Sorbonne Paris tổ chức, một tranh luận đã bùng lên giữa những người còn chủ trương ủng hộ văn học sử và những người chống lại. Tờ báo "Combat" mục văn học đã dành một trang giới thiệu cuộc tranh luận này. Dưới đây xin giới thiếu mấy ý chính:

Trang báo được đặt tựa: "Dạy văn học sử: học thuyết Lanson là một lỗi thời tai hại". Henry Chapier viết: "Học thuyết Lanson lỗi thời, nhưng nó gây tai hại ở trường học ít hơn ở việc nghiên cứu. Tuy vậy, chưa có cuốn văn học sử nào thay thế nó. Xuất bản từ 40 năm nay, bây giờ người ta vẫn còn tái bản một số lượng lớn dành cho các trường trung học, vì nó vẫn luôn luôn là hướng đạo của những thế hệ trẻ. Làm sao giải thích được một cuốn sách giáo khoa không bị thời gian đào thải? Chính vì nó là một phương pháp, nếu không giúp gì vào việc cho biết bí nhiệm của tác phẩm nghệ thuật, vẫn giúp sinh viên thiết lập các phiếu ghi và cung cấp cho sinh viên những khung cảnh làm việc. Tất cả cho thi cử, ai ưa chuộng chính bản văn hơn là những khuôn mẫu sẵn có, có thể quay trở lại nghiên cứu các phương pháp sáng tạo. Bộ giáo khoa Lanson thuộc về một thời kỳ đã qua, lúc mà tư tưởng ở trường đại học chỉ chú trọng tới sự kiện thân thế sự nghiệp của tác giả và một thứ tâm lý lỗi thời... Ở Sorbonne, học thuyết Lanson đào tạo những thạc sĩ tương lai làm viên chức của văn chương". Thực ra, theo Chapier, Lanson chỉ chú ý tới thân thế sự nghiệp khi tiểu sử có những điểm liên hệ đến tác phẩm và đó là những điểm công khai, mặt nổi ai cũng có thể nhận ra, chấp nhận sau khi kiểm tra... Việc làm này cũng có ích, tương tự một người vào một thành phố xa lạ cần xem bản đồ vẽ phố xá, ghi chú các dinh thự, cơ quan, di tích lịch sử... Nhưng chính vì thế mà lối tìm hiểu có thể hời hợt, bên ngoài và không hiểu được những chiều sâu, đích thực của tác phẩm, mà một phương pháp như tâm phân học có thể phát hiện được dựa vào những chi tiết tầm thường, vô nghĩa trong cuộc đời của tác giả, không phải là những biến cố quan trọng, nổi bật...

Xu hướng đối lập với Lanson, thời đó tiêu biểu là nhà thơ Paul

Valéry, coi thường văn học sử vì nó không hề cho biết gì về cái bí nhiệm, cốt lõi của chính tác phẩm hay cái huyền nhiệm của sự hình thành một tác phẩm.

Sau đó, người phụ trách trang đặc biệt này giới thiệu ý kiến một vài người chống Lanson:

Giáo sư Antoine (đại học Sorbonne): "Con người Lanson rất đáng được kính trọng, vì ông là một nhà giáo lớn... Nhưng học thuyết Lanson còn ngự trị và vẫn tiếp tục tác hại trong đại học là một điều đáng ghét vì đây là một phương pháp gán cho văn học sử một tôn sùng mà nó kgông hề xứng đáng: 'tự coi có thể giúp chúng ta thấu hiểu những bí quyết của sáng tạo văn chương chỉ bằng những kiểm tra về những hoàn cảnh...' Cộng thêm những truy lùng nguồn gốc xuất xứ. Nghĩa là tất cả những bản văn của nền văn học chúng ta hay của các nền văn học nước ngoài, cổ xưa có dính dáng tới tác phẩm muốn tìm hiểu: André Malraux nói: 'Gia tài luôn luôn là một biến cải' (L'heritage est toujours une métamorphose). Phương pháp Lanson chỉ chú ý tìm hiểu một tác phẩm về cái phần nó là một gia tài, tiếp thu các ảnh hưởng, những chi phối đủ mặt... mà sao nhãng bỏ quên tìm hiểu phần biến cải, là điều đáng kể duy nhất..."

Michel Butor (giáo sư đồng thời là nhà văn): Lanson thật là vô dụng. Xét về phương diện lịch sử, những tác giả mà Lanson lưu ý, đề cao thì ngày nay lại không đáng được như vậy, ngược lại, ông bỏ quên, bỏ qua những người khác mà chúng ta coi là quan trọng ở thế kỷ của họ. Cuốn văn học sử của Lanson chỉ nên được coi như một tài liệu đánh dấu một giai đoạn diễn tiến của phê bình văn học mà thôi.

Roland Barthes (nhà phê bình: Phương pháp của Lanson, dựa trên một quan niệm tâm lý lỗi thời, đã chỉ chú ý tới sự kiện tiểu sử và phê bình văn bản. thế giới đã đổi thay rồi. Ngày nay, văn học bắt đầu xuất hiện với chúng ta như một "trật tự những ý nghĩa", không còn như một tổng cộng các sự kiện. Bây giờ, học thuyết Lanson nên được coi là một phương pháp giảng dạy hơn là một phương pháp nghiên cứu. Ở Pháp vẫn còn lẫn lộn đáng tiếc giữa nghiên cứu av2 giảng dạy, và nghiên cứu nếu muốn làm một cách nghiêm chỉnh, có kết quả, phải "phiêu lưu" nghĩa là phải có sáng tạo, đưa ra những giả thuyết giải thích... Như trong toán học mặc dầu là một khoa học chính xác, người ta vẫn sử dụng những

"giả thuyết trái ngược". Tại sao văn học lại không có thể làm như vậy? (4)

III- Quay trở lại văn chương

Cuối những năm thập kỷ 60 và đầu thập kỷ 70, càng ngày càng hình thành rõ rệt xu hướng quay trở về với chính tác phẩm văn chương, tìm hiểu, giải thích văn chương bằng những yếu tố nội tại, không phải những yếu tố liên quan, bên lề, xung quanh văn chương.

Phụ trang số 7529 của nhật báo Le Monde ngày 29-3-1969 dành một trang giới thiệu tổng quát xu hướng này nhan đề: "Tiến tới một lý thuyết về văn chương". Lời mở đầu đại ý nói: "Giữa một bên là phê bình văn học, và bên kia văn học sử ở Pháp và ngoại quốc đang thấy phát triển một lối nghiên cứu mới không chú ý tới các tác phẩm của những cá nhân cho bằng tới chính bản thân văn chương, về những diều kiện tồn tại phát triển của nó, về những phương cách hành động hoặc tính đa dạng trong các hình thái loại thể của văn chương. Đó là hướng mà Paul Valéry đã vạch ra. Hướng tìm hiểu mới này thoạt tiên chỉ thấy ở các nhóm nghiên cứu trong những trường cao đẳng đại học, hay trung tâm truyền thông đại chúng, bây giờ đã ra mắt công khai ngay ac3 trong lãnh vực giảng dạy. Đã có những thể nghiệm dạy văn học theo hướng mới ở trung học cũng như ở đại học.

Gérard Genette, một trong những nhà lý luận của lý thuyết về văn học đã xác định rõ mục tiêu của hướng đổi mới lý thuyết văn học: "Mọi suy nghĩ nghiêm chỉnh và sâu sắc về phê bình văn học không thể không suy nghĩ về chính văn học. Những suy nghĩ này không dừng lại ở tác phẩm này, tác phẩm kia của một tác giả trong các tác giả, mà phải làm sao lãnh hội dược tính chất văn chương, yếu tính văn trong tất cả các tác phẩm mà những khoa học như ngôn ngữ học, ký hiệu học, bút pháp học, phân tích diễn từ v.v... có thể cung cấp những dữ kiện tìm hiểu, tiếp cận. Xa hơn nữa, không phải chỉ nhằm khai phá tính văn chương *đã có* trong tác phẩm, mà cả tính văn chương *có thể có*, đưa đến một lối nhìn cởi mở về lý luận văn học. Tzvetan Torodov nêu vấn đề người ta có thể chờ đợi gì ở các khoa học nhân văn trong hướng nghiên cứu văn học mới chưa từng thấy trước đó? Kinh nghiệm cho thấy áp dụng đơn thuần những phương pháp của một khoa học như tâm phân học. xã hội học, ngay cả ngôn ngữ học đều "giản lược hóa" văn học, cho nên tác giả đề nghị nghiên cứu theo hướng liên ngành, mà mỗi ngành chẳng

qua chỉ tiêu biểu một lối tiếp cận. Dĩ nhiên các ngành của ngôn ngữ học trực tiếp liên hệ tới hướng nghiên cứu mới hơn như ký hiệu học, bút pháp học, cấu trúc học v.v... mà cho đến nay kể như chưa có cố gắng nào đáng kể. Về mặt này, có thể vì chính các nhà ngôn ngữ học đã ít lưu ý tới chăng?

Về phương diện giáo khoa, Jean Vernier giới thiệu mấy kinh nghiệm về phương pháp dạy ở trung học và đại học.

Một nhóm giáo sư trung học mang tên "giáo khoa 70" ở Paris đã thử áp dụng lối phân tích cấu trúc vào việc giải thích cuốn "Eugénie Grandet" của Balzac, nêu lên mối quan hệ giữa người kể chuyện và các nhân vật qua các đoạn cụ thể, đối chiếu với nhau cho thấy có ba trường hợp: người kể biết nhiều hơn nhân vật của mình (trường hợp thường xảy ra đối với Balzac, chẳng ah5n khi người kể thuật lại những cảm nghĩ thầm kín của những người tụ tập tại nhà Grandet), người kể đồng hóa với nhân vật, hoặc đứng ngoài nhân vật. Và gợi ý cho học sinh tìm hiểu trong các trích dẫn, một số yếu tố của diễn từ chẳng qua chỉ phản ảnh những ưa thích hoặc phán đoán của chính tác giả.

Hướng giải thích được tổ chức theo nhóm, làm việc tập thể, nhằm chú ý toàn bộ tác phẩm, không phải từng đoạn và không cần phải biết tiểu sửcặ hay các trường phái văn học.

Trên đại học, một trung tâm trắc nghiệm được thành lập ở đại học Vincennes. Việc giảng dạy văn học Pháp, thay vì theo lối truyền thống dạy văn học sử lần đầu tiên lại chỉ dựa vào một quan niệm lý thuyết về văn chương. Tuy nhiên không giới hạn vào một trường phái nào bắt sinh viên phải chọn, mà để tất cả các xu hướng mới, sống động đều được giới thiệu. Các lớp học được chia thành ban một, tương xứng với những viễn tượng phê bình lớn hiện đại: ban văn chương và xã hội, tìm hiểu những quan hệ giữa văn chương và chính trị, phân tích xã hội học sự kiện văn học, ban văn chương và hiện hữu tìm hiểu văn chương qua những phạm trù hiện hữu chính: Không gian, thời gian, hữu thể... (chẳng hạn lối phê bình của G. Ponlet, M. Blanchet, J. Starrbinski, văn chương và tưởng tượng (theo truyền thống G. Bachelard) v.v...). Trong ban văn chương và ngôn ngữ, chú ý tới những nghiên cứu về bút pháp, ký hiệu học và loại thể học, ngoài những loại thơ, tiểu thuyết, kịch, bổ sung thêm những thể loại đã bị bỏ quên, bỏ qua, như văn chương đại chúng, văn chương giả tưởng, trinh thám, diễn từ, triết học, tôn giáo v.v...

Sau cùng giới thiệu ít hàng về "những người theo phái hình thức (formalistes) cha đẻ của một trào lưu trường phái ngôn ngữ học và những vận dụng ngôn ngữ học vào nghiên cứu văn học theo hướng kể trên. Trường phái đầu tiên về lý thống văn học được biết được cái tên "chủ nghĩa hình thức Nga" đại diện cho một nhóm chừng 12 nhà phê bình, viết văn hay nhà ngữ học ở Mạc Tư Khoa và Léningrad khoảng từ 1915 đến 1930. Thuở ban đầu, nhóm này gắn bó chặt chẽ với phong trào thi ca hiện đại tiền phong, phái tương lai (Maiakovski, Khlebnikov, Pasternak) vào những năm 20, nhóm bị đả kích và tan biến dần.

Đặc điểm đầu tiên của trường phái này là định nghĩa đối tượng nghiên cứu văn học. Nhóm biện hộ cho việc thiết lập một kiến thức *nội tại* của văn chương với những luật riêng của nó. Nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện liên quan đến các khía ac5nh khác nhau của tác phẩm văn học. Về thơ, nhóm đề nghị những kỹ thuật khai phá mới để tìm hiểu nhịp điệu (Tomachevski) âm thanh (Brik) cung giọng (Eikhenbaum) vần thơ (Jirmounski) cú pháp thơ (Brik) hoặc mối quan hệ giữa các bình diện khác nhau (Tynianov). Nghiên cứu hư cấu, nhóm đưa ra những phân loại bút pháp, diễn từ của chuyện kể (Eikhenbaum, Bakhtin) nghiên cứu về cấu tạo truyện ngắn và tiểu thuyết (Chklonski) về hình ảnh và vai trò của người kể (Vinogradov) về phân loại hư cấu (Tomachevski, Eikhenbaum). Nhóm này bị lên án là "vụ hình thức", sao nhãng nội dung. Đây là một vu khống đối với họ không chủ trương phân biệt hình thức nội dung khi chứng minh những chủ đề cũng được tổ chức, mang hình thức như nhịp điệu, âm thanh. Một vu khống khác: tố cáo nhóm chủ trương phi lịch sử và nhất là không chú ý tới những quan hệ giữa văn chương với xã hội.

Những tư tưởng của phái "hình thức Nga" bị chôn vùi vào những năm 1930 nay được phục sinh một cách sinh động, bằng chứng cụ thể là việc dịch và xuất bản một số bài chọn lọc của nhóm (1965) nhan đề "lý thuyết về văn chương" do T. Todorov biên soạn và Roman Jakobson đề tựa (5). Trong lời tựa, Jakobson, một người thuộc nhóm "hình thức chủ nghĩa" cho biết rõ mối quan hệ giữa những nhà ngữ học và văn học thời đó. Mùa đông 1914-15, một nhóm sinh viên dưới sự bảo trợ của Hàn lâm viện Khoa Học, thành lập "Câu lạc bộ ngữ học Mạc Tư Khoa" nhằm nghiên cứu ngữ học và thi ca. Nhờ sáng kiến của O. Birk mà một nhóm nhà nghiên cứu trẻ tuổi đã cho ra đời tuyển tập

nghiên cứu về lý thuyết ngôn ngữ thơ (Petrograd 1916) và sau đó, đầu năm 1917, thành lập "Hội nghiên cứu ngôn ngữ thi ca", viết tắt là OPOIAZ cộng tác chặt chẽ với "Câu lạc bộ Mạc Tư Khoa".

Nếu ngày nay, phân tách cấu trúc trong ngôn ngữ học và các ngành khoa học xã hội khác đã phát triển ở quy mô quốc tế, dĩ nhiên không thể quên sự đóng góp ban đầu của những người Nga đi tiên phong vào những năm 1910, 1920 "nhất là qua trung gian nhóm Nga-Tiệp, được thành lập ở Prague năm 1926 theo góy Câu lạc bộ Mạc Tư Khoa" (trang 11).

Thực ra, việc phổ biến truyền bá ngữ học và vận dụng ngữ học vào văn học ở phương Tây chủ yếu do chính những người Nga, hay Đông Âu đã tham gia Câu lạc bộ Mạc Tư Khoa hay Câu lạc bộ Praha di lưu vong ở phương Tây thực hiện. Roman Jakobson là giáo sư đại học Harvard, những T. Todorov (gốc Bungari), A.J. Greimas (gốc Lithuanie) mất ở Paris (24-2-1992), Julia kriseva (gốc Nga) nghiên cứu và giảng dạy ở Pháp. Một vài gười Tây Âu như Gerard Genette, Roland Barthes, đặc biệt Claude Lévi Strauss là đồ đệ của những nhà ngữ học gốc Nga. Khi viết lời tựa cuốn sách của Jakobson xuất bản ở Pháp (1976), C. Lévi Strauss thú nhận "đã phải viết vì được tác giả yêu cầu, và còn viết như minh chứng của một thính giả, và hơn nữa, của một đồ đệ về những bài giảng của Jakobson là những bài đầu tiên tôi được nghe ở Nữu Ước vào năm 1942-43" và lúc đó C. Lévi Strauss chưa biết gì về ngữ học (6).

Về ngữ học, có hai trường phái chính: Nga và Mỹ. Những người vận dụng những kiến thức ngữ học vào việc nghiên cứu văn học ở Tây phương đều là người gốc Nga, Đông Âu hoặc là người Tây phương chịu ảnh hưởng của trường phái Nga.

Trở lại Việt Nam ngay từ năm 1955, miền Bắc đã có dịp tiếp xúc với văn hóa Nga và hình như cũng có những người dịch, hoặc vận dụng những tác giả Nga thuộc nhóm hình thức vào việc nghiên cứu tiếng Việt, văn học Việt Nam, nhưng chưa thể phổ biến công khai. Còn ở miền Nam, một vài người nghiên cứu tiếng Việt, làm luận án tiến sĩ về tiếng Việt ở Sorbonne như Linh mục Lê Văn Lý (7), Linh mục Nguyễn Hưng, Giáo sư Phạm Hữu Lai đều là học trò của A. Martinet (năm nay gần 90 tuổi) thuộc trường phái Prague. Sau 1975 mấy ông kể trên đã là giáo sư ngữ học ở đại học đều được cho nghỉ việc. Linh mục Lê Văn Lý nhờ

quen thân với ông Phạm Huy Thông, cùng học ở Pháp, Linh mục Nguyễn Hưng đi coi xứ, còn ông Phạm Hữu Lai bị chỉ định cư trú ở Hố Nai, vừa nghiên cứu ngôn ngữ vừa chăn dê. Một vài người viết nói về cấu trúc ở miền Nam thì cũng theo chân những Todorov, Claude Lévi Strauss thôi. Tóm lại những sinh hoạt nghiên cứu này không có gì xuất phát từ duy tâm, triết học tư sản phương Tây như giáo sư Viện sĩ Hoàng Trinh đã nói.

(còn một kỳ)

---

(1) Cuốn "Lý luận và văn học" của Lê Ngọc Trà (NX Trẻ TPHCM 1990) và cuộc tranh luận về cuốn đó, cũng vẫn còn diễn ra trong viễn tượng những mối quan hệ giữa văn học và chính trị và văn học phản ảnh hiện thực.

(2) G. Lanson, Histoire de la littérature franaise remaniée et complétée pour la période 1850-1950 par Paul Tuffaut. Lib. Hachette 1951.

(3) G. Lanson. Essais de Methode de critique et d'histoire littéraire, rassemblée et présentés par Henri Peyre. Hachette 1965.

(4) Combat, trang 6, ngày 4-5-1961.

(5) Théorie de la littérature. Textes des formalistes russes réunis présentés et traduits par Tzvetan Todorov. Préface de Roman Jakobson. Ed. du Seuil Paris 1965.

(6) Claude Lévi-Strauus - Le Regard éloigné. Plon 1983, trang 191.

(7) Đánh giá Lê Văn Lý, Đào Xuân Ninh trong "Hoạt động của từ Việt", trang 32-33 đã coi công trình của Lê Văn Lý với tính chất khoa học của nó đánh dấu một bước ngoặt trên con đường nghiên cứu tiếng Việt (Linh mục Lê Văn Lý đã qua đời tháng 8 năm 1992 ở Mỹ).

THẾ UYÊN

góp ý về việc soạn thảo "hai mươi năm văn học hải ngoại"

Một nền văn học không lưu vong

Mặc dù đã được yêu cầu cho những ý kiến thật cụ thể, những ý kiến để thực hiện bộ sách đã dự trù, chứ không phải để lý luận về văn học, người viết cũng vẫn phải bắt đầu bằng một sự góp ý về một số ý niệm căn bản. Lý do bởi vì "Thư tòa soạn" (Văn Học số 97, tháng 5, 1994) đã viết như sau: "*Số báo này phát hành đúng vào ngày kỷ niệm mười chín năm LƯU VONG của TẬP THỂ TỊ NẠN" Việt Nam chúng ta... Để chuẩn bị cho ngày kỷ niệm hai mươi năm LƯU VONG vào sang năm, trong số báo tháng trước, Văn Học đã công bố dự án viết một tập sơ thảo hao mươi năm VĂN CHƯƠNG hải ngoại...*". (những chữ viết hoa là do người viết).

Góp ý đầu tiên là những từ "tị nạn" và "lưu vong" Văn Học đã sử dụng. Theo ý riêng, chúng ta không nên tiên quyết *dán nhãn* cho nền văn học Việt Nam hải ngoại, bởi vì làm như vậy, những người viết dễ có một cái nhìn thiên lệch, một căn bản nặng thành kiến ngay từ lúc khởi đầu soạn thảo.

Thế nào là một người lưu vong với tâm thức lưu vong để tạo ra một nền văn học lưu vong? Theo nghĩa thông dụng, một người lưu vong là một người phải đột ngột từ bỏ nơi đang cư ngụ chạy trốn tới một miền đất mới (có thể vẫn ở trong nước đó, thí dụ như bỏ Hà Nội chạy vào miền Đồng Tháp Mười, hoặc có thể ra hẳn nước ngoài, thí dụ vua Lê Chiêu Thống, Tôn Thất Thuyết). Nếu không di chuyển cấp tốc, bản thân bị truy tố, bắt nhốt, hành hạ, hoặc giết chết. Có thể vì lý do chính trị (đối lập với triều đại, với chế độ), có thể vì lý do tư tưởng hay tôn giáo... Một khi đã đến một vùng đất an toàn thì những người đó được dân nơi vùng đất mới cho hưởng quy chế tị nạn và cho tạm trú ở một thời gian có thể là dài hay ngắn.

Một khi đã tạm định cư ở vùng đất mới rồi thì có hai trường hợp xảy ra: thứ nhất là ngay khi lý do làm cho người tị nạn phải đào tẩu lưu vong chấm dứt hay biến mất, người tị nạn ấy trở về vùng đất cũ sinh sống.

Trong suốt thời gian sống ở vùng đất mới người tị nạn vẫn giữ nguyên vẹn tất cả tâm tư, bản sắc cùng những nét sinh hoạt của mình, từ chối hội nhập với cộng đồng dân cư nơi vùng đất mới, trong lòng lúc nào cũng hướng về vùng đất cũ. Trong trường hợp này chúng ta có một con người lưu vong thật sự và nếu những người này có viết văn hay làm thơ để diễn tả tâm trạng của mình, thì văn chương đó có thể gọi là văn chương tị nạn và lưu vong. Không hiểu ông Tôn Thất Thuyết khi ở miền Nam Trung Hoa, khi rút kiếm ra phẫn uất chém đá, có làm một bài thơ nào không. Giả thử nếu có, thí đó là thơ lưu vong chắc chắn, và vùng đất ông Thuyết cư ngụ lúc chém đá ấy có thể gọi là "cõi tạm dung".

Trường hợp thứ hai, rất thường xảy ra: người tị nạn lưu vong ở lâu bén rễ nơi vùng đất mới, mua nhà mua đất, sinh con đẻ cháu, không còn tha thiết trở về quê hương cũ nữa. Trong trường hợp này, những thơ văn của họ dần dần không còn có đặc tính lưu vong nữa bởi vì không còn ở tâm trạng lúc chạy trốn ra đi. Nhưng thơ văn họ viết ra sau này, nếu viết bằng tiếng mẹ đẻ, thì sẽ là một thứ văn chương hải ngoại. Nếu viết bằng tiếng nước họ đã cư ngụ nhiều năm, thì văn chương đó sẽ gia nhập dòng chính của nước đang ở ấy (và sẽ được nước gia chủ xếp vào thành phần văn chương của thiểu số - thí dụ như trường hợp nhà văn nữ da đen Tom Morrison giải Nobel vừa qua, hay nhà văn gốc Trung Hoa Amy Tan).

Nhìn lại sự hình thành của cộng đồng Việt Nam hải ngoại, thật dễ đồng ý với nhau là hơn một trăm ngàn người Việt đi tản năm 1975 là những người tị nạn lưu vong. Nhưng những người đi sau, lại không là như thế. Thí dụ thứ nhất: thành phần đi ra nước ngoài theo diện đoàn tụ gia đình. Những người này vì có thân nhân ở nước ngoài đủ điều kiện bảo lãnh, nên đã ở vị trí được chọn ở lại quê hương hay lên đường đi sinh sống nơi nước ngoài với thân nhân. Chính quyền địa phương không xua đuổi họ, giáo hội Công giáo, Phật giáo... không khu trừ họ. *Đi hay ở lại, là chọn lựa của mỗi người*. Nếu họ chọn lựa ra đi thì chỉ vì ngoài lý do đoàn tụ với người thân, vùng đất mới ấy hứa hẹn mang lại cho con người những điều kiện sống (tinh thần cũng như vật chất) tốt đẹp hơn quê hương cũ. Thành phần này, sau khi đã có cuộc sống ổn định ở nước ngoài, thì những tác phẩm văn chương của họ khó có tâm tình tị nạn và tâm thức lưu vong như thành phần kia. Tự ý mình nạp hồ sơ xin đi nước ngoài, cầm giấy xuất cảnh hay hộ chiếu của chính quyền địa phương

mà bước lên máy bay đầy đủ tiện nghi quốc tế, đâu có thể nghĩ và nói: "Tôi tự lưu đày tôi...". Còn nếu có khóc đôi chút vì phải xa quê hương cũ, thì một cô nữ sinh viên du học cũng có những giọt nước mắt này. Còn về thành phần boat people, những người vượt biên ra nước ngoài, ngoài sự kiện ra đi bất hợp pháp (đối với chính quyền địa phương), cũng vẫn có khởi điểm là sự chọn lựa cá nhân về một vùng đất thích hợp với mình nhất. Thơ văn của những người này dễ có nhiều điểm gần với những người đi toàn tụ gia đình hơn là những người di tản.

Nói một cách khác, dù ra nước ngoài, định cư theo cách thế nào chăng nữa, những người ra đi VÌ CHỌN LỰA CÁ NHÂN, nếu bỏ lối xếp hạng kiểu hành chính ra ngoài (refugee, immigrant, PIP hay parolee), nếu có làm văn chương, thì đó sẽ là thứ văn học hải ngoại. Thậm chí ngay những người tị nạn lưu vong chính cống, những người đi 1975, một khi họ chọn lựa gia nhập vào quê hương mới, xin quyền công dân và giơ tay tuyên thệ với lá cờ của quốc gia mới, thì họ đã tiệm tiến chuyển từ tâm thức lưu vong sang một tâm thức khác. Bây giờ họ đã thành một người Mỹ, Pháp, Úc, Canada gốc Việt, một con người hai văn hóa, hai quê hương. Văn chương của họ không phải là văn chương lưu vong nữa, mà là văn chương hải ngoại, văn chương của những người Việt cư ngụ ở nước ngoài.

Đó là chỉ mới xét về những người đã trưởng thành khi đi ra nước ngoài cư ngụ. Những trẻ con họ mang theo, nếu dưới mười tuổi, thì lại khác hẳn. Những đứa trẻ cỡ mười tuổi năm 75 (hay mới theo bố mẹ tới nước ngoài theo diện con lai, đoàn tụ hay HO gần đây) theo học các trường trung tiểu học của Mỹ, Canada, Úc, Pháp... lớn lên trong bầu khí địa phương, khi họ cầm bút viết văn tiếng Việt, thì văn chương của họ là văn chương Việt Nam ở hải ngoại. Không có những đặc tính tị nạn và đương nhiên không mang sắc thái lưu vong. Lớp trẻ này chỉ nhớ rất mơ hồ về Việt Nam và không mấy em có ý định sau này trở về Việt Nam sinh sống - dù chế độ Cộng sản có còn hay đã chấm dứt. Khi họ làm thơ viết văn, khó mà kiếm cho ra tình tự hay tâm thức lưu vong. Thí dụ như trường hợp những Dương Như Nguyễn, Hoàng Mai Đạt, Vũ Quỳnh N.H.. Bây giờ cứ thử xếp loại Đỗ Kh. vào loại nhà văn lưu vong xem có ổn hay không?

Bởi những phân tích trên, xin đề nghị khi cùng nhau soạn thảo biên khảo về 20 năm văn học hải ngoại, hãy bỏ những chữ (và những ý niệm

đi kèm với những chữ ấy) như tị nạn và lưu vong ra ngoài. Những bài thơ bài văn tạo thành thời kỳ văn học ấy được viết tại hải ngoại và bằng tiếng Việt, thì tên gọi đúng của nó chỉ có thể là "văn chương hay văn học Việt Nam tại hải ngoại".

Không chỉ là "xa quê hương nhớ mẹ hiền"

Trong hai mươi năm vừa qua, văn học Việt Nam tại hải ngoại có nhiều khuynh hướng, nhiều bút pháp khác hẳn nhau. Nếu chỉ xét một cách sơ lược, thấy có đủ loại tâm thức tâm tình: tị nạn và lưu vong, chống Cộng và Phục quốc, tình hoài hương "hoài niệm Lê triều" và "vinh danh QLVNCH", giải phóng tình dục và phụ nữ, những vấn đề hội nhập và va chạm văn học, phản ánh cuộc sống trước mặt, tình yêu tại nước ngoài... Và dĩ nhiên cũng đã xuất hiện những thơ, và nhất là văn, thường là của lớp trẻ, dù viết bằng Việt ngữ, nhưng theo văn phong Âu Mỹ hiện đại.

Ở nơi đây có một cái bẫy cho việc biên khảo văn học. Đó là việc dán nhãn hiệu "tình hoài hương" cho thời kỳ 20 năm ấy, coi nền văn học này chỉ là một thứ "xa quê hương nhớ mẹ hiền"...

Có hai thành phần đối nghịch nhau tối đa nhưng cũng có ý muốn đề cao tâm thức "xa quê hương nhớ mẹ hiền, tình hoài hương" ấy. Thành phần thứ nhất gồm đa số là lớp già và bảo thủ ở hải ngoại. Thành phần này có hai động lực để muốn như vậy: động lực 1: con người bị ám ảnh thường xuyên bởi quê hương cũ (có người hiểu là từ Lạng Sơn đến Cà Mau, có người chỉ hiểu là từ sông Bến Hải trở xuống), thì mới chịu chống cộng, gia nhập và ủng hộ những hội đoàn chống cộng kiểu cũ để lo phục quốc hay quang phục quê hương. Nếu ai cũng hòa nhịp được với *dòng đời chính* của nước đang cư ngụ, sống vui vẻ thoải mái nơi vùng đất mới, thì đâu còn quan tâm đến việc chống đối và lật đổ chính quyền cộng sản ở nội địa. Động lực 2: có đưa mọi người hướng về quê cũ, nhân danh bảo vệ những giá trị của nền văn hóa cũ (một nền văn hóa quả thật có những giá trị đáng lưu giữ) nhưng lại chỉ để duy trì cơ cấu gia đình phụ hệ Khổng giáo xưa cũ, kiểu chồng chúa vợ tôi, hoặc "vợ là con của mình, muốn đánh mắng lúc nào cũng được".

Thành phần thứ hai cũng thích đề cao, dán nhãn "hoài hương" là đảng cộng sản Việt Nam ở nội địa. Bây giờ cộng đồng Việt ở hải ngoại, sau gần hai mươi năm cố gắng vất vả dủ kiểu đủ loại, đã tạo được những

yếu tố mà những người lãnh đạo nội địa mong được sử dụng: thứ nhất là khối chất xám đã tích lũy khoa học kỹ thuật hiện đại nhất, thứ hai là một lượng ngoại tệ có thể đầu tư, thứ ba là những liên hệ chặt chẽ với các chính quyền và thế lực kinh tế của các quốc gia Tây phương.

Để có thể lôi kéo và sử dụng ba thứ vốn liếng ấy của cộng đồng hải ngoại, từ lâu đảng cộng sản Việt Nam đã không còn gọi những người Việt bỏ quê hương ra đi (di tản, vượt biên, đoàn tụ gia đình...) là những đồ cặn bã của xã hội Việt Nam nữa. Không còn những luận cứ kiểu: nam giới toàn những sì ke đói thuốc đi kiếm drug, nữ toàn gái điếm đi kiếm khách nơi nước ngoài... Những chính sách chiêu dụ mới được đưa ra như chúng ta đã chứng kiến, trong đó có chính sách bảo tồn và khơi dậy tình quê hương nơi những người xa xứ. Cũng do bởi chính sách này, một số bài viết từ nội địa thường có khuynh hướng nhấn mạnh quá đáng đến tình hoài hương của văn học hải ngoại - trong khi trên thực tế, những thứ tâm thức nhớ quê hương cũ thì thời nào chẳng xuất hiện trong thơ văn của con người, không phải chỉ văn chương Việt Nam hải ngoại mới có. Gần đây một người viết khác thật đã có lý khi nhắc nhở rằng những áng văn chương "hoài hương" nổi tiếng nhất của văn học Trung Hoa, đều do những tác giả chưa đi ra khỏi nước Tàu.

Văn học hải ngoại là riêng biệt và trường tồn

Khi sử dụng những từ văn học "tị nạn" hay "lưu vong", chúng ta ám tàng một điều căn bản sau: Một khi yếu tố làm cho người Việt phải tị nạn và lưu vong biến mất, nghĩa là khi đảng cộng sản Việt Nam cùng chế độ họ tạo dựng không còn nữa, thì tất cả hai triệu người Việt cư ngụ ở hải ngoại đều hồi hương. Không còn cộng đồng Việt ở ngoại quốc, nền văn học hải ngoại không còn tồn tại vì đương nhiên gia nhập nền văn học chính ở quốc nội.

Luận về văn học không phải là luận bàn về chính trị để tha hồ ảo tưởng hoang tưởng với nhau. Bởi thế đã đến lúc nên cùng nhau chấp nhận vài sự kiện thực tế. Thí dụ: Ngay cho dù đảng cộng sản Việt Nam biến mất, thay thế bằng một chế độ tương tự như Nam Hàn, hay Đài Loan... thì cộng đồng Việt ở đâu vẫn cứ ở đó, ngoại trừ một thiểu thiểu số trở về vì lý do chính trị, vì muốn truyền bá khoa học kỹ thuật và quản trị, vì muốn buôn bán làm ăn, và vì muốn làm điều thiện giúp đỡ những kẻ khốn cùng và bị áp bức ở nội địa... Thậm chí ngay cả thành phần vẫn được cho là nhớ quê hương cũ nhất, là những người già, cũng không có

bao nhiêu chọn con đường quy cố hương. Xét riêng Hoa Kỳ, với một chế độ trợ cấp cho những người già nghèo, cũng đủ giữ chân khá nhiều vị cao niên ở lại ngoại quốc rồi. Về Việt Nam bây giờ thật dễ, và trong tương lai còn dễ hơn, nhưng tiền già đâu được phép đi theo. Đã thế tuổi già hay bệnh tật, nền y khoa Việt Nam đã chậm tiến lại còn nghèo, làm sao săn sóc cho các cụ bằng nền y khoa hiện đại của Hoa Kỳ.

Nói chung mọi sự sẽ đại khái là: Về thăm thì về, về ở luôn thì không. Và Việt Nam vẫn chỉ là một quê hương để mà nhớ chứ không phải ở để mà thương. Các cộng đồng Việt ở hải ngoại vẫn tiếp tục tồn tại với thời gian, tương tự như các cộng đồng Nhật Bản, Trung Hoa, Đại Hàn, Phi Luật Tân... Riêng các cộng đồng Nhật, Đại Hàn, Phi... ở Hoa Kỳ đã có tuổi thọ khá cao rồi, nước gốc của họ đâu có chế độ cộng sản và cũng chẳng do ngoại bang nào chiếm đóng, sao họ không "quy cố hương"? Cộng đồng châu Á cố cựu nhất ở Mỹ là cộng đồng Hoa, tồn tại cả hai thế kỷ rồi, mà trước 1950, sao không trở về Trung quốc? Sau 1950 nếu có chê Mao Trạch Đông, sao không về hết Đài Loan, Hồng Kông và Singapore? Vậy các cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại rồi cũng sẽ là thế mà thôi...

Không đọc được chữ Hán, chữ Nhật hay tiếng tagalog của người Hoa, Nhật và Phi, người viết không biết nền báo chí và văn học của các cộng đồng ấy ra sao. Ở Mỹ, ghé vào các tiệm sách của các cộng đồng này, thấy sách báo cũng phồn thịnh lắm. Và đó là những cộng đồng tĩnh, nghĩa là tăng trưởng dân số bằng sinh con đẻ cái với đặc điểm chung là thế hệ thứ ba thôi đã nói thạo ngôn ngữ Anh, Pháp, Đức... hơn tiếng mẹ đẻ của cha mẹ ông bà. Còn cộng đồng Việt Nam còn quá trẻ, mới có hai mươi năm, đã thế lại còn tăng thêm mỗi năm trung bình 50,000 từ chính quốc (con lai, boat people, HO, đoàn tụ gia đình...). Hãy nhìn một gia đình HO thì thấy ngay một sự kiện: nếu hai bố mẹ đã già còn mang tâm thức Việt Nam Cộng Hòa, tâm thức thời nội chiến, thì lớp con đi theo đã có một tâm thức khác. Những ai dưới hai mươi tuổi đã sống thời niên thiếu của mình trong chế độ cộng sản Việt Nam, học và lớn lên yêu đương vui buồn cả tuổi thanh xuân trong nội địa, giỏi tiếng Việt là lẽ dĩ nhiên và khi viết văn làm thơ sẽ trở thành nhà văn lớp mới nhất cho các cộng đồng hải ngoại.

Giả thử đến năm 1995 là chấm dứt diện con lai và HO đi chăng nữa, thì lớp trẻ hai mươi của các diện này, nếu làm thơ viết văn bằng tiếng

Việt thì họ có thể viết trong 40 của cuộc đời, nếu không phải là nửa thế kỷ. Với tốc độ đổi thay nhanh chóng của thế giới hiện đại, thật khó mà đoán được văn học Việt Nam năm 2030 sẽ ra sao. Ở nội địa, với tình trạng phát triển chậm cỡ 50 năm so với các nước trung bình khác, chắc chắn sách vẫn còn hiện diện như hiện nay, nhưng in đẹp hơn rõ hơn. Còn ở hải ngoại, trong cộng đồng Việt, vẫn còn những người viết văn làm thơ, nhưng sách còn là sách hiện nay nữa không, hay là một hệ thống computer cực kỳ tối tân vừa cho chữ vừa cho hình ảnh minh họa cho từng nhân vật và diễn tiến trong truyện?

Nói giản dị, văn học Việt Nam hải ngoại đã bắt đầu con đường riêng biệt của mình từ năm 1975, phát triển theo môi trường sống riêng của nó, có khả năng tự tồn tại như một thực thể riêng biệt như thế, cho một tương lai đi suốt tới những thập niên đầu của thế kỷ sau. Nó có thể trao đổi, giao lưu nhiều hơn với nội địa, nhưng không lẫn vào dòng chính ở nội địa. Và đến một thời điểm nào đó rất có thể số độc giả tiếng Việt hải ngoại không còn đủ đông để nuôi dưỡng các nhà xuất bản, thì các nhà văn thơ sẽ gửi tác phẩm mình về in và phổ biến trong nội địa. Nhưng vẫn giữ phong thái hải ngoại của mình vì có muốn từ bỏ nó, cũng chẳng được.

Tương tự như văn học nghệ thuật của Đài Loan và Hồng Kông đã tồn tại song hành từ lâu với văn học nghệ thuật của nội địa Trung Hoa.

Thế Uyên, tháng 5-1994

PHỤ LỤC

Ai là nhà văn hải ngoại?

Định nghĩa đầu tiên: Ai là nhà văn nhà thơ đang cư ngụ tại hải ngoại (tính tới cuối năm 1995), đã viết văn làm thơ bằng tiếng Việt, có sách được in ra, đều là có thể xếp loại nhà văn hải ngoại. Dĩ nhiên những thơ văn ấy phải đạt tới một trình độ nghệ thuật tối thiểu.

Thoáng đọc, độc giả có thể dễ dàng đồng ý với một thứ định nghĩa như trên. Nhưng khi mang ra triển khai và áp dụng, mới thấy không dễ dàng gì. Để giải quyết vấn đề phức tạp này, người viết tạm đưa ra một phân loại và danh mục sơ khởi, từ trường hợp không có gì để bàn cãi đến những trường hợp cần phải thảo luận thêm.

1- *Những nhà văn đã thành danh trước tháng 4-75, sau khi ra hải ngoại vẫn tiếp tục viết:* Mai Thảo, Võ Phiến, Túy Hồng, Nguyễn Mộng

Giác, Thanh Tâm Tuyền, Luân Hoán, Du Tử Lê, Nguyên Sa, Tạ Tỵ, Lê Tất Điều, Duyên Anh, Nhã Ca, Hoàng Khởi Phong, Định Nguyên, Nguyễn Tất Nhiên, Phạm Duy (hồi ký), Nghiêm Xuân Hồng, Nguyên Vũ, Nhất Hạnh, Lệ Hằng...

Những người đã thành danh ở Việt Nam trước đây, sau 1975 dù có định cư ở hải ngoại nhưng không viết nữa, thì chỉ được nhắc tới trong phần nhận định đại cương và phụ lục mà thôi. Đó là trường hợp của những Bình Nguyên Lộc, Vũ Khắc Khoan... Và nếu những nhà văn, thơ mới định cư ở Hoa Kỳ như Cung Trầm Tưởng, Phan Nhật Nam... nếu đến hết 1995 không phổ biến sáng tác mới, cũng sẽ không được coi là đối tượng chính để biên khảo của 20 văn học Việt Nam hải ngoại.

2- *Những nhà văn, thơ chỉ viết văn làm thơ ở hải ngoại:* Trần Vũ, Đỗ Kh., Kiệt Tấn, Võ Đình, Trần Long Hồ, Trân Sa, Khánh Trường, Nguyễn Ngọc Ngạn, Phan Tấn Hải, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trần Diệu Hằng, Nguyễn Tấn Hưng, Hồ Trường An, Thường Quán, Bùi Bích Hà, Hoàng Việt, Nguyễn Mạnh Trinh, Vi Khuê, Hoàng Mai Đạt, Vũ Huy Quang, Nguyễn Ý Thuần, Nguyễn Thị Thanh Bình, Thế Giang, Hồ Đình Nghiêm, Dương Như Nguyện, Nguyễn Bá Trạc, Trần Thị Lan, Bùi Tín (ký), Vũ Quỳnh N.H., Đoàn Văn Toại (ký), Mai Kim Ngọc, Trần Thị Diệu Tâm...

Qua liệt kê sơ khởi trên (danh sách còn tiếp theo), những tiêu chuẩn đã được sử dụng để chọn lựa, vẫn là: định cư tại hải ngoại, có tác phẩm được phổ biến và đạt trình độ nghệ thuật tối thiểu. Do định nghĩa này, chúng ta cũng sẽ ghi nhận những thành quả đầu tiên của những nhà văn Việt Nam cư ngụ tại Nga, Ukraine và các nước Đông Âu. Nhưng các tiêu chuẩn ấy sẽ không áp dụng máy móc hành chánh. Lấy thí dụ như một Phạm Thị Hoài, một nhà văn nội địa, nhưng có tác phẩm in và phổ biến tại hải ngoại, trong đó có cuốn bị cấm in ở nội địa. Giả thử Phạm Thị Hoài đến định cư tại một nước ngoài, như Đức chẳng hạn, thì sẽ coi như thuộc thành phần nhà văn hải ngoại kể từ đó.

Vài dòng bàng hệ

Như đã trình bày trên, cộng đồng Việt Nam hải ngoại là một cộng đồng mở, đang tăng trưởng, chứ không phải là một cộng đồng kín với một dân số chỉ gia tăng vì sinh con đẻ cái. Mỗi năm đều có những người mới, từ nội địa Việt Nam ra định cư lâu dài tại các nước ngoài. Với sự

kiện Hoa Kỳ chấm dứt cấm vận và tiến tới thiết lập bang giao bình thường với chính quyền nội địa, sự đi lại vào giao lưu kinh tế văn hóa giáo dục giữa hải ngoại và nội địa mỗi ngày một dễ dàng hơn, sẽ làm nền văn học hải ngoại trở thành phức tạp. Do đó xin để nghị khi biên khảo về 20 năm văn học hải ngoại, những người viết nên có tầm nhìn "viễn kiến" (mượn chữ của nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh), chấp nhận thêm những dòng bàng hệ.

1- Những nhà văn thơ ở nội địa có tác phẩm chỉ được in và phổ biến ở hải ngoại: Nguyễn Chí Thiện, Tiêu Dao Bảo Cự, Khoa Hữu...

2- Những nhà văn thơ ở nội địa có tác phẩm in ở cả nội địa lẫn hải ngoại: Bùi Giáng, Nguyễn Ngọc Lan (hồi ký 3 tập), Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo, Nhất Tuấn, Phạm Thị Hoài, Bùi Minh Quốc, Cung Tích Biền...

3- Những nhà văn thơ ở hải ngoại viết bằng ngoại ngữ như Anh, Pháp... Thí dụ: Trần Văn Dĩnh (truyện dài), Nguyễn Tiến Hưng (ký), Trần Huy Lực (thơ), Lệ Lý Hayslip (ký), Duy Lam (thơ)...

4- Những tác phẩm dịch từ bất cứ ngoại ngữ nào cùng những dịch giả có tiếng. Thí dụ: Diễm Châu, Vũ Huy Quang...

5- Những người ngoại quốc viết văn bằng tiếng Việt. Thí dụ: Ỷ Lan, Irina Zisman...

*

Những gì đã trình bày trên mới chỉ là những ý kiến thuộc loại phác thảo, đưa ra một căn bản cho mọi thảo luận cần thiết mà thôi. Nếu có điều gì tương đối chắc chắn, thì chỉ là điều sau: cá nhân người viết bài này chỉ hứng thú tham gia việc soạn thảo chung bộ hai mươi năm văn chương hải ngoại nếu ban chủ trương không sử dụng những lập trường chính trị (xanh đỏ quốc cộng Bắc Nam) và đạo đức (của Công giáo, Tin Lành, Khổng giáo, Phật giáo...) trong việc chọn lựa các tác giả cũng như phê phán các tác phẩm.

Lối biên khảo nên sử dụng là lối của các đại học Âu và Mỹ, trung thực, khách quan, nhân bản... Với các tác phẩm văn chương thì nghệ thuật là chính, viết dở quá thì chưa thành văn chương. Các yếu tố lập trường chính trị, địa lý (viết tại đâu), quan điểm đạo lý và tôn giáo... chỉ được sử dụng để diễn giải và soi sáng tác phẩm, chứ không phải để phủ nhận tác giả và tác phẩm.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

văn học lưu vong hay văn học di dân?

Những đợt di cư đông đảo của người Việt ra nước ngoài sau 30-4-1975 là một biến cố lịch sử chưa từng xảy ra trong lịch sử Việt Nam. Bây giờ còn quá sớm để lượng định hết hậu quả của biến cố ấy trên phương diện chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa... nhưng có thể nói chung chung là cuộc di cư vĩ đại này sẽ ảnh hưởng lớn lao đến tương lai của Việt Nam.

Vốn quen với nếp sống nông nghiệp đơn sơ khoanh vùng trong những lũy tre làng, người Việt chỉ bỏ làng ra đi khi lâm vào bước đường cùng. Thông thường là sau một biến cố chính trị làm đảo lộn trọn vẹn trật tự cũ, luôn luôn có hiện tượng "tị địa" để tránh những đàn áp truy lùng của chính thể mới. Trước 1975, chỉ có những vụ "tị địa" di chuyển trong biên giới quốc gia, tạo thành cuộc Nam tiến liên tục đưa người Việt từ vùng đất khô cằn đông dân đến những vùng thưa dân mà phì nhiêu mầu mỡ hơn. Nhờ có cuộc tranh chấp quyền lực của hai họ Trịnh Nguyễn mà biên giới Việt Nam nới rộng về phương nam. Nhờ cuộc nổi dậy của phong trào Tây Sơn mà Nguyễn Ánh thấy rõ tiềm lực vô tận của vùng đất cực nam, khởi đầu cuộc khai phá quy mô về sau dưới các triều Nguyễn. Hiệp định Genève năm 1954 đưa gần một triệu người Bắc di cư vào Nam, làm biến đổi mọi sinh hoạt của một vùng đất dễ sống, buộc người địa phương phải cố gắng hơn để thích nghi với các cạnh tranh mới.

Những cuộc di cư kể trên tuy lớn lao, nhưng các di dân vẫn còn được sống trên đất nước mình, được nói tiếng mẹ đẻ, nói chung là vẫn còn được ôm ấp trong một nền văn minh quen thuộc. Chỉ có những đợt di dân sau 1975 ra định cư tại nước ngoài là thấm thía -thấm thía lần đầu- cảm giác lưu lạc của người lưu vong, người tha phương cầu thực, chia sẻ kinh nghiệm với những di dân người Nga, người Tiệp, người Ba Lan, người Hoa, người Do Thái... Từ kinh nghiệm duy nhất đó, phát sinh một dòng văn học đặc biệt, mà muốn tìm hiểu, chúng ta không nên lấy những tiêu chuẩn thông thường để lượng định, đánh giá hoặc phê phán.

Cuộc di cư của người Việt sau 1975 có giống cuộc di cư của người Nga trốn thoát chế độ cộng sản sô viết sau 1917 không? Có, và không.

Có, vì nguyên nhân của hai cuộc di cư đó giống nhau: tự nguyện hoặc bị bắt buộc phải rời quê cha đất tổ vì chính quyền cộng sản không cho những di dân đó được sống cuộc sống bình thường. Những nhà văn Việt Nam bỏ nước ra đi tị nạn cộng sản, cũng như những nhà văn Nga sống ở Paris, New York... sống và viết như một người lưu vong chính trị. Văn chương họ làm ra là "văn chương lưu vong".

Vladimir Maximov (sinh năm 1930, tác giả cuốn "Bảy ngày tạo thiên lập địa", di cư sang Paris năm 1974) khi trả lời cuộc phỏng vấn của tạp chí Magazine Littéraire ở Paris năm 1985 cho rằng:

"Chúng tôi, những đứa con của nước Nga, được nhồi nặn trong mẻ bột Đông phương chỉ có chất men là Tây phương, chúng tôi mang theo sang đây những hòn đảo riêng tư của tổ quốc, vẫn tiếp tục sống trên những hòn đảo ấy mà không hòa mình nổi vào thế giới chung quanh. Chúng tôi sống bằng hoài niệm, và trên đời này, không ai là người có thể sống mãi bằng hoài niệm. Vì thế theo tôi, nếu có một nền văn chương lưu vong Nga thì nền văn chương đó chỉ có ở thế hệ thứ nhất mà thôi."

Vladimir Voinovitch (sinh năm 1932, tác giả loạt truyện phiêu lưu trào phúng quanh nhân vật Tchoukine, lưu vong sang Pháp năm 1979) thì cho rằng: "Bị bắt buộc lưu vong là một thảm kịch thật sự. Đối với những người lưu vong ra khỏi Liên Sô, thảm kịch ấy không nằm trong sự thể phải đổi chỗ ở mà nằm ở sự thể mọi sự không thể cứu vãn được nữa. Anh không thể làm cách nào khác, anh phải vượt qua mọi thử thách một cách khó khăn hay dễ dàng, tùy vào quá khứ của anh, vào những gì anh đã mất đi ở bên kia và những gì anh tìm được ở bên này, tùy vào hoàn cảnh mới tốt hay xấu, tùy vào lợi tức và trình độ thông thạo sinh ngữ của anh. Có người thất vọng về cuộc sống ở đây, chỉ nhìn thấy cái dĩ vãng mầu hồng, coi việc lưu vong như một lầm lỡ định mệnh. 'Ở đây tôi sống vất vưởng, ở bên kia mới thực là đời sống'. Tôi lấy làm lạ về quan điểm này, vì tôi biết ở 'bên kia' kiểu người như tôi làm gì có đời sống."

Victor Nekrasov (tác giả "Trong những chiến hào ở Stalingrad") "cận nhân tình" hơn, sòng phẳng hơn khi nói tới cái được cái mất của

các nhà văn Nga lưu vong như ông: "Tôi nghe người ta nói rằng nhà văn khi bị bứt ra khỏi nơi chôn nhau cắt rốn sẽ không còn viết gì được nữa. Nói bậy! Ông ta vẫn viết hay lắm chứ! Ông ta có thể viết về tất cả, tất cả những gì chất chứa trong lòng ông, những gì có trong đầu ông, mà không cần phải lấm lét nhìn trước ngó sau, không cần sợ hãi gì cả... Tuy vậy, tôi vẫn cảm thấy thiêu thiếu một điều gì đó, thiếu một cách kỳ cục kể từ ngày bỏ nước ra đi. Nếu không có nó thì sẽ không có điều gì được coi là đích thực viết ra trong nước chúng tôi. Đó là nghệ thuật làm trò xiếc bắt buộc đối với tất cả các nhà văn sô viết. Anh ta phải biết tất cả: tung dao, nói tiếng bụng, đi trên dây, có khi phải biết đi trên lưỡi dao bén nữa. Không thể khác được, lúc nào cũng phải canh chừng, phải giữ miếng, phải phản ứng nhạy bén. Còn ở đây, giữa khung cảnh hoàn toàn tự do? Không lo sợ gì cả, không nguy hiểm gì hết! Bỗng chốc những bắp thịt dãn ra, những phản ứng chậm lại. Không còn bạn đọc nào vồn vã tới chào và khen anh: 'Hoan hô, chỉ có anh mới dám viết thế...'. Mà những lời khuyến khích kiểu đó rất cần, nó thúc đẩy anh viết khỏe".

Nếu tạp chí Văn Học thực hiện một cuộc phỏng vấn giống như tờ Magazine Littéraire đã làm năm 1985, có lẽ các câu trả lời của nhà văn Việt Nam sống lưu vong cũng không khác bao nhiêu. Cảm thức lưu vong ở đâu, lúc nào cũng giống nhau, và văn chương lưu vong của bất cứ dân tộc nào cũng có những nét chung như lòng hoài niệm và cảm thức lưu lạc.

Tuy vậy, làn sóng tị nạn cộng sản của người Việt Nam sau 1975 khác các đợt di dân lẻ tẻ của người Nga ở số lượng đông đảo. Ngay sau tháng 4-1975, có trên 100,000 người di tản. Từ 1979, liên tiếp nhiều đợt vượt biên nâng tổng số người Việt sống ở nước ngoài lên gần hai triệu. Ở một số tụ điểm, người Việt sống bên nhau thành một cộng đồng có tổ chức, khiến cho cảm thức lưu lạc và lòng hoài niệm (hai đặc tính quan trọng của văn chương lưu vong) nhạt đi.

Hơn thế nữa, không phải người Việt Nam nào ra đi cũng vì lý do chính trị. Biến cố lịch sử 1975 khiến nhiều người bỏ nước ra đi, một số xem đó là thảm kịch, số khác lại là cơ hội nghìn năm một thuở. Một thương gia người Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn (đã đành nếu không có chính sách khắc nghiệt kiểm kê truy bức tư sản năm 1978, 1979 thì vẫn ở lại Chợ Lớn buôn bán làm ăn) qua San Francisco, New York, Los Angeles, Paris, London tiếp tục kinh doanh với những thương vụ lớn hơn nhờ nối

kết vào màng lưới đồng hương ở Hồng Kông, Đài Loan, Singapore, không thể xem như người lưu vong vì chính trị, mà phải xem như một di dân thay đổi địa bàn hoạt động. Chính sách tiếp nhận người tị nạn Đông Dương của thế giới đã khuyến khích một số không nhỏ người Việt tìm cơ hội thăng tiến đời sống, nhất là giới ngư phủ có sẵn phương tiện vượt biển. Đợt di tản đầu tiên sau vài năm ổn định trở thành đầu cầu cho những vụ bảo trợ thân nhân đoàn tụ gia đình về sau, theo chính sách di dân của các nước định cư.

Số lượng người ra đi, và các động cơ đa dạng của quyết định ra đi đã khiến cho tập thể người Việt ở hải ngoại càng ngày càng giống với cộng đồng di dân người Hoa hơn là cộng đồng di dân Nga, Tiệp ở châu Âu. Trong vòng có hai mươi năm, di dân Việt đã biến đổi tâm trạng và sinh hoạt quá nhiều, sự biến đổi mà các di dân Ái Nhĩ Lan, Ý, Hoa cần tới hơn trăm năm mới có.

Thử khoanh vùng một chu vi nhỏ ở một tụ điểm di dân Việt nào đó tại Hoa Kỳ, Pháp, Canada, Úc, Đức... chúng ta sẽ thấy rất nhiều nhóm liên lạc sinh hoạt theo cùng một mẫu số chung nào đó trong quá khứ. Có những cụ già sống lưu lạc xứ người từ hồi thế chiến gặp nhau cuối tuần ôn lại kỷ niệm thời lính thợ, và quê hương qua câu chuyện của họ là hình ảnh nông thôn thời Ngô Tất Tố viết "Tắt đèn". Có những nhóm ngư phủ miền Bắc sống cạnh những người tù cải tạo mới qua theo diện H.O., và một ngày đẹp trời nào đó, một anh di dân gốc bộ đội ngẫu nhiên ngồi nhậu với một người lính cộng hòa và thích thú ôn lại diễn tiến một trận đẫm máu ở Khe Sanh, Tân Cảnh. Mấy năm gần đây, trở về Việt Nam thăm gia đình không còn khó khăn, nên trong cùng một gia đình, người từ nước ngoài trở về có thể gặp người anh H.O. ra đi ở phi trường Tân Sơn Nhất. Bấy nhiêu cái phức tạp ấy, nếu thể hiện trong văn học, sẽ khiến cho văn học hải ngoại không còn tính thuần nhất. Gọi là "văn học lưu vong", đúng trong đa số trường hợp. Mà gọi là "văn học di dân", cũng không sai.

Gọi "văn học lưu vong" tức là hàm ý nền văn học đó chất chứa một thái độ phản kháng chính trị, nói rõ hơn, chống đối lại chế độ cộng sản hiện vẫn tồn tại ở quê nhà.

Cách định danh như vậy vẫn còn thuận tai, vì một thực tế: trong các động cơ ra đi, động cơ tị nạn cộng sản vẫn là động cơ chính, động cơ hợp pháp hợp lý để được nhận cho định cư tại nước ngoài. Về tâm lý,

động cơ ấy là lẽ sống, là lý do tồn tại, là căn bản tinh thần để chịu đựng, đối phó với các bất trắc của cuộc sống mới. Về chính trị, xã hội, đó là lý do tập hợp của các phe nhóm, hội đoàn, đảng phái, phong trào. Từ bỏ động cơ chính trị thì không còn căn cước cá nhân, thì ngay lập tức bị suy hóa thành kẻ "tha phương cầu thực".

Trong những người cầm bút, những nhà hoạt động xã hội, những chính trị gia lớn nhỏ, đại đa số là những người lưu vong chính trị. Sinh hoạt báo chí, hội đoàn ở hải ngoại là sinh hoạt lưu vong, đôi lúc đối lập hẳn với các tổ chức sinh hoạt di dân (như phòng thương mại ở các địa phương). Trong hai mươi năm văn học hải ngoại, dòng văn học có nhiều tác giả và tác phẩm nhất vẫn là dòng lưu vong của thế hệ thứ nhất, với những chủ đề lớn như phản kháng chính trị, hoài niệm và cảm thức lưu lạc.

Những chủ đề ấy khiến văn học hải ngoại trên bề mặt có vẻ như tiếp nối văn học miền Nam 1954-1975, nhưng thực chất lại khác hẳn văn học miền Nam. Hai nền văn học giống nhau về lập trường chính trị, nhưng quá khác nhau về tâm cảm đối với quê hương, đó là chưa kể văn học miền Nam không thể có cảm thức lưu lạc.

Những chủ đề ấy cũng khiến cho văn học hải ngoại, trong hai mươi năm qua, gần như biệt lập với văn học quốc nội. Một số nhà nghiên cứu văn học đứng đắn trong nước (ở đây không để cập tới những bài nghiên cứu có dụng ý tuyên truyền giai đoạn), tiêu biểu là giáo sư Nguyễn Huệ Chi, căn cứ vào chủ đề hoài niệm và cảm thức lưu lạc để bảo rằng không trước thì sau văn học hải ngoại cũng "thức tỉnh" và trở về với quê hương dân tộc. Theo thiển ý của chúng tôi, nhận định như vậy không chính xác vì thiếu sót, vì bỏ qua một chủ đề chính của văn học hải ngoại, chủ đề phản kháng chính trị.

Văn học hải ngoại đã thực hiện được một điều quan trọng: là thể hiện bằng văn chương những khao khát tinh thần mà chế độ chuyên chế ở Việt Nam không cho phép người dân nói lên, sống với. Ban đầu, đó là tiếng nói của hơn hai mươi triệu dân miền Nam bị kẻ thắng cư xử như những công dân hạng nhì, bị ngược đãi, kỳ thị, đàn áp, truy bức, xua đuổi. Họ không thể cất tiếng nói trong dòng văn chương chính thức của kẻ thắng. Về sau, đó là tiếng nói chung của những người Việt Nam (không phân biệt nam bắc, thắng bại) yêu tự do và dân chủ, hoặc không bằng lòng với chính sách cai trị của chính quyền hiện tại. Văn học hải

ngoại phổ biến những tác phẩm không thể phổ biến ở trong nước, đề cập tới thân phận những kẻ mất tiếng nói trên quê hương. Viết về, nói về những thân phận hẩm hiu ấy, trở lại những lầm lỗi của quá khứ, không phải là "nuôi hận thù", "chống cộng cực đoan", "từ chối giao lưu hòa hợp dân tộc"... Những giao lưu thực sự xảy ra trong những năm gần đây giữa văn học hải ngoại và quốc nội bắt nguồn từ chủ đề phản kháng chính trị, chứ không do lòng yêu nước chung chung. Văn học hải ngoại không "trở về" nhập dòng với văn học quốc nội như một đứa con lưu lạc chạnh lòng cố quốc trở về từ đường nhận họ nhận hàng. Đó là một dòng riêng biệt phát sinh trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, vừa mang tính chất của một nền văn chương lưu vong, vừa chuyển hóa theo những quy luật chung của văn chương di dân. Nhờ ở ngoài vòng kiềm tỏa của chế độ cộng sản, văn học hải ngoại bổ túc phần thiếu sót của văn học chính thức của quốc nội, đồng thời thể hiện sinh hoạt tinh thần của riêng tập thể những người Việt sống xa quê hương, một kinh nghiệm chưa từng có của dân tộc chúng ta.

Nếu sau đợt di tản của người Việt năm 1975 không có làn sóng vượt biên và đoàn tụ gia đình, H.O., có lẽ diễn biến của văn học hải ngoại sẽ đúng như lối ghi nhận của giáo sư Nguyễn Huệ Chi (đăng trên tạp chí Văn Học Hà Nội, số 2 năm 1994) và nhà phê bình Đặng Tiến (phát biểu qua đài phát thanh RFI, đăng lại trên Diễn Đàn, Paris tháng 6-1994), nghĩa là sau dòng văn học lưu vong của thế hệ thứ nhất nặng tính phản kháng chính trị và hoài niệm quá khứ, văn học hải ngoại sẽ trẻ trung hơn, hòa giải hơn, tiến bộ hơn, do thế hệ trẻ không bị ràng buộc với quá khứ cồng kềnh như thế hệ cha anh.

Giáo sư Nguyễn Huệ Chi viết: "Chúng (các dòng của văn học hải ngoại -ghi chú của tòa soạn) lặng lẽ và tiềm tàng, từ tốn hay mạnh mẽ, chảy xuyên qua rất nhiều xứ sở, tích lũy trong đó tiếng gào réo của thác của ghềnh, cũng như cả những tiềm năng thanh lọc rất dữ. Để rồi đến một lúc, giống như một chàng trai "bước vào tuổi mười tám" từ lúc nào không hay, những dòng chảy kia bỗng chốc dội vào nhau, va động, làm cho nhau nổi sóng, rồi vừa phân hóa vừa nhóm tụ lại, chúng dồn thành một "hợp lưu", báo hiệu một bắt đầu tỉnh thức, từ nơi sâu kín của lương tri, và một nhu cầu khách quan ngày càng rõ nét: trở về với cội gốc, bằng con đường hòa hợp dân tộc, "phá vỡ mọi biên cương định kiến, hướng tầm nhìn về tương lai, đặt tiền đồ dân tộc lên trên hận thù".

Nhà phê bình Đặng Tiến thì chia văn học hải ngoại ra ba giai đoạn, giai đoạn của những người di tản (như Võ Phiến, Lê Tất Điều, Thanh Nam...), giai đoạn của người vượt biên (Mai Thảo, Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác...), và giai đoạn của thế hệ mới, cởi mở phóng khoáng, không hận thù, hòa giải giao lưu.

Chúng tôi vừa nói tới hai chữ "giả sử", vì chỉ "giả sử" cuộc di dân của người Việt đơn giản như thế, thì tiến trình hình thành của văn học hải ngoại mới đơn giản như ý kiến của Nguyễn Huệ Chi và Đặng Tiến. Thực tế cho thấy vấn đề không đơn giản chút nào! Chúng tôi nghĩ ý kiến của hai nhà nghiên cứu không chính xác, vì:

1/ Sau các đợt di tản vượt biên, còn liên tiếp nhiều đợt di dân khác của người Việt; và trong mỗi đợt, có nhiều thành phần xã hội, chính trị, tuổi tác khác nhau. Người viết và người đọc trong các đợt di dân sang sau có tâm trạng, xúc cảm, thị hiếu không khác mấy với các đợt di dân trước, nghĩa là viết và đọc trên căn bản của ba chủ đề chính: phản kháng chính trị, hoài niệm và cảm thức lưu lạc. Họ không khác đợt trước về bản chất, mà chỉ khác ở cường độ đậm nhạt. Bằng chứng là gần đây, các nhà văn sang sau qua các đợt H.O. đã đưa đề tài phản kháng chính trị lên cao, một đề tài có vẻ tạm phai nhạt trong thời kỳ 1989-1992. Hồi ký cải tạo vẫn tiếp tục ra đời, tuy đọc kỹ, chúng ta sẽ thấy có những khác biệt giữa "Đại học máu" (của Hà Thúc Sinh), "Đáy địa ngục" (của Tạ Tỵ) với "Ánh sáng và Bóng tối' (của Hoàng Liên), "Trại kiên giam" (của Nguyễn Chí Thiệp), "Một khoảnh Việt Nam Cộng Hòa nối dài" (của Tạ Chí Đại Trường).

2/ Ở hải ngoại, ai muốn viết gì thì viết, việc xuất bản lại dễ dàng, nên không có gì ngăn cản một người nào đó phổ biến tác phẩm của mình. Vì không bị kiểm duyệt hoặc lo sợ hậu quả của lời viết, cá tính của từng người được thể hiện trọn vẹn (cả tốt lẫn xấu). Vì không sống bằng ngòi bút, người viết không bị chi phối của thị trường, không bị thị hiếu âm thầm hướng dẫn. Do đó, có hiện tượng trăm hoa đua nở (và cỏ dại cũng sum suê). Không có thế hệ này thay thế thế hệ khác, khuynh hướng này tràn lấn khuynh hướng kia. Văn chương trọn vẹn thể hiện cảm xúc, kinh nghiệm của cá nhân. Thử lấy trường hợp hai nhà văn cùng thế hệ trung niên là Cao Xuân Huy và Đỗ Kh. Kinh nghiệm thất trận tủi nhục của Cao Xuân Huy trong "Tháng Ba gãy súng" khác với kinh nghiệm của Đỗ Kh., lúc đó là một phóng viên nhiếp ảnh ở châu

Âu. Cao Xuân Huy sống chết với kinh nghiệm sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa. Đỗ Kh. cũng vui buồn với kinh nghiệm ấy, nhưng vui buồn qua màn ảnh truyền hình. Hai người cùng thế hệ nhìn về cùng một biến cố lịch sử qua hai cách khác nhau, tất nhiên cách nhìn cách viết phải khác nhau. Bảo Đỗ Kh. thoải mái, cởi mở, "tiến bộ" hơn Cao Xuân Huy là sai, mà bảo Cao Xuân Huy "dấn thân", chống cộng hơn Đỗ Kh. cũng sai.

3/ Từ đó, dùng định kiến chính trị để giải thích diễn tiến của văn học hải ngoại là chưa thấy hết tính phức tạp đa dạng của nó. Cả giáo sư Nguyễn Huệ Chi lẫn nhà phê bình Đặng Tiến đều có chung một định kiến: ôm ấp quá khứ là lỗi thời, xóa bỏ hận thù hòa hợp hòa giải là tiến bộ. Về chính trị, quan điểm ấy có thể đúng có thể sai. Về văn hóa văn nghệ, quan điểm ấy sai nhiều hơn đúng, vì ngay cá nhân mỗi người cầm bút đã là một khối mâu thuẫn, lúc này lúc khác. Tính bất trắc ấy, trong một xã hội ổn định, bằng kiểm tỏa của pháp chế, hướng dẫn âm thầm của dư luận và thị hiếu quần chúng, có thể bớt đi, giúp cho các nhà nghiên cứu văn học định hướng, phân dòng dễ dàng. Đằng này, do viết tự do và xuất bản dễ dàng, ai cũng có tiếng nói, văn học hải ngoại như một khu rừng nguyên sinh, đại thụ nghìn năm không che được cỏ nội hoa hèn. Tác phẩm văn học hải ngoại thể hiện trọn vẹn cái mâu thuẫn, bất trắc, phức tạp của người viết. Cho vào khuôn một nền văn học chỉ huy đã khó, làm sao cho vào khuôn một nền văn học tự phát, tự nguyện?

Cho nên định danh văn học Việt Nam ở ngoài nước là "văn chương lưu vong", nhấn mạnh chủ đề phản kháng chính trị như nhiều người đã làm, là gạt ra ngoài các tác phẩm thể hiện tâm tình quen thuộc của di dân.

Ngược lại, gạt bỏ chủ đề chính trị, chỉ chú ý tới lòng hoài niệm và cảm thức lưu lạc, là cố ý bỏ qua phần chính yếu lớn lao của nền văn học đó.

Chúng ta chỉ có thể dùng một cụm từ không hàm ý định tính, để có thể bao gồm càng nhiều càng tốt những tác phẩm văn chương được viết trên xứ người, một nền văn học đa dạng. Đó là "Văn Học Việt Nam Hải Ngoại".

Nguyễn Mộng Giác

ĐỖ QUYÊN

em về

Anh
mở trang trước cuối
đời chúng mình...
Sau lưng anh là nhạc, là những lời quảng cáo,
là tin vài vụ tai nạn xe hơi khi thời tiết nước Đức chuyển mùa...
Trước mắt anh là màn hình có ông da ngăm đen
đang đòi những gì nhân bản

Lần đầu tiên, em ơi...
(thể có ảnh bố, mẹ và chị)
anh một mình với rượu
không em.
Già nửa chai Ballentinés ông khách say bỏ lại
Một gói lạc khô còn nguyên trại tị nạn này vừa phát
Lưng lọ dưa chuột anh mua
Anh -
gọi -
em -
về...

Em đi...
Đi...
vừa vặn một vòng quay trái đất
Ba trăm sáu mươi nhăm ngày và đêm
anh viết
đợi em.
Hôm nay: Mồng mười tháng Mười hai năm Chín ba
Em có biết: Anh-Gọi-Em-Về.

Về đi em!
Ba trăm sáu nhăm ngày đêm trước
Em đi
như một thí nghiệm viên cho Gallilée -
gã khùng khổng lồ của các kỷ nguyên trước
(Giáo hội Vatican vừa phủ nhận án quyết thuở xưa
trả cho gã danh một-con-người-lành
em có biết?)

Về đi em
xem Nguyễn Hữu Đang trong lưu đày nhai thịt cóc
và dịch lại Lịch sử Đảng Cộng sản Liên xô
Ông cụ tám mươi tuổi đó không tin già Hồ
"sớm ra bờ suối tối vào hang" có thể dịch đúng "phoóc"!

Về đi em
nghe anh thổn thức
nỗi đau nước Nam không tương lai...
Mỗi ngày anh chỉ ăn một bữa thôi
(như điệp viên Nguyễn Đình Ngọc từng luyện võ
và đọc chủ nghĩa Mác-Lê suốt ba mươi năm dài)
Và anh buồn nôn
Nôn cho ra cái hận của tộc Việt mình hơn bốn ngàn năm tấm tức...

Về đi em
để mà nhìn anh viết
trong tương tư trọn đêm hôm trước
ngồi chờ em telephone anh đọc hồi ký của ông già
mà hai đứa chúng mình từng một tuần thù tiếp...
Nửa đời anh run rẩy dưới những lời xiển dương
người ta lắp vào miệng ông Hồ:
"Tôi nói đồng bào nghe rõ không?"

(Dừng lại một chút cho riêng em:
Không cho các bạn đọc khác!

Anh đang viết như mũi thuyền
cuồng quay trên con sóng già nửa chai Ballantinés
và trong nỗi nhớ em
như cánh buồm thượng phong
Anh-gọi-em-về...

Anh vừa tắt
đám nhạc nhẽo sau lưng
và tắt cả cái màn hình trống hoang trước mặt
Cho đối diện với mình
và với đời đang bao bọc quanh em)

Về đi em
xem hình hài tổ quốc vẫn cứ mãi chảy như một giọt lệ dài!
Đất nước có khá được không
nếu người dân còn thích khóc bằng máu hòa nước mắt?
Em ơi,
anh đang liếm mút
những giọt rượu (do cuồng anh rót ra ngoài)
Tiếc những giọt vật chất tinh tú được lọc chắt
như tiếc từng giọt đời chúng mình khốn khó
rỏ ba trăm sáu nhăm đêm ngày.

Thơ là gì?
Là khi không còn biết làm gì hơn cả...
Em là gì?
Là hơn cả
những gì đã làm...
Hôm nay
đã xong rồi ba việc lẻ tẻ
anh quyết tâm: chỉ còn biết có thơ
chỉ còn biết có em.

Còn chín hôm nữa đến ngày giỗ bố
(chắc em sắp quên
vì anh yêu mẹ hơn yêu cha

như em thường biết)
Xưa bố thèm rượu như bây giờ tụi mình với Tự do khao khát
Bố đã ngút chìm theo luồng rượu mạnh
trong một buổi bạn bè vui chúc.

"Em đi" -
Bài thơ ấy anh viết
cho em và cho Tổ quốc
vì anh tin: Đi là một cách trở về
như Gallilée tin trái đất này mãi tròn, quay.

Bài thơ đang viết
cứ sau vài câu anh ra mở tủ
ngó lại chân dung
(trong tủ gỗ kia còn dựng tấm gương em mang về
khi nó đã gãy khung)
Trước thơ
anh luôn coi lại bản thân.

Hôm nay
chiếc đồng hồ em tặng
trên tay phải anh đeo
Chốc chốc lại ngó hai lần:
lần một ngó về tay trái theo quán tính Newton và Palov,
và lần hai ngó theo sự tỉnh táo còn dư.

Anh tự rót cho mình thêm ly nữa -
một phần nhỏ của già nửa chai Ballantinés
bởi không em!
Em về:
"Ballantinés" chỉ là một chữ vô hồn.

"Em có về không?" -
Anh không hỏi
(Đó là câu nói rốn
khi không còn gì!)

Vừa mới lỡ tay bật tivi
Kênh ARD có một nàng ở Hamburg
(mắt và vú đều to) đàn violon thật tuyệt!
Thôi thì kệ nàng ta với những gì thánh thiện dọc theo các cung đàn
Anh gọi em về...

Từ nãy đến giờ
thơ ra lẫn tiếng xé ngang của lũ trẻ
(Thổ hay Nam Tư gì đó) dưới hiên
Lòng ai có thể tĩnh yên
bên tiếng trẻ?

Thiếu say và dư tỉnh
Anh
rèm cửa sổ kéo mạnh tay
cho người Đức khỏi nhòm
những lúc đêm vào.

Bài thơ này không lần ra tứ
Tứ là gì nếu chưa đủ lòng say?

Về đi
Anh sẽ đưa em
về làm cô dâu Bắc kỳ nho nhỏ
Các chuyện anh hù em có còn sợ nữa không?
...Nâng chiếc tăm cho các cụ cố xỉa răng
Búp tay hồng héo cong!

Nhạc điệu là cái cuối cùng anh tặng lại cho Thơ
khi bỏ Nàng
trở về cùng em đoàn tụ.

Em về xem
dải đất này còn oằn oại mãi
(hơn cả lần hai ta cùng ngự đỉnh hân khoái)
như một giọt lệ dài.

Nếu như em đi mãi
anh đã chẳng khóc...
Anh thấy
những gót-chân-có-mắt
trên mỗi bước em đi!

Em có về hay không
thì một trời tranh kia Chóe vẫn còn mở mắt
Vũ Hoàng Chương, Hồ Hữu Tường...đã khuất
nhưng Phan Nhật Nam, Nhã Ca, Hoàng Hải Thủy... đang nhìn.

Già nửa chai...Cũng nên gọi là nhiều
bởi là những bốn, năm, sáu, bẩy...lần rót -
bốn, năm, sáu, bẩy...lần
anh rũ bút
gọi em.

Rượu khi đủ
thì là nhiều
khỏi cần uống ăn gì sất!
Có em
anh đâu cần một thứ féminin nào khác
phần masculin
một anh đã ứa rồi!

Chấm hết!
(Xin lỗi, Nàng Thơ đi đâu cho khuất...
Để chỗ
Em về...)

Đỗ Quyên
Hoechstadt/Aisch 10.12.93
Để làm quà sinh nhật cho em

NGUYỄN HUỆ CHI

vài cảm nhận văn học việt nam hải ngoại

1

Có một dòng văn học Việt Nam hải ngoại hay không? Câu hỏi đó đối với khá nhiều người cầm bút ở trong nước hôm nay chắc đã không thành một điều trăn trở nữa. Vì lẽ, dù sách báo của người xa xứ gửi về còn rất... thưa thớt, trong chúng ta, mấy ai lại không được một đôi lần ghé mắt vào một số báo Hợp Lưu, Trăm Con, Văn, Văn Học, Văn Uyển, Làng Văn, Đoàn Kết, Diễn Đàn, Thế Kỷ 21... ở đâu đó, dù chỉ một đôi lần. Và có thể nào nhìn ghé mà lầm được: trước mắt ta hiện diện trở lại bao nhiêu tên tuổi quen thuộc từ cái thuở tấp nập báo chí Sài Gòn cách đây 18 năm: Võ Phiến, Mai Thảo, Nhật Tiến, Nguyên Sa, Túy Hồng, Nhã Ca, Trùng Dương, Dương Kiền, Thế Uyên, Duy Lam, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Du Tử Lê, Lê Tất Điều, Luân Hoán, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Mộng Giác... Bên cạnh đó là vô số tên tuổi mới mẻ ta chưa từng một lần hay nhiều lắm cũng chỉ mới hơn một lần quen biết: Võ Đình, Nguyễn Ngọc Ngạn, Trần Vũ, Trần Long Hồ, Trần Sa, Khánh Trường, Phan Tấn Hải, Khế Iêm, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trần Diệu Hằng, Lê Thị Huệ, Thường Quán, Phan Thị Trọng Tuyến, Trịnh Y Thư, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Ngọc Khôi, Bùi Bích Hà, Vũ Quỳnh N.H., Dỗ Kh., Ngu Yên, Nguyễn Mạnh Trinh, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Ý Thuần, Nguyễn Thị Thanh Bình...

Năm 1990, nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh đã cho ấn hành cuốn Thơ Văn Người Việt Nam Nước Ngoài, tập hợp hàng chục tác phẩm trong số những tên tuổi quen và chưa quen ấy. Lại năm nay, 15 truyện ngắn mang tựa đề Khi Tan Nắng do nhà xuất bản Hội Nhà Văn tuyển lựa, đã ra đời. Rồi trên tờ phụ san báo Văn Nghệ số tháng 3-1993 cũng tập trung "giới thiệu chủ đề người Việt ở nước ngoài" với một cụm bài khiêm tốn, phối hợp giữa các tác giả ngoài nước (Trần Văn

Khê, Trần Mộng Tú, Du Tử Lê, Đoàn Nhật, Vi Khuê, Hà Huyền Chi, Thủy Trang, Phan Văn Ký...) với trong nước (Nguyên Phong, Linh Hà, Gs Hoàng Trinh...). Tiếp đấy, tờ tạp chí Quê Hương của Ban Việt Kiều Trung Ương lại ra số chuyên đề về "Văn Học Người Việt Ở Ngoài Nước" (số 8, 1993), ngoài một số truyện, ký được đăng tải từ nhiều sách báo phát hành ở Pháp, Đức, Hà Lan, Canada, Mỹ... còn có hai bài tiểu luận của Lê Hoài Nguyên, giới thiệu "một cái nhìn" 18 năm văn học hải ngoại, với cách nắm tư liệu sát sóng, cách thống kê, phân loại rành mạch, đâu ra đấy, chứng tỏ người viết có một sự hiểu biết khá tỏ tường. Không nghi ngờ gì nữa, bên ngoài dòng chảy của nền văn học trong nước, trong 18 năm qua vẫn có những dòng chảy khác của văn chương người Việt, phát nguyên từ nhiều chân trời khác nhau. Chúng lặng lẽ và tiềm tàng, từ tốn hay mạnh mẽ, chảy xuyên qua rất nhiều xứ sở, tích lũy trong đó tiếng gào réo của thác của ghềnh, cũng như cả những tiềm năng thanh lọc rất dữ. Để rồi đến một lúc, giống như một chàng trai "bước vào tuổi 18" từ lúc nào không hay, những dòng chảy kia bỗng chốc dội vào nhau, va động, làm cho nhau nổi sóng, rồi vừa phân hóa vừa nhóm tụ lại, chúng dồn thành một "hợp lưu", báo hiệu một bắt đầu tỉnh thức, từ nơi sâu kín của lương tri, và một nhu cầu khách quan ngày càng rõ nét: trở về với cội gốc, bằng con đường hòa hợp dân tộc "phá vỡ mọi biên cương, mọi định kiến", "hướng tầm nhìn về tương lai, đặt tiền đồ của dân tộc lên trên hận thù" (Hợp Lưu, số 1, tháng 10- 1991). Và đó là cách để sớm hội nhập, giao lưu với dòng văn "quốc nội"; vì "chỉ có hòa hợp, hòa giải dân tộc thì dân tộc mới là một" (Trần Đỗ - Trăm Con, số 1, tháng 6-1992).

2

Có cái gì đáng kể trong dòng văn người Việt ở hải ngoại này? Trong câu chuyện "trà dư tửu hậu" của những salon văn học nhóm lên bất chợt ở ngoài Bắc trong Nam suốt nhiều năm nay (cần hiểu chữ salon ở đây là một hàng cơm "bụi" hoặc một quán bán nước chè bên lề đường), chúng ta chẳng đã từng đặt ra với nhau một vài câu hỏi đại loại như thế. Và do cách tiếp cận dòng văn học này còn quá lỗ mỗ, cách trả lời của mỗi người cũng thường rất đỗi khác nhau. Có người thích giọng văn tùy bút miên man trong hoài niệm của Võ Phiến, ở đó mỗi một dấu hiệu bắt gặp trên vùng đất lạ, một tiếng chim sẻ, một bụi "ổi tàu" (hoa cứt

lợn) (1) cũng làm cho ông cháy lên một nỗi thao thức khôn nguôi về hương vị, sắc màu... nơi quê hương bản quán. Có người ao ước được cầm trên tay bộ trường thiên tiểu thuyết dày 1,800 trang Mùa Biển Động (2) của Nguyễn Mộng Giác, để thử cùng ông lần trở lại trên suốt cuộc hành trình máu lửa ở giải đất miền Trung trong những năm từ 1964 cho đến hết tháng 4-1975, và cùng với ông chiêm nghiệm về những gì gọi là được và mất, vinh quang chiến thắng và "mặt trái của tấm huân chương", ẩn đàng sau bức tranh lịch sử; mặt khác, cũng để thử bắc đồng cân so sánh nặng nhẹ giữa bộ sách của ông với những bộ trường thiên Cửa Biển của Nguyên Hồng, Vỡ Bờ của Nguyễn Đình Thi, hay Xóm Cầu Mới, Dòng Sông Thanh Thủy của Nhất Linh mà nhà nghiên cứu Nam Chi trong hai bài giới thiệu trên tờ Đoàn Kết (số 4-1990), đã đề cập đến như những bộ trường thiên đi đầu. Cũng từ những lời giới thiệu khác của Nam Chi trên báo Đoàn Kết trước đấy năm tháng (Số 12-1989), có người lại muốn đi tìm thiên "Hồi Ký Cách Mạng Và Kháng Chiến (3) của Phạm Duy, để xem "con mắt xanh" và sức "cường ký" của nhà nghệ sĩ đã xa cách quá lâu rồi với môi trường cách mạng và kháng chiến -"kẻ du ca" với những "lựa chọn tương đối và thiết thực... trong cõi đời thường" (Thụy Khuê - Hợp Lưu số 8, tháng 12-1992) (4)- còn lưu giữ lại được những gì về đoạn đường rất đậm chất sử thi, "vừa hào hứng vừa cam go" (Nam Chi - đã dẫn) ấy của dân tộc. Có người ham mê văn tiểu phẩm, tỏ ý thích thú với cách đặt vấn đề "thẳng thừng" của Nhật Tiến, Thế Uyên, trong các bài báo, tập sách, câu trả lời phỏng vấn đầy ý vị thời sự của các ông (5), bắt người ta phải nhìn xoáy vào sự thật, cái sự thật ở bên này đất nước nơi các ông vừa về thăm lại, tuy có nhiều điều chẳng làm các ông ưng ý, nhưng cũng không hẳn giống với cách nghĩ cố chấp của một số người; cái sự thật trần trụi không che giấu hay tô vẽ, mà theo các ông, dẫu mình có đau lòng thì vẫn là sự thật, và không có cách "cứu vãn" nào khác hơn là chờ đợi một chuyển động tự nó, là "hòa giải hận thù giữa người Việt với nhau" (Đặng Tiến - Diễn Đàn, số 3 tháng 12-1991) (6). Có người, trong mối thất vọng chung với thơ tiếng Việt hải ngoại từ nhiều năm nay, bỗng bắt gặp được một ít bài mang giọng thơ mới lạ, của Thường Quán, Ngu Yên, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Sa, Phan Ni Tấn, Luân Hoán, Phạm Việt Cường, Khế Iêm..., nên lấy làm vui thích. Có người lại có cảm tình với dòng truyện ngắn hải ngoại nở rộ trong mấy năm gần đây, với những đoản thiên nhẹ nhàng

hay dữ dội, được cấu trúc đôi khi rất tân kỳ (Trần Vũ), thông qua đủ mọi thể nghiệm tâm linh, thần kỳ, ảo giác, tính dục... nhưng phần lớn thì vẫn rất giản dị, cổ điển, hoặc còn mang hơi hướng ngôn từ cổ kính, gợi lên cả một thế giới tâm trạng bộn bề của người xa xứ, những dằn vặt, lo âu, khắc khoải, những bi kịch và cả niềm vui tiếng cười... của nhiều nhóm cộng đồng người Việt bị hoàn cảnh đẩy ra khỏi môi trường xứ sở, và phải trải biết bao gian truân, mất nát, đổ vỡ, phải chống lại mọi thứ "dị ứng" trong tâm lý, sở thích, phong tục tập quán, kể cả trong tình yêu, để hội nhập được vào xứ sở nước người. Có người đã sửng sốt ngạc nhiên khi đọc đến những truyện của Nhung Uyên (Nhật Ký Mỵ Nương) (7), Lê Thị Huệ (Thiếu Nữ Chờ Trăng Lên) (8), nhận ra trạng thái "dị ứng" đã trở thành những cú "sốc" tâm thần từ hai phía, những cú "sốc" vừa là lực đẩy lại vừa là lực hút giữa những cặp tình nhân khác chủng. Nhưng cũng có người thích thú hơn với những bản tình ca "hòa nhập", như trong các truyện của Trần Mộng Tú (Cầu Vồng Bảy Sắc) (9), Ngọc Khôi (Café Froid) (10), hòa nhập do sự trùng hợp trớ trêu của định mệnh, và sự nhạy cảm của chất "người", dù màu da, tập tục có khác nhau như thế nào. Có người đã hết sức bức xúc trước tình cảnh của lớp người già được miêu tả trong truyện của Nguyễn Thị Hoàng Bắc (Bà Ngoại) (11), Tam Thanh (Ở Đó) (12), Nhật Tiến (Người Làm Ca Đêm), Vũ Nam (Đường Cùng), Hoài Mỹ (Về Với Biển Cả) (14), Phan Thị Trọng Tuyến (Khoảng Cuối Cuộc Đời)... những con người lẽ ra được cởi mở hết cá tính như bà mẹ trong quá vãng của Kiệt Tấn (Nụ Cười Tre Trúc) (15), thì lại phải thu mình lại để chống trả với sự ghẻ lạnh của môi trường mới nhập cư, và đôi khi cả sự hững hờ vô ý của thế hệ cháu con đang bị cuốn hết vào nhịp sống công nghệ hiện đại. Nhưng cũng có người quan tâm đến truyện của Trần Thị Kim Lan (Kẻ Lạ Người Thân) (16), Hoàng Khởi Phong (Hoàng Hôn) (17), muốn khơi lại cái nhìn nhân bản và tấn bi kịch chung của thế hệ người già ở ngay những quốc gia tiên tiến, để ngậm ngùi nhận ra họ cũng bơ vơ không khác gì tình cảnh bơ vơ xứ lạ của những kẻ như mình. Có người hứng thú với tâm trạng "trở về" -trở lại quê hương đất nước- trong nghi kỵ, xa cách, hoặc trong sự tha hóa của tình cảm và cả nhân phẩm, nhìn từ một phía hay cả hai phía, như trong truyện của Vũ Quỳnh N.H. (Apocalipse Now) (18), Trần Vũ (Benhur và Messala) (19), Nguyễn Trung Tâm (Hồng Phúc) (20)... Nhưng có người lại yêu một thoáng hồi cố của giây phút

trở về trong (Khung Trời Bỏ Lại) (21) của Nguyễn Thị Ngọc Liên, một thoáng nuối tiếc bâng khuâng về "cái thuở ban đầu lưu luyến ấy" đối với người cũ, đối với Sài Gòn... giống như một mùi hương hoàng lan rất nhẹ còn phảng phất mãi trong tryện của Thạch Lam làm ta ngây ngất.

3

Quả tình, đối với dòng văn chương hải ngoại của người Việt, tuy chưa ai nhận dạng được đầy đủ, nhưng dần dà góp nhặt từng ít một, đã có cái gì đó hiện lên trong trí, và để lại một sức nặng trong cảm xúc, như cái hình bóng thấp thoáng của một người anh em không quá xa lạ với mình. Vì sao có được ấn tượng đó? Vấn đề này cũng có không ít kiến giải khác nhau. Có người cho rằng đây mới đúng là dấu hiệu của thiên bẩm văn chương, vì người viết dứng trước rất nhiều nghề nghiệp có tương lai hơn nhiều, đã tự nguyện chọn lấy một nghề bấp bênh và "khó thấy mồ" (Đặng Tiến dẫn lời Thế Uyên - Diễn Đàn số 3, tháng 2-1991), là viết bằng tiếng Việt. Có người nghĩ đến môi trường sáng tác của văn chương hải ngoại không có mấy rào ngăn, cấm kỵ, nên văn viết ra nói hết được ý mình. Nhưng cũng có người tỏ ý nghi ngờ nguồn sinh lực dồi dào của dòng văn hải ngoại, bởi nó thiếu đi một điều kiện then chốt là sự bắt rễ vào mạch sống đích thực của quê hương. Có người lại rất thích chủ thuyết "phản ánh luận", cứ muốn cho văn học hải ngoại phải nói được nhiều hơn nữa thực trạng đau buồn của người xa xứ (Thôi Im Cho Qua Đi - Trần Long Hồ) (22); Dốc Ngược - Nguyễn Ý Thuần (23); Dấu Mặt Cuối Năm - Hồ Đình Nghiêm (24)..., có thế mới biểu hiện của ý hướng "thức tỉnh" mạnh mẽ hơn, và mới là triển vọng của một màn vĩ thanh "đại đoàn viên", qua đó cái tên văn học lưu vong tự nó sẽ biến mất. Ý kiến thật là đa dạng! Nhưng ngẫm cho kỹ, hình như mỗi cách nhìn nhận chỉ mới đúng một phần.

4

Tôi cũng tin như ai đó rằng văn học người Việt ở ngoài nước cũng đúng là đang thức tỉnh, nhưng vì sao thức tỉnh? Thì vấn đề lại càng phải lý giải rõ thêm. Không nên quên rằng văn học trong nước cũng chỉ mới "thức tỉnh" trong công cuộc đổi mới diễn ra chừng năm, sáu năm nay, và trên phương diện lý luận, dẫu cho chúng ta còn phải tranh cãi để định

danh thật đúng hiện tượng "thức tỉnh" này, thì hẳn ai cũng phải thừa nhận một thực tế là diện mạo và sinh khí của văn học từ bấy đến nay đã khác trước. Thành tựu tuy chưa có gì lớn lao nhưng tiếng nói, giọng điệu đã không còn đơn giản, dễ dãi, "trắng đen tách bạch" hay "suông sẻ" một cách đáng ngờ, như không ít thì nhiều cách tư duy nghệ thuật của thời "bao cấp". Và nếu không có sự thay đổi quan trọng đó, tất đã không có được những truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp cùng hàng loạt truyện ngắn được giải của báo Văn Nghệ; những tập truyện vừa Cỏ Lau của Nguyễn Minh Châu, Mê Lộ của Phạm Thị Hoài, kịch của Lưu Quang Vũ, tiểu thuyết Thời Xa Vắng - Những Thiên Đường Mù - Đám Cưới Không Giá Thú - Cuốn Gia Phả Để Lại - Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma - Lão Khổ - Nỗi Buồn Chiến Tranh... và nhiều sáng tác lớn nhỏ khác. Sự đổi mới của văn học cũng như các mặt hoạt động khác của đời sống xã hội Việt Nam rõ ràng bắt nguồn từ một nhu cầu có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh đất nước: không đổi mới tức là dấn mình vào chỗ chết. Tôi nghĩ, xu hướng "hợp lưu" của văn học người Việt ở nước ngoài cũng xuất phát từ một nhu cầu nội tại tương tự: không hướng về sự sống còn của dân tộc tức là vô hình trung tự đánh mất đi bản năng sinh tồn, khát vọng hiện hữu và "tái hiện hữu" của mình. Bởi thế, có phần đúng như cách nghĩ của Lê Hoài Nguyên, chính công cuộc đổi mới của đất nước mà bộ phận nhạy cảm là văn học, đã trực tiếp tác động, góp phần dẫn đến xu thế "thức tỉnh", "hòa nhập" của văn học người Việt ở nước ngoài, chẳng khác gì sự kích thích dây chuyền của cùng một cơ thể sống. (Thử nghĩ, nếu văn học của chúng ta vẫn nói những lời rất cũ trong khi đất nước đang mạnh mẽ đổi thay thì liệu người đọc trong nước có chấp nhận hay không về một đòi hỏi khách quan: đổi mới để giao lưu, hòa nhập?). Nhưng nếu đổi mới là một xu thế "bất khả kháng", thì cái bước đi của nó lại cũng không tùy thuộc ý muốn của một người nào. Do điều kiện nhận thức và cảm hứng sáng tạo có khác nhau, có dòng sáng tác ở troug nước đã bứt lên khá xa, nhưng có thể có dòng vẫn chậm rãi theo nhịp điệu cũ. Điều đó nào có gì là lạ! Chúng vẫn có quyền chung sống với nhau một cách bình đẳng, thoải mái, và thúc đẩy lẫn nhau để cùng phát triển. Ví bằng coi đó là qui luật thì cái qui luật "tối thượng" ở đây vẫn không ra ngoài mẫu số chung của mọi đường véc-tơ chuyển động. Phê phán văn học "quốc nội" "cởi rồi lại trói" (Hợp Lưu, số 8 tháng 12-1992) cũng chẳng khác gì đòi hỏi văn học người

Việt ở nước ngoài phải lên tiếng "tố giác", "vạch trần" thực trạng di tản lưu vong mạnh hơn nữa, và phải "thức tỉnh" cho mau. Thiết tưởng, cả hai phía đều là những suy luận chủ quan, do ngộ nhận về một thực tế mà mình chỉ là kẻ "nhìn từ xa", nên không sao hiểu được nội tình của "người trong cuộc".

5

Ai cũng biết rằng ở những xứ sở vốn đã quen với truyền thống dân chủ, tự do thì sự cấm kỵ có ít hơn, nhưng phải đâu như thế là người cầm bút ở đây muốn viết gì thì viết. Sự cấm kỵ trên lĩnh vực tinh thần nhiều khi lại bắt nguồn từ những điều kiện có vẻ như vô hình, không dễ mà nhìn thấy: các thiên kiến cố chấp đã thành thói quen, tâm lý mặc cảm của một nhóm cộng đồng nào đấy chưa gỡ bỏ đi được, hoặc cách ứng xử theo nếp bảo thủ cổ truyền giữa những người cùng giới với nhau... Nếu chẳng còn chuyện "cấm kỵ" thì vì sao vào tháng 7-1992, khi giao lưu trong nước và kiều bào ở nước ngoài đã hết sức mật thiết, vậy mà vẫn còn nổ ra "vụ động đất Montréal", dùng thư can thiệp, hăm dọa các thành viên của hai tờ Hợp Lưu và Trăm Con và nhiều du khách khác về Canada tham dự triển lãm của họa sĩ Võ Đình? Kế đó, vì sao lại có việc Hiệp Hội Báo Chí Canada bị ép buộc phải tẩy chay tờ Trăm Con, mà kết quả là 5 trên 7 thành viên của Hiệp Hội không tán thành, khiến phải đi đến chấp thuận giải tán hội? Ngay chỉ mới vào tháng 5-1993 còn nóng hổi đây thôi, vì sao cuộc triển lãm của họa sĩ Lâm Triết ở quận Cam Hoa Kỳ đến phút chót cũng phải hủy bỏ? Cho hay, ở đâu cũng thế, sự ràng buộc của những luật lệ vô hình bao giờ cũng ghê gớm hơn những luật lệ thành văn mà ta cứ tưởng là duy nhất hữu hiệu, và cuộc vật lộn cho cái mới là luôn luôn vất vả thậm chí nhiều khi thất bại, cũng là thường tình. Điều đáng nói là mỗi chúng ta, những người trong giới, mỗi khi nhân danh cái "mới" để lên tiếng ở nơi này nơi kia, hãy nên tự cảnh giác với mình. Kinh nghiệm cho thấy, những người trong cùng một giới thường quá hiểu về nhau, lại thêm sự nhạy cảm và mặc cảm, nên thường làm khổ nhau nhiều hơn là chính sự cấm kỵ rất nhiều.

6

Nhưng dù sao, trong thời đại ngày nay, muốn chống lại một xu thế

đã trở thành tâm nguyện của nhiều người, không phải là điều dễ. Sở dĩ người ta trách các chàng Don Quichotte không phải vì kính trọng các chàng, mà để khỏi thêm một việc làm vô nghĩa. Một khi ngòi bút truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp đã đi ngang qua bầu trời văn học Việt Nam hiện đại, thì mặc cho ai đó có bực bội, lên tiếng chống lại ông, một phong cách truyện ngắn rất giàu năng lực biểu tượng kiểu Nguyễn Huy Thiệp đã đâm chồi bén rễ trong hàng loạt cây bút truyện ngắn sung sức kế theo sau. Đó phải chăng không là một hiện tượng có ý nghĩa thời đại hay sao? Và cũng không còn là một hiện tượng văn học có giới hạn trong phạm vi "bản địa". Hẳn chẳng phải ngẫu nhiên mà cách nhau chưa đầy ba năm, bà Kim Lefèvre đã tuyển dịch hai tập truyện của Nguyễn Huy Thiệp ra tiếng Pháp (25), sau đấy tập truyện Tướng Về Hưu lại được dịch liền ra tiếng Ý (26). Gần đây, trong dòng văn học Việt Nam hải ngoại, người ta thường nhắc đến một cây bút truyện ngắn được coi là đặc sắc: Trần Vũ, mà ít nhiều, tác động của phong cách truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp đã thấy bóng dáng trong một vài thiên truyện, như Mùa Mưa Gai Sắc - Cái Chết sau Quá Khứ (27). Trong bài Tại Sao Phải Là Nguyễn Huệ (Hợp Lưu số 5), nhà phê bình Trương Vũ sau khi nhận xét về những đặc điểm có phần giống nhau giữa hai cây bút tài hoa nói trên, đã đặt ra một câu hỏi chung cho cả Nguyễn Huy Thiệp lẫn Trần Vũ, rằng những thông điệp nghệ thuật sâu xa mà hai tác giả muốn nhắn gửi, qua Phẩm Tiết hay Mùa Mưa Gai Sắc, có nhất thiết phải mượn đến biểu tượng Nguyễn Huệ, để làm vỡ đi một hình ảnh Nguyễn Huệ "như một con người thật, như triệu triệu con người thật khác" (tr.18) (tôi muốn thêm: như một "động hình" (stéréotype dynamique) đã tồn tại trong tâm lý dân tộc suốt 200 năm lịch sử hay không?) Vì lẽ, nếu tác giả cũng như bạn đọc "ai cũng có quyền nghĩ về Nguyễn Huệ theo những chiều hướng khác nhau" (tr.16), hơn nữa "Nguyễn Huy Thiệp và Trần Vũ không viết dã sử, không viết truyện kí danh nhân, nên không thể có ý đồ bôi nhọ hay lăng nhục nhân vật lịch sử" (tr.14), thì trước hết, về phía Nguyễn Huệ, "cho dù ông sống cách đây hai trăm năm, ông vẫn có quyền hiện diện một cách trung thực và được dành cho sự kính trọng mà những người hiện hữu ngày hôm nay luôn luôn đòi được hưởng" (tr.18). Về một phương diện nào đó, ý kiến minh bạch của nhà phê bình hải ngoại đã bắt đúng mạch cảm nghĩ của không ít bạn đọc trong nước. Có vẻ như trên hình thức, ông giống

với một số nhà phê bình trước đây không tán thành Nguyễn Huy Thiệp. Nhưng về thực chất, cách đánh giá Nguyễn Huy Thiệp của ông khác họ. Ở đây nữa, thực tế cũng chứng tỏ, không chỉ văn chương trong nước và văn chương hải ngoại, mà chính sự cảm thụ văn chương của nhiều cây bút phê bình người Việt trên nhiều báo chí hải ngoại, cũng có sự gặp gỡ với người phê bình trong nước - gặp gỡ trên đối tượng, hoặc gặp gỡ trong nhu cầu được cùng nhau bàn bạc, trao đổi về quan điểm phê bình. Phải chăng không thể coi đây cũng là một cách "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu"?

7

Vậy thì, hãy nhìn trở lại xem cội nguồn của sự "thức tỉnh", của xu hướng giao lưu, hòa hợp, trở về gốc, của văn chương người Việt hải ngoại là gì? Tôi nghĩ xét đến cùng, đó là cái hành vi mà trong đời một người, trước sau ai cũng có lần phải tính đến: sự đòi hỏi của lương thức bắt mình phải nghiền ngẫm, độc thoại, để đi tìm lại căn cước của chính mình. Ta là ai, và ta đang đứng ở đâu giữa hành tinh này? Câu hỏi đó đã từng đặt ra với nhiều thế hệ nhân quần, thuộc nhiều vùng đất khác nhau, trước những cơn dông bão có tính chu kỳ của lịch sử. Nó đã đặt ra với Khuất Nguyên nước Sở thời Chiến Quốc, với Trần Tử Ngang thời sơ Đường, với nhà thơ Nguyễn Quang Bích Việt Nam cuối thời Cần Vương chống Pháp. Ở phương Tây, trên những cấp độ và bình diện khác, nó cũng đã từng đặt ra với Montaigne, với chàng Hamlet của Shakespeare và nhiều nhà tư tưởng thời Phục Hưng, thời Ánh Sáng... Trong vận hội của đất nước hôm nay, sau bao nhiêu biến cố có tầm nhân loại làm cho hàng loạt thần tượng bị đổ vỡ, hàng loạt hệ giá trị phải thay đổi, một lần nữa câu hỏi ở trên lại đặt ra cho rất nhiều con người Việt Nam đang đứng ở nhiều ngả đường khác nhau, mong chống chọi được với sự nghiệt ngã của thân phận để tìm một lối đi chung. Căn cước mà tất cả mọi người Việt đang muốn tìm, dù đứng ở phía nào của giới tuyến, không có gì khác hơn là căn cước dân tộc. Tất nhiên, không ai hời hợt nghĩ rằng đây là chuyện màu da, quốc tịch, thậm chí cả giọng nói, ngôn ngữ. Nhưng gạt sang một bên tất cả những thứ ấy thì vẫn còn lại một điều quan trọng: dân tộc là cái khuôn ban đầu của cốt tính, là cái cuống nhau không bao giờ đứt đoạn với những tâm hồn. Mọi chế độ sẽ lần lượt

đi qua nhưng dân tộc thì mãi mãi ở đấy - trong chỗ cùng thẳm của ý thức, như một câu thơ của Nguyễn Du: Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng.

Khái niệm dân tộc mà linh hồn của nó là nền văn hóa mang đặc trưng riêng tích lũy từ bao nhiêu thế kỷ, như những hằng số của lịch sử cộng lại, sẽ giúp cho mọi con người một khả năng tự giải tỏa để trở lại đúng "bản lai diện mục" của mình, để mình khỏi trở thành một kẻ không thể gọi được tên, nói theo Camus: một "người xa lạ" (l'Étranger). Văn hóa của mỗi dân tộc lại phải đặt trong vòng ảnh hưởng của khí hậu và môi trường văn hóa khu vực mà dân tộc đó từng nhiều đời tiếp nhận, giao lưu, có thế mới hình dung ra được tầng tầng lớp lớp những mối dây vô hình đan chéo với nhau, gắn mỗi con người vào cội gốc. Và khi có ai đó đang đinh ninh rằng mình là một cánh chim tự do, họ có biết đâu từ trong tiềm thức và vô thức, tự tính và phi lý tính, họ đã mang nhiều thứ hệ lụy, buộc ràng, do lịch sử, gốc gác để lại. Những bản tình ca "tiền chiến" làm hồn ta say mê ngây ngất suốt mấy chục năm qua, dù lời hát cất lên ở một khung trời nào, phải chăng không vì chúng có khả năng đưa ta đến phút giây xuất thần, ngõ hầu quên lãng thân phận chàng Từ Thức của mỗi chúng ta trong hiện hữu để được trở lại làm một kẻ lãng tử đi tìm suối Đào Nguyên, hay đuổi theo hình bóng anh lái đò Trương Chi trên con sông tuổi thơ đã vĩnh viễn trôi vào dĩ vãng? Cũng giống như một nhân vật chạy bộ trong truyện của Võ Đình (Người Chạy Bộ) (28), sáng chiều chạy thể dục giữa những cánh đồng ngập tuyết, nhưng trước mắt anh ta, đám mây vẫn là đám mây vân cẩu, trong trí anh ta vẫn phảng phất hình ảnh "trong ngọc trắng ngà" của nàng Kiều, hay một chàng chinh phu "tuyết in sắc ngựa" trong Chinh Phụ Ngâm.

8

Nhưng cũng cần nói, căn cốt dân tộc là tiên thiên, nên trong nó có chỗ mạnh và chỗ yếu, có chỗ "hữu dư" và chỗ "bất túc". Điều đó không có gì khó hiểu và dân tộc nào mà chẳng vậy. Trở về với dân tộc không có nghĩa là một lần nữa để cho cái khuôn dân tộc trong quá khứ áp đặt lên mình (cái khuôn đã in dấu lên tâm hồn mình từ thuở sơ sinh) và chính mình cũng tự nguyện buộc mình vào những nghi thức cổ xưa, những lễ "tụng ca", "hiến tế thần linh"... chỉ để thỏa mãn cảm hứng vàng son về lịch sử. Đó lại cũng là một điều không thức ngộ khiến tự

dẫn mình vào bế tắc, trong khi dân tộc không bao giờ chỉ có một hành trình từ hiện tại đến quá khứ; dân tộc nếu là một thực thể sống tất yếu sẽ vận động đi tới và đổi thay. Gắn với dân tộc chủ yếu là gắn với cái hàm lượng văn hóa chứa đựng tiềm năng "nghịch biến" từ quá khứ tới tương lai, chứ không phải với cái phần từng ràng buộc con người trong tâm cảm ức chế, làm người ta được an ủi nhưng cũng trì níu vào những mặc cảm cố hữu (sự ôn nghèo hỏi khổ, sự hận thù, đối nghịch...). Vì thế, trong giai đoạn hiện nay, khi xu thế của nhân loại đang hướng tới một thế giới an lành, tự do và dân chủ, không nên mặc cảm rằng tính dân tộc sẽ cản trở chiều hướng dân chủ của mọi người. Mâu thuẫn giữa dân tộc và dân chủ như nhà phê bình Đặng Tiến nêu lên (Hợp Lưu số 6) (29) là điều có thật. Nhưng cũng đã là một hiện thực mà ai cũng trông thấy, là nhiều dân tộc không muốn bị đào thải, đã cố sức vượt lên, khắc phục được mâu thuẫn để tồn tại và phát triển với một gia tốc mạnh mẽ hơn. Và phát triển, hướng tới dân chủ, tiến bộ, gia nhập vào thế giới hiện đại, nhưng hồn dân tộc thì vẫn còn.

9

Điều cần yếu, theo tôi nghĩ, trong xu thế hòa hợp, giao lưu hôm nay, giữa những người Việt trong nước với trong nước, và những người Việt trong nước với nước ngoài, trên cơ sở một sự trở về nguồn như đã nói, là phải cố gắng tìm ra một nguyên tắc chung mà nhiều người cùng chấp thuận. Nguyên tắc sống mấu chốt đó, đúng như cách đề xuất của nhà phê bình Hoàng Ngọc Hiến (30) khi ông vận dụng lại câu châm ngôn của Khổng Tử: "Quân tử hòa nhi bất đồng" (Luận Ngữ, Tử Lộ, 23). Tất nhiên cũng cần biết, hòa ở đây không có nghĩa như ta thường hiểu lâu nay, có phần cường điệu cái mặt ôn hòa, nhịn nhục. Hòa, trong tinh thần của Khổng Tử là sự kết hợp giữa những cái khác nhau về cơ bản. Có thể nói, không có gì khác nhau cho bằng con người. Con người sinh ra vốn đã là những cá thể không lẫn được với nhau. Khổng Tử đã nhận thấy điều đó khi ông nói: "Tam quân khả đoạt súy, sất phu bất khả đoạt chí" (Luận Ngữ, Tử Hãn, 26); nghĩa là: có thể cướp –đánh bại- được một vị nguyên soái của ba quân, nhưng không thể nào áp đảo được cái chí (cá tính, sở thích, ý hướng) của một kẻ thất phu. Chính vì nhìn con người từ bình diện cá thể, Khổng Tử hiểu rằng sự kết hợp các cá thể người trong một xã hội sao cho tốt đẹp là vô cùng khó khăn. Vậy thì,

trên nguyên tắc, chỉ nên chấp nhận sự hài hòa trên những nét lớn, chứ không nên cưỡng bức để biến nhau trở thành đồng nhất. Phải để chừa một khoảng rộng rãi cho sự khác nhau, sự đa dạng. Dùng áp lực này nọ để biến cái đa dạng thành cái đồng nhất một cách đơn giản, thì ngay trong tiềm thức sẽ tạo nên một bản năng cưỡng chống và trong thực tiễn không tránh khỏi trở thành phe phái, thành tranh giành phe phái. Kinh nghiệm lịch sử của Việt Nam cũng như của nhiều nước còn sờ sờ ra đấy. Đó là hành vi của bọn tiểu nhân chứ không phải của người quân tử (Khổng Tử cũng nói: Tiểu nhân đồng nhi bất hòa" - Luận Ngữ, Tử Lộ, 23).

Ý tưởng lớn lao của Khổng Tử toát lên trong câu nói của ông chính là như vậy. Trong quá khứ lịch sử của dân tộc ta, bằng nhận thức vô ngôn, chúng ta đã sống hòa hợp trong tinh thần đó. Chẳng thế mà thời Lý - Trần, "tam giáo đồng nguyên" -đúng hơn là ba hệ tư tưởng Phật, Nho, Đạo chung sống với nhau- đã góp phần đưa dân tộc ta tới cường thịnh. Chẳng thế mà, trong nhiều thế kỷ, chế độ phong kiến cực quyền vẫn không bóp chết được tinh thần dân chủ trong phạm vi làng xã, một thứ dân chủ nặng màu sắc "vô chính phủ", "cá đối bằng đầu", nhưng cũng giúp cho các bác đồ nho nghèo, những người bị gọi là gàn kiểu Phan Điện, Tú Xương, nhưng thân phận kém cỏi hơn Phan Điện, Tú Xương rất nhiều, vẫn có thể ung dung chiếm một góc chiếu đình làng, ngồi đọc các bài thơ châm chích cụ Bá ông Chánh một cách ngang nhiên, mà không sợ tai vạ. Trong khi đó, một cuốn Chân Dung Nhà Văn của thời buổi dân chủ hôm nay -chỉ mới là chân dung của "làng văn" thôi- vừa ra mắt bạn đọc đã phải chịu biết bao đôi co trong dư luận. Kể cũng là một thực tế khiến ta phải ngẫm nghĩ. "Hòa nhi bất đồng", tôi muốn đem tinh thần đó để nhìn xu thế và triển vọng của sự hòa hợp dân tộc nói chung, hẹp hơn, là sự hòa hợp, giao lưu giữa văn chương Việt Nam hải ngoại với văn học trong nước.

Nguyễn Huệ Chi

---

(1) Võ Phiến: Buổi Chiều Tịch Mịch. Tạp chí Quê Hương, đã dẫn, và Ổi tàu, trích Tùy Bút II.

(2) 5 tập, gồm: Những Đợt Sóng Ngầm, Bão Nổi, Mùa Biển Động, Bèo Giạt, Tha Hương. Nxb Văn Nghệ. California, 1984-1989.

(3) Nxb Phạm Duy Cường, California, 1989.

(4) Bài Văn Cao - Phạm Duy: Trần Gian Và Tiên Cảnh (Thụy Khuê - Hợp Lưu số 8 tháng 12-1992).

(5) Có thể xem các báo Hợp Lưu số 1 tháng 10-1991. Diễn Đàn số 9, tháng 6-1992 và số 12 tháng 10-1992. Văn Học số 78, tháng 1- 1992.

(6) Bài Giao Lưu Văn Hóa, Hòa Hợp Dân Tộc Và Trách Nhiệm Nhà Văn.

(7) Thế Kỷ 21 số 7-1993.

(8) Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại (hợp tác xuất bản của hai nhà xuất bản Tân Thư, hải ngoại và Văn Học, trong nước. Chưa xuất bản). Tài liệu này và một số tài liệu khác do anh Lê Hoài Nguyên giúp. Xin được tỏ lòng biết ơn chân thành của tác giả.

(9) Thế Kỷ 21, số 7-1993.

(10) Văn, số 116, tháng 2-1992.

(11) Khi Tan Nắng, sách đã dẫn.

(12) Văn số 116, tháng 2-1992.

(13) Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại, đã dẫn.

(14) Hợp Lưu số 5, tháng 6-1992.

(15) Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại, đã dẫn.

(16) Văn Học số 28, tháng 8-1987.

(17) Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại, đã dẫn.

(18) Hợp Lưu số 8, tháng 12-1992.

(19, 20) Khi Tan Nắng, đã dẫn.

(21) Thế Kỷ 21, số 11-1992.

(22) Văn, số 11, tháng 2-1992

(23) Văn Uyển, số Xuân 1992.

(24) Làng Văn.

(25) Tập thứ nhất Un général à la retraite. Edition de l'Aube, Paris, 1990. Tập thứ hai Le cŸur du Tigre mới dịch xong nửa cuối năm 1993, chưa rõ tên nhà xuất bản.

(26) Nguyên văn tiếng Ý: Il generale in pensione do Hướng Thiện dịch. Erostudio, Torino, 1990.

(27) Hợp Lưu số 4, tháng 4-1992, và tập truyện Cái Chết Sau Quá Khứ. Nxb Hồng Lĩnh, 1993. Xem thêm Nguyễn Mạnh Trinh "Đọc Cái Chết Sau Quá Khứ", tập truyện Trần Vũ, Hợp Lưu số 12, tháng 8-1993.

(28) Hợp Lưu số 6.

(29) Bài Dân Tộc và Dân Chủ (Hợp Lưu số 6-1992)

(30) Trong bản tham luận tại cuộc hội thảo "Văn Hóa Và Phát Triển" do UNESCO tổ chức tại Hà Nội năm 1992.

NGÔ NGUYÊN DŨNG

say hương tóc cũ

ngón tay xanh xa mùa còn giữ lại
đã thật xa, cách mộng mấy năm rồi
cây bên rừng vẫn lặng chờ mê mải
bóng vớt ta đuổi bắt hoài không thôi.

chim đã chết trên cành khô ô nhiễm
khép kín rồi hai ô cửa mắt lòa
vuông kính vỡ trông ra chiều tẩn liệm
gấp lại thôi chương sách cũ đời ta.

khi đối mặt trong gương ta vừa mới
thấy ra mình thăm thẳm những suy tư
đời nứt rạn theo thời gian bứt khỏi
chỉ còn đây một chút bóng ảnh hư.

con nước đọng hồn ta vừa khô cạn
không gian đầy tai ách buổi giao mùa
ta đứng lạ giữa bụi mù nắng hạn
còn dội vang tiếng dế thuở xa xưa.

ta trút áo hóa thân thành giọt nước
ngậm suốt đời một góc nắng chơi vơi
ta với nắng hai mảnh đời trái ngược
bốc thành mây rơi xuống trận mưa đời.

vẫn còn đấy chỗ ta ngồi bên cửa
mở ra miền trăng sáng một đêm vui
đàn réo rắt múa ca cùng mắt lửa
người và ta một chút rượu tươi môi.

nhà khóa cửa bỏ không từ dạo ấy
chậu hoa khô rơi lả cánh bên thềm
đêm mưa tạnh thẩn thơ về lại đấy
uống cho say hương tóc cũ chưa quên.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

hai mươi năm, những thành phố

Viết tiểu thuyết là tha hồ cho nhân vật sống chết, dựng thằng này dậy, bắt tên kia chết, tiểu thuyết gia tha hồ mà làm mưa làm gió. Và tình yêu, tình yêu chỉ là sự chiến thắng, là cứu cánh biện minh phương tiện, là bảng vàng ghi thêm một tên nữa. Hai ý nghĩ cùng ào đến một lượt khi chiếc xe đò sơn phết hào nhoáng đã bắt đầu lem luốc như mặt người đàn bà phấn son nhòe nhoẹt đang thở dốc đi vào thành phố.

Con đường lộng gió đầy bờ sông tuy là vào một buổi trưa tháng ba mùa hè mà mát rượi. Dù sao thì cũng phải nén tiếng trống đang đập thì thùng trong ngực mà dấn bước. Tôi đi rảo một dãy phố, mắt có ý không liếc ngang liếc dọc gì lắm để đừng lộ cái vẻ tò mò nhếch nhác của một khách lạ nhưng không khỏi xao xuyến. Hết con lộ này là quẹo trái, bước qua khỏi cái dốc ngắn là nhà dì Hai, hai căn phố trệt sát liền nhau và riêng biệt với các căn nhà khác. Dì Hai ở với dì Tư căn bìa đầu đường, phía trước có góc sân cho chị Nhi bán đồ ăn sáng. Những buổi sáng dậy sớm và rảnh rỗi không phải đi làm, tôi thường tới nhìn những món quà sáng của chị và ngạc nhiên vì những món ăn kỳ lạ mà ở quê tôi người ta không ăn. Tôi gặp anh Dĩnh, anh binh nhì địa phương quân ở quận được má anh đút lót cho đại úy Sang nên đại úy đem anh từ mặt trận về nấu bếp ẵm con cho vợ ông, Dĩnh ăn một ổ bánh mì kẹp bốn cái bánh quai vạc rưới nước mắm ớt. Một lần khác, tôi thấy bà Tám ăn bánh xèo đúc bằng thịt gà cuốn trong bánh tráng nướng nhúng nước, tôi lại ngạc nhiên. Tôi ở căn nhà phía trong thuê của dì Hai do một tên học trò là cháu họ của dì mách nước. Lần đầu đứa cháu đưa đến giới thiệu, dì nhìn tôi rồi nói:

– Bao nhiêu tuổi rồi mà đã đi dạy học?

Tôi nói tuổi rồi đứng ngập ngừng, không biết ý dì ra sao, có thuận cho mướn nhà hay không.

Gần bờ sông, đường phố vẫn ngập rác. Trận gió đến như reo mừng tung từng cọng rác hớn hở kên không trung.

Bây giờ tôi đứng đây, trước căn nhà cũ. Tấm sáo tre muôn đời mãn kiếp che nắng che mưa và che cả những mắt nhìn tò mò của mọi người đã không còn đó nữa. Bù lại mấy cánh cửa lưới như loại lưới cửa chặn ruồi muỗi màu xanh cũng làm sáng được căn nhà đôi chút.

Cửa nhà của cả hai căn đều đóng im ỉm. Tuy vậy cái sân gạch trước mặt tiền vẫn láng bóng cho biết chủ nhà vẫn tiếp tục chăm sóc căn nhà một cách cẩn thận, như cách cẩn thận quá đáng xưa nay của hai dì.

Ngày đầu tôi mới dọn tới đã nghe dì Hai đọc một khoản nội quy hiệu đoàn khá dài: không được mở radio lớn sau mười giờ, không được "chứa" ai trong nhà mà không có phép của dì, không được leo lên nằm đưa võng của dì mắc ở sân sau (mát rượi), không được phơi quần áo trước căn nhà kín... Nhưng có hai điều kiện kỳ dị nhất làm cho tôi lúc đó đã ngơ người và đã định bỏ đi không mướn nhà của dì nữa. Đó là, thứ nhất, không được dắt Mỹ (?) vô nhà, thứ hai, đi vào cầu tiêu phải bỏ dép trước cửa cầu.

Tôi quyết định gõ cửa căn bìa. Một người đàn ông ra mở cửa.

Dì Hai nửa hờ hững nửa băn khoăn khi nghe tôi nhắc nhở mấy chuyện cũ, nhưng dì Tư thì mặt đã sáng rỡ và vẫn bằng cái giọng ngọng ngọng nghịu nghịu và chân thấp chân cao, dì kêu lên một tiếng "ồ" kinh ngạc và mừng rỡ rồi lắp bắp:

– Cô *gáo* đây mà, cô Quý đó, chị Hai nhớ *ga* chưa?

Tôi lục giỏ đặt gói quà lên bàn:

– Con không biết hai dì bây giờ thích mặc hàng gì, nhưng mà con thấy vải xoa đen này may quần chắc đẹp lắm nên con mua biếu mỗi dì một cái.

Quả nhiên, mặt dì Hai có tươi lên một chút. Da mặt dì vẫn mai mái tuy lớn tuổi mà không có vết nhăn nhiều lắm, có lẽ tại vẻ cứng cỏi đàn ông xưa nay trên nét mặt dì đã giữ cho dì không mấy khi bi lụy với cuộc đời, nên nét mặt vẫn đông lại cứng ngắc không thay đổi gì chăng? Dì Tư thì vẫn tròn trịa mập mạp, đi lại vẫn khệnh khạng nặng nề, nhưng ánh mắt vẫn ngời lên nét trẻ thơ đáng yêu. Tôi nháy mắt ra hiệu cho dì cùng đi ra nhà sau với tôi rồi ghé tai thì thầm:

– Con còn một món quà riêng cho dì nè.

Tôi dúi vào tay dì cái ví cầm tay thêu cườm của Hồng Kông chính hiệu. Dì cảm động chớm chớp mắt rồi lại tròn xoe ngạc nhiên hết nhìn món quà lại nhìn tôi như những điều khó hiểu. Dì không còn tuổi cầm cái ví đó, mà suốt đời cũng chẳng đi tới đâu để cầm nó, nhưng ai cấm một người mơ ước một điều không-để-làm-gì-cả? Giống như những điều tưởng là vô lý khó thực hiện được, chẳng hạn như một người đàn bà không bao giờ "được cưới" cũng có thể tự mua nhẫn cưới về đeo chơi, giống như những cô gái không muốn lấy chồng mà lại thích có con thì cũng có người sẵn sàng đẻ hộ. Hồi đó, mỗi lần tôi trang điểm để đi dạ vũ, dì thường đến gần cầm cái ví của tôi lên ngắm nghía mân mê.

Dù vậy, tôi vẫn giấu dì là tôi vừa ở cái nơi "vi phạm" trở về (cách nửa vòng trái đất, là bao nhiêu, tôi không biết), tôi chỉ nói đại khái là: con ở Sài Gòn về chơi, con bây giờ không đi dạy học nữa, đi buôn rồi. Đêm đầu ở nhà dì, dì Tư cho tôi nằm đưa võng mà không nghe dì Hai có ý kiến gì, chỉ thỉnh thoảng tôi còn phải suỵt suỵt làm hiệu đưa tay chỉ về phía gian phòng ngủ của dì Hai để dì Tư đừng lớn tiếng. Dì Tư ngồi bệt dưới nền nhà xi măng láng bóng, một thói quen giữ gìn nhà cửa bóng loáng như thế hầu như hai chục năm qua chỉ tăng mà không giảm. Tóc dì Tư cũng bắt đầu bạc và thưa đi nhiều nhưng dì vẫn bới kèm với lọn nên búi tóc vẫn tròn trịa xinh xắn. Cái đức tính gọn gàng sạch sẽ của dì làm những ai gần gũi thân mật với dì cũng đều quên đi những tật nguyền bẩm sinh của dì. Giọng nói tuy ngọng nghịu vì cuống cổ không đủ sức phát âm nhưng ánh mắt, cái nhìn, cách nói năng của dì vẫn toát ra một sự dịu dàng ngọt ngào hiếm có. Không biết trước đây thầy Bính mê dì có phải vì vậy không?

– Thầy Bính bây giờ ra sao hả dì?

Dì giật nẩy mình như đứa trẻ đang nghịch trộm món đồ cấm của người lớn thì bị bắt gặp:

– Dâu có, tôi đâu biết gì đâu!

Rồi nhớn nhác nhìn lên phòng ngủ của bà chị.

Ngày thứ hai, sau khi đi vòng vòng ở chợ và định sà vào ăn bún thì lại gặp dì Tư. Mặc dù đêm hôm qua tôi đã được nghe dì kể chuyện là dì vẫn còn buôn gà hàng sỉ ở chợ gà như cũ nhưng tôi vẫn không khỏi ngạc nhiên thích thú. Tôi kêu lên:

– Ô, bây giờ là chợ gà ở đây hả dì?

Dì kiêu hãnh:

– Bây giờ chợ mở rộng ra nhiều, phải không? Hồi đó chợ gà ở mé trên gần bến xe đò, bây giờ họ dời lại đây, có xa bờ sông chút đỉnh, nhưng bù lại có nhiều bóng cây thì cũng mát lắm!

Tôi nhìn một loạt những cây gì có hoa trắng nho nhỏ như hoa sầu đông, nhưng chắc là không phải, bây giờ là mùa hè mà.

Vẫn như xưa, dì tất tả đi mua hai phần cơm gà gói trong lá chuối xanh, hai bịch ny lông nhỏ đựng nước mắm ớt, thành phố này nổi tiếng gà và nước mắm, cơm gà là món tủ vậy mà suýt tí nữa tôi quên mất đã định ăn bún. Dì nhường cái ghế cây cho tôi rồi ngồi lên xấp lá chuối khô dồn đống lại. Mấy đám gà bị nhốt trong lồng chen lấn cãi cọ nhau té tát. Chợ Việt Nam trong trí nhớ tôi là những tiếng rì rầm da diết, những dư âm mơ hồ vọng lại, còn ở đây thực sự là những tiếng cãi cọ, quát tháo, rao hàng, tiếng gà vịt, tiếng còi xe, tiếng trả giá, và tiếng ruồi bay vi vu.

Bên kia, khi những mùa đông tuyết giá, căn nhà như bị đông cứng lại và tâm hồn tôi cũng đang tê cứng, ánh nắng chói chang rực rỡ của thành phố này như một giải tỏa, như cái không gian xa rộng mà những tù nhân trong gian phòng giam chật chội thường mơ mộng... Nhưng, một chú ruồi xanh đã đáp chân vào mặt tôi, tôi vội hất mặt để đuổi nó đi.

Dưới ánh nắng trưa, mùi cá thịt, mùi phân gà, mùi rau cải thiu và hơi người nồng nặc xông lên với hỗn âm của trăm ngàn thứ tiếng động, tiếng còi xe bất tận đang rượt đuổi nhau. Cái bè hợp xướng không người điều khiển cứ tùy tiện, lúc vang lên lúc lại chậm lại, hạ thấp xuống rì rào rì rào.

Hiếu, học trò cũ, làm bí thư ty giáo dục lại là đảng viên nòng cốt của tỉnh, có lần được ra họp đảng tận trung ương. Oanh làm phó giám đốc một công ty bán vé máy bay quốc nội, đã có chồng là công an trưởng công an thành phố, đời sống rất đảm bảo và đã sắm xe hơi, nhà. Cũng có đứa bạo gan ra mở tiệm cà phê ôm, có nhiều đứa khác thì đã vượt biên hay được gia đình bảo lãnh đi xa. Tin giật gân nhất là lớp trưởng lớp chín B hồi ấy, thường được bạn cùng lớp đặt biệt danh "tù trưởng" hiện đang ngồi tù vì đứng đầu nậu một dịch vụ ăn chơi khá lớn ngang ngửa với vụ Đường Sơn Quán bị phá vỡ, và người chịu trách nhiệm điều tra và ký quyết định bắt giữ Mạnh lại là chồng của Oanh, người Bắc.

Trở trêu ở chỗ là thuở còn đi học, Mạnh với Oanh "đẹp đôi" như hình với bóng.

Mẫn làm chủ một gian hàng mỹ phẩm lớn trong chợ dặn tôi:

– Còn nhiều chuyện lạ lắm, kể không hết. Cô còn ở lại, ngày mai mời cô tới nhà em chơi.

Rồi khoe thêm:

– Tuần tới, anh của em là tiến sĩ hóa học ở Canada sẽ về nhà theo phái đoàn điều nghiên việc xuất khẩu hải sản cới công ty Hải sản và Đông lạnh Thành phố. Nhà em hiện giờ có bắt điện thoại riêng, gia đình liên lạc với nhau hằng ngày.

Mẫn giới thiệu một số mặt hàng mỹ phẩm mà Mẫn bảo là "order" từ bên ông anh về, nhưng tôi chỉ thấy là nhãn hiệu Thái Lan hay Hồng Kông làm giả thôi.

Bỗng nhiên, tôi giật mình nhớ lại Minh, người anh cả của Mẫn, Minh đang làm thư ký kế toán ở Việt Nam Thương Tín thì bị động viên vào Thủ Đức, mới ra trận đầu đã trúng ngay phục kích sa vào một bãi mìn chôn của địch. Ra khỏi bệnh viện với hai chân cụt lên tận gối, Minh không đương đầu nổi, nên nổi điên mất trí luôn. Mấy lần đến nhà Mẫn trong chương trình Sinh hoạt Hè, tôi nhớ Minh vẫn ngồi nép sau xó cửa tối, đầu cạo trọc, quần đùi áo cụt, mặt mũi khôi ngô ngơ ngác và râu ria xồm xoàm. Hai đầu khuỷu chân cưa, thịt dúm lại lòng thòng nhăn nheo những dấu khâu, Minh cứ cầm một đồng bạc cắc, miệng kêu "sùy sùy", tay thì liên tiếp tung bắt đồng tiền lên không trung. Bà mẹ giải thích nếu không đưa đồng tiền cho Minh ném thì Minh lại ra sức giật cho đến chảy máu mấy miếng thịt dư chỗ vết khâu. Năm đó, Minh vừa bằng tuổi tôi, hai mươi bốn tuổi.

Tôi ngập ngừng rồi hỏi thăm Minh, Mẫn buồn buồn mà như hờn mát:

– Cũng tại vì anh Minh mà năm bảy lăm ba má em và em bị kẹt lại.

Đêm về, không khí mát dịu trở lại, tôi ra ngồi trước thềm nhà hóng gió. An, người đàn ông mở cửa cho tôi lúc tôi mới tới, thò đầu ra hỏi:

– Sao chị không bắc ghế ngồi trong cửa lưới này cho khỏi bị muỗi cắn?

Tôi nói cám ơn An và đáp là gió mát lắm, muỗi không thấy cắn gì đâu, rồi ngoái nhìn ngọn đèn đường. Hồi đó, thỉnh thoảng Dũng đi ngang

thấy tôi ngồi hóng mát thì thường bóp còi xe toe toe để trêu. Hồi đó, tôi chỉ yêu Ngọc nên chê Dũng già mà không để ý. Dũng bây giờ đã chết trong trại học tập và Ngọc thì đã cưới vợ đẩm. Bên kia đường cũng là nhà ông Kính, ông bị hen suyễn kinh niên và mỗi khi lên cơn thình lình phải rước bác sĩ đến tận nhà. Bác sĩ Quang quân y đóng trại tận trên phi trường nhưng lại mướn nhà trong thành phố, chỉ có anh mới bình dân và biết thương người bệnh, bất cứ ai bệnh gì mời đến, anh đều đến. Một buổi cuối tuần, tôi ngồi chơi vơ vẩn ở hè nhà trong bóng tối, thì thấy anh lại đến nhà ông Kính trong bộ thường phục cũ kỹ. Anh đi một chiếc xe đạp cà tàng, trông rất khác với bác sĩ Quang nghiêm nghị trong bộ quân phục màu vàng lái xe jeep chạy nhanh mỗi khi tôi gặp trên đường đi dạy. Về sau, đọc báo thấy đăng ảnh anh về Sài Gòn làm dân biểu đối lập. Sau lại nghe thêm tin vợ anh bị ung thư chết, anh lấy vợ lần thứ hai, vợ chồng không đủ giấy tờ nên anh phải xuất ngoại theo diện HO một mình, rồi chẳng thể chờ vợ sang vì một lý do nào đó, anh lại lấy vợ lần thứ ba.

Nguyệt cũng trước mặt nhà, mặt trắng tươi như bông, tối nào cũng chong đèn học, và cứ khoe với mọi người cái ước vọng kỳ cục của Nguyệt là phải lấy cho được một người chồng tên là Nhật, bất luận người đó cao thấp, béo gầy, già trẻ, nghèo giàu, xấu đẹp ra sao. Thuở đó có người giễu: Hà thì sợ lấy Bá, Nguyệt thì đòi lấy Nhật, làm như muốn ưng ai là lấy được người đó như lấy tiền trong túi ra tiêu.

Hai chục năm rồi, tôi vẫn chưa bỏ được cái tật ngồi một mình thì lấy tay mò mẫm lên đầu kiếm nhổ mấy sợi tóc ngứa (?), riết rồi không ngứa tôi cũng nhổ tuốt luốt. Dì Tư nói ngọng nghịu:

– Hồi đó tóc cô *gáo gài* mà *sự* nào *sự* nấy mướt *gượt*!

Đêm, khi tiếng ồn ào của thành phố đã lắng xuống, tiếng gió lại lùa về cái hơi lạnh của bãi tha ma nổi tiếng vì có một thi sĩ đưa người yêu băng qua đó một đêm mưa mà vướng phải ác bệnh. Thành phố này lại nổi tiếng với ngôi mộ của một người đàn ông chết trẻ, chết vì thượng mã phong, tôi nghe mọi người xì xào như thế, cha mẹ anh thương xót đứa con trai duy nhất vẫn số nên đã xây cho anh một ngôi mộ lộng lẫy nằm trên một mỏm núi trông ra biển chiều lộng gió. Một phần vì kiến trúc đặc biệt Trung Hoa lộng lẫy, một danh lam thắng cảnh của thành phố, làm nơi hẹn hò cho nam thanh nữ tú dù có đôi khi có những chuyện chẳng thanh tú gì đã xảy ra nơi đây. Chuyện Kim Hợi, học trò chín A

cặp bồ với một anh phi công đa tình, phi công lên máy bay bay theo mây bốn phương, Kim Hợi hận tình đem thuốc ngủ lên mộ nằm tự sát và không ai cứu kịp. Khổ cho tôi là cô giáo chủ nhiệm chín A, nhưng thực tình mà nói thì tôi chẳng oán trách gì ngôi mộ của Hồng Hưng. Mỗi lần có việc phải đi ra tiệm sách sau giờ dạy học, hay lùng kiếm mua chút quà địa phương cho lũ em trong dịp về nghỉ tết, đi ngang tiệm, tôi vẫn thấy vợ anh Hưng ngồi thản nhiên coi tiệm. Sau khi chồng qua đời đột ngột vì căn bệnh quái ác qua lời đồn đãi của mọi người, có lẽ giữ đúng tục lệ Trung Hoa chăng, người đàn bà trẻ hai mươi hai tuổi vẫn ở lại làm dâu trong nhà chồng, vẫn bình thản ngồi đo cắt, giao hàng đếm tiền, thối tiền và nói mấy câu chào hỏi lễ độ với khách hàng. Mỗi lần gặp, tôi lại thấy chị mập ra thêm một chút, một năm sau khi ngôi mộ chồng nổi tiếng thành thắng cảnh thì chị đã biến thành một người đàn bà mập xệ, khuôn mặt trắng nhợt nhạt to bè, và vì khá mập mỗi khi đứng lên, đi lại, chỉ có cái vẻ nặng nề của người lớn tuổi. Trước khi lấy chồng, chị nổi tiếng là Lâm Đại của thành phố.

Đèm bây giờ sáng hơn vì đi Hai nói là trước kia điện thường bị cúp, bây giờ đổi mới đổi đời rồi, điện có sáng hơn. Dì bây giờ đã thôi không ra chợ, chỉ đi lại lụm khụm dọn dẹp trong nhà, tuy vậy mà nét cứng cỏi dứt khoát trong từng cử chỉ, bước đi vẫn nguyên vẹn.

Quán ông Phính vẫn là quán rượu nhưng của một người chủ khác, cũng có họ hàng xa gần với ông. Năm bảy tám, ông lén sang cái quán cho người bà con rồi theo ghe vượt biên. Quán bị nhà nước tịch thu, nhưng sau đó nhờ chạy chọt dút lót, người cháu đã lấy được căn quán làm nhà ở và theo cao trào đổi mới kinh tế thị trường, quán rượu cũng chỉ mới được mở lại gần đây.

An ở Long Hương lên ở lại chờ mua lưới ny lông nhập cảng, nói:

– Thanh niên bây giờ uống rượu dữ lắm! Quán nhậu tùm lum chỗ nào cũng có mà chỗ nào cũng đông nghẹt.

Tôi hỏi chơi:

– Vậy sao An không mở quán đi?

An nói vậy mà đúng, làm chủ quán rượu thì phải là tay anh chị chịu chơi thì mới hòng chơi lại mấy tay anh chị khác. Quán ông Phính dạo đó cứ đôi ba bữa lại có một vụ đánh lộn nhỏ, năm ba tháng lại có một vụ đánh lộn lớn. Vụ lớn nhất có quân cảnh hụ còi giải tán có lẽ là vụ

đám lính rằn ri đem xấp giấy bạc trăm dày cộm, nghe mọi người kể lại dày cỡ gang tay, tất cả đều bị thủng một lỗ đạn ngoáy tròn xuyên qua, ông Phính không chịu "ăn", toán lính đập bàn đập ghế chửi thề liên tu bất tận:

– Đụ mẹ, bộ tiền này không phải tiền Việt Nam Cộng Hòa sao? Đụ mẹ, Việt Cộng giao liên hay kinh tài gì mà giàu quá trời, tao bắn một viên xuyên qua túi bạc nó, đụ mẹ, một viên nữa xuyên qua ngực nó, nó nằm gục xuống, tịch thâu tang vật, chỉ thấy tiền là tiền. Nhưng mà, đụ mẹ, tiền không xài được, biết vậy tao tha mạng cùi cho thằng giao luên đó cho rồi. Bắt sống nó lấy nguyên tiền không sướng hơn sao!

Toán lính đập phá tưng bừng rồi bỏ chạy, quân cảnh tới nơi thì chỉ còn cách giải tán đám đông người coi đang bàn tán và lập biên bản lấy lời khai của ông Phính. Sáng sớm lên trường, tôi nghe bọn học trò dặn:

– Bữa nay cô đi chơi đâu, nhớ đừng bận quần jean hay quần ống túm, mấy ông rằn ri đang chực trên cầu, hăm người nào mặc quần ống túm thì sẽ bị rạch!

Thành phố bên kia tôi vừa rời khỏi nổi tiếng là một thành phố tội ác, không ngày nào mà không có thống kê có người bị cướp, bị bắn, bị hãm hiếp. Những vụ cướp xe có giết người rồi đến những vụ cướp nhà băng, cướp người đi bộ... Các chuyên gia xã hội mặc tình giải thích nguyên nhân, hệ quả theo nhiều kiểu khác nhau. Đạo luật cấm mua bán súng tự do nhằm giới hạn trong một chừng mực nào đó, nhưng những bài học dạy nữ sinh ở các trường những tư thế tự vệ chưa kịp nhuần nhuyễn thì mọi người lại lên cơn sốt với những vụ giết người không để cướp mà chỉ để cưa khúc sưu tập ướp vào tủ lạnh để dành chơi! Biết đâu đôi khi chiến tranh là một nhu cầu cần thiết như hòa bình, vì không có chiến tranh thì con người lại tìm ra đủ mọi cách để cấu xé, hành hạ lẫn nhau.

Tôi cũng có ý định đi thăm một vài người học trò cũ ở đây nhưng rồi lại bỏ ý định, dặn dì Tư ai có hỏi con là ai thì dì đừng nói nhé. Cái mặc cảm của một người đi xa không mang áo gấm về làng, tôi thực tình chẳng có thành tựu gì sau chuyến đi vô định lần ấy, tôi không giống như hầu hết những người thành công khác, đem một chút vinh quang của mình từ nơi xa xôi về để chia chác cho những người thân.

Thả dọc bờ sông, tôi tìm coi lại rạp hát Cô Hai mà tôi chỉ nhớ mang

máng là nó nằm ở cuối bờ sông phía nam. Đám con trai đứng lổn vổn trước cửa rạp, rạp bây giờ cũng như khu chợ chính trông bề thế hơn, tuy vậy vẫn thấy nhỏ hơn trong trí nhớ của tôi rất nhiều. Bọn choai choai mặc T-shirt mang nhãn hiệu thời trang Hồng Kông hoặc Mỹ, có cái in ảnh vua nhạc pop đang tai tiếng, có đứa mặc áo thun có tay bó sát người rồi khoác thêm cái sơ mi ca rô, tóc chải kiểu tài tử Châu Nhuận Phát. Bọn con gái thì có vẻ thích mặc váy ngắn và áo thun hở ngực hở tay ôm sát vào người.

Bên cạnh bọn thanh niên ăn diện đúng mốt, đám trẻ nhỏ ăn mày vẫn có cái vẻ láu lỉnh già đời trước tuổi, những chị em diêm dúa chực chờ buôn vé chợ đen, cái quán ăn lộ thiên bán cơm gà, cháo gà, cà phê trước cửa rạp phồn thịnh khang trang gấp mấy lần cái quán nhỏ của chị Nhi làm tôi ngẩn ngơ. Nếu hồi đó, tôi không chê Dũng già, tôi không bận chờ đợi Ngọc, phải chi mà tôi lấy chồng sinh con, ôi chao, đời biết bao chuyện phải chi, phải chi, tôi không bị tình phụ thì cũng thành góa phụ...

Tôi phân vân với ý định ở lại sinh sống lập nghiệp ở đây. Dù sao, ngày mai tôi lại lên đường tìm thăm một thành phố khác. Buổi tối trước khi tôi đi, dì Tư ngập ngừng rồi ngó trước ngó sau.

Gian nhà tôi thuê trước kia bây giờ dã bán lại cho người khác và người chủ mới cũng vui vẻ cho tôi đi thăm lại nó một chút. Mọi vật dường như dã không thay đổi lắm, cái phòng khách được ngăn bằng một vách ván mỏng làm phòng ngủ không có cửa và bước qua cái mương hứng dưới máng xối là sân sau dùng làm nhà bếp, phòng tắm, sàn giặt đồ. Giếng và nhà cầu phải xài chung với hai dì, bây giờ người chủ mới đã bắt nước máy. Tôi cũng đã ngồi vào cái nhà cầu chồm hổm và trước khi bước vào thì cũng phải bỏ dép như thường lệ. Chỉ có cái phòng kín nằm xéo ở một góc sân thì không thấy còn nữa. Một bữa, tôi nghe chị Nhi nói xấu dì Hai:

– Cô giáo biết cái nhà kín ở trong sân dì Hai để làm gì không? Hồi đó dì lẹo tẹo với ông tài xế ở Sông Mao, dì có chửa với ổng rồi phá thai dem về chôn rồi thờ đứa nhỏ trong cái nhà kín đó!

Hồi đó, mỗi đêm khuya mắc đái, tôi thường đi bậy xuống đường mương rồi xách nước dội chứ không dám đi băng qua cái nhà kín kia mà tới cầu!

Dì Tư thì thầm:

– Cô *gáo* đi năm trước thì năm sau thầy Bính cũng dọn nhà về quê vợ làm vườn chớ không còn đi dạy học. Mỗi lần có xe đò vô ra Long Thành tôi đều ngóng tin thầy mà vẫn biệt tăm... Ai cũng nói thầy Bính dụ dỗ tôi để ăn tiền, không phải vậy, tui thương ảnh thiệt. Tiền bạc đem lại hạnh phúc và nếu như hạnh phúc có thể mua được bằng tiền bạc... Chớ người như tui ai mà dám thương! Ai thiệt lòng thương tui thì tui không tiếc gì tiền bạc đâu cô *gáo* à!

Hình như dì thở dài và tôi thì rùng mình thán phục! Chỉ có dì Hai là không chịu chấp nhận cách dùng tiền bạc để chiếm uy thế trong tình yêu như bọn đàn ông bình thường vẫn vận dụng để tận hưởng nhan sắc, tình yêu, trí thông minh, sự duyên dáng và thể xác của đàn bà. Giữa hai dì, ai đúng ai sai?

Có những đêm năm xưa ở thành phố, hỏa châu sáng soi một góc trời phía nam, tiếng súng lớn nhỏ âm ỉ vọng về đánh thức mọi người, không ngủ được, đổ xô ra trước sân nhà mà lo lắng ngó vu vơ lên nền trời đỏ lói. Bà đại úy Sang là người lo lắng nhất vì chồng bà hiện đang có mặt nơi mặt trận phía nam. Thành phố luôn luôn bị đe dọa, có một buổi sáng thức dậy dã nghe tiếng súng nổ dòn ở phi trường, dường như Bắc quân đã tới gần bên đít. Dạo đó tôi rất chán ngán và ngày đêm trông chờ có dịp hoán đổi là bỏ đi ngay.

Vậy mà sau này những lúc ở thật xa, tôi tưởng tượng, mơ mộng bao nhiêu điều khao khát cả ruột gan. Có những đêm tôi mơ thấy mình ngồi nơi cầu tàu với Hà y hệt như ngày đó, hai đứa vừa nói chuyện mai sau vừa rút những cọng cỏ khô ném xuống sông. Cọng cỏ trôi lềnh bềnh một lát thì tấp vào một con tàu mang tên Hải Thành khiến tôi cùng Hà bật cười vang. Vì tên giám học trường chúng tôi đang dạy tên Hải Thành và tàu Hải Thành thì đang chở nước mắm.

Chuyến xe theo lộ trình vòng ra bờ sông chạy quanh theo rạp hát một vòng rồi bắt cua quay về hướng bắc. Càng xa thành phố hướng về ngoại ô, mùi đặc sản địa phương quen thuộc dưới nắng trưa lại bốc lên ngùn ngụt. Thành phố vẫn trẻ trung mà tôi đã già nua, thành phố đã có cơ đổi mới mà tâm hồn tôi vẫn chất chứa đầy những hình ảnh cũ? Nó không dung được tôi hay tôi đã bội bạc trốn đi rồi lại ngơ ngáo tìm về?

Lúc xe băng qua cây cầu nhỏ vượt khỏi ranh giới cuối cùng của thành

phố, tôi bỗng kinh ngạc hoảng hốt mà nhận ra giữa đám cây lá um tùm lấp lánh ánh nắng trưa của vùng ngoại ô tỉnh lỵ, căn nhà mái ngói thấp có cái tam quan kỳ dị bằng đá xám chạm nổi hai chữ màu cẩm thạch xanh. Nhà của Ngọc, Hoàng Thế Ngọc. Ngày xưa, Ngọc và tôi những buổi đi chơi bằng xe lam từ thành phố về nhà Ngọc, cúi đầu bước qua cái cổng có hai chữ chạm "Hoàng Thế" đè nặng trên đầu, Ngọc thường ghé tai tôi bảo:

– Em đã chịu khó bước qua dưới cổng nhà này là suốt đời em không ra được khỏi đâu!

Nỗi hoang mang lạ lùng của mối tình một thời tan vỡ tưởng đã quên mà bỗng chốc lại gợn lên, cuồn cuộn kéo về gần như nguyên vẹn. Ngọc ngày ấy chỉ đùa mà tôi thì thật? Còn tiểu thuyết và cuộc đời, hai điều thì điều nào thực hơn?

Chuyến xe đang trên đường tới một thành phố khác.

Nguyễn Thị Hoàng Bắc 3-94

CHIA MỪNG

Nhận được hồng thiếp báo tin Ông Bà Vũ Đình Minh (tức nhà văn Mai Kim Ngọc) sẽ làm lễ thành hôn cho trưởng nữ là Cô

Jade Vũ Mỹ Ngọc, kết hôn cùng Fabrice Henry

thứ nam Ông Bà Dominique Henry tại thành phố Villa Park California Hoa Kỳ vào ngày 9 tháng 7 năm 1994.

Chúng tôi, Ban Chủ biên tạp chí Văn Học và một số văn hữu, xin chia vui cùng Anh Chị Mai Kim Ngọc, và thân chúc cô dâu Jade Vũ Mỹ Ngọc và chú rể Fabrice Henry trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà Võ Phiến, Ông Bà Lê Tất Điều, Ông Bà Võ Thắng Tiết, Ông Bà Tôn Thất Ngự, Ông Bà Nguyễn Xuân Nghĩa-Quỳnh Giao, Ông Bà Châu văn Thọ, Ông Bà Nguyễn Xuân Hoàng, Ông Bà Nguyễn Đức Quang, Trịnh Y Thư, Hoàng Khởi Phong, Ông Bà Lê Thọ Giáo, Ông Bà Nguyễn Mộng Giác, Ông Bà Cao Xuân Huy.

HOÀNG XUÂN GIANG

yêu em tóc ngắn

Ơi em tóc ngắn đêm dài
Bờ xa tiếng gọi một ngày lênh đênh
Yêu em chẳng chút bồi đền
Gọi tên em hạt cát quên đường về
Tôi từ một phút tỉnh mê
Suối khe cũng đã lời thề biển xa
Ơi em tóc ngắn lòng ta
Mộng qua bờ trắng giữa tà huy phai.
Montréal Tháng 7,1992.

em gửi gì không

Mai anh theo gió về tây lộ
Em gửi gì theo chút tang bồng
Em thả hương bay trong lời gió
Và chút tình si ở cuối dòng
Em gởi tấm lòng đây với đó
Để nhỡ khi về bến ngộ không
Mai mốt nhớ người vầng trăng úa
Thả tóc như mây về mênh mông.
Sài Gòn Tháng 2.1994.

TRẦN DOÃN NHO

người chú

Khi ông Phạm bước ra khỏi phòng họp, bí thư đảng ủy đi theo, vỗ vai, giọng thân mật:

– Thằng con anh độ này ra sao? Hắn đã chịu đem vợ con về ở với ông chưa?

Ông Phạm quay lại:

– Về được vài tháng rồi, nhưng ngó bộ cũng tính nào tật đó, con vợ vẫn hỗn, còn hắn thì vẫn bênh vợ.

Bí thư cười:

– Thôi làm lơ đi anh ơi, mình cần bọn chúng, chứ bọn chúng đâu có cần mình nữa.

Sánh vai nhau bước xuống tầng cấp sở công an, bí thư đảng ủy trở lại vấn đề của buổi họp vừa xong:

– Thôi rán nghe anh Phạm. Tôi biết anh cũng cấn đấn với vụ này lâu lắm. Chỉ còn một hôm nay nữa thôi. Các anh trên cũng như tôi hoàn toàn tin ở anh. Sự nghiệp chiến đấu bao nhiêu năm chẳng lẽ vì một chút tình cảm nhỏ mọn để ảnh hưởng.

Ông Phạm đứng lại, nhìn thẳng vào mặt bí thư đảng ủy:

– Anh khỏi động viên tôi. Anh cứ yên tâm. Mọi chuyện sẽ đâu vào đấy. Anh lên phòng đi. Tôi lên nhà lao sắp xếp mọi việc.

Ông Phạm bước vội ra chiếc xe con đang chờ sẵn ngoài sân. Xe về nhà lao, nơi ông làm việc. Vừa xuống xe, ông bước vội qua hai cánh cửa cổng, quên cả đáp lại hai người lính đứng nghiêm chào. Vứt chiếc cặp xuống bàn, ông mở ra, lấy bức điện khẩn có đề hai chữ tối mật bằng mực đỏ, đọc lại một lần nữa, rồi đặt vào tủ khóa lại. Như sợ còn chưa kỹ, ông lấy băng keo dán thêm một lớp phía ngoài, ký tên vào. Ông ngồi phịch xuống ghế, rút điếu thuốc Jet châm hút, mắt nhìn chằm chằm lên trần nhà. Ông cố hướng ý nghĩ ông vào một việc khác, nhưng không được. Cuộc họp đảng ủy sáng nay về bức điện khẩn cứ như đính chặt trong đầu ông, không cách gì dứt bỏ ra được, dù chỉ một chốc. Ông xoay xoay trên ghế, trằn lui trằn tới, trở qua trở về, nhưng vẫn không có vị trí nào thoải mái. Cuối cùng, ông phải đứng dậy. Điếu thuốc mới hút

được một nửa, ông vứt đi, rút thêm một điếu khác châm lửa hút. Lòng ông bứt rứt, bồn chồn như có con gì bò lui bò tới trong bụng.

Một hồi lâu, ông lên tiếng gọi:

– Thuấn đâu?

Một anh công an chạy vào:

– Dạ thưa thủ trưởng, có em ạ.

– Sáng nay, tổ chức thăm nuôi chu đáo chứ?

– Dạ, báo cáo thủ trưởng, chu đáo lắm.

– Bao nhiêu phạm nhân được thăm nuôi?

– Dạ, báo cáo, mười một.

– Thường phạm cả?

– Dạ chín thường phạm, hai cải tạo.

– Có ai ở biệt giam không?

– Dạ có, một, tên Hoàng Đình Cung.

Ông Phạm giật thót người:

– Cung tử hình hả? Ai thăm vậy?

– Mẹ và đứa em gái.

– Có khóc lóc, van vỉ gì không?

– Dạ không.

– Gửi đồ ăn gì?

– Dạ, một bịch cơm, thịt kho, hai gói thuốc, và một bình thuốc bổ.

– Khám kỹ chưa?

– Báo cáo, rồi ạ.

– Đem đồ ăn vào cho hắn, còn lại để gửi đó. À, đưa tôi gói thuốc.

Ông Phạm đưa tay lấy gói thuốc Jet bỏ túi, rồi đi vào bên trong. Qua khỏi hai lần cửa có lính canh, mới đến sân. Sân lát xi măng, khá rộng. Đứng ở đây nhìn lên ta thấy được một khoảng trời rộng mở. Còn chung quanh là những bức tường đá kiên cố, trên tường đầy lởm chởm những đinh, mảnh vỡ thủy tinh, thép gai, cọc sắt nhọn. Không gian như chặt lại, đông cứng với những chấn song im lặng nặng nề. Một vài tù nhân đang quét sân; ở một góc nhà bếp, hai người ngồi lột vỏ sắn. Một người công an ôm súng đi quanh. Trên đầu tường ở góc sân, một người công an khác ôm súng chĩa ra phía ngoài. Mấy cành phượng với một vài chùm

bông đỏ ối rũ xuống, thỉnh thoảng gió đẩy vướng vào các khoanh thép gai.

– Chào cán bộ!

– Chào cán bộ!

Ông Phạm gật đầu đáp lại lời chào của hai tù nhân. Ông đi thẳng đến một tù nhân đang quét:

– Anh Huy, khỏe chứ?

– Dạ thưa cán bộ, khỏe.

– Năm nay tôi có đề nghị giảm án cho auh.

Tù nhân hỏi:

– Hy vọng giảm được bao nhiêu cán bộ?

– Thì một, vài năm.

Tù nhân cười:

– Tôi từng này tuổi thì giảm vài năm e cũng đâu có sống đến đó. Chung thân cũng là chung thân.

– Năm nay anh bảy mốt hay bảy hai?

– Dạ, bảy hai.

– Rán cải tạo tốt đi rồi để nghị giảm dần, hy vọng cũng có ngày về sống với vợ con.

– Cám ơn cán bộ.

Ông Phạm lại rảo bước quanh sân, đi ngang hội trường, nhà bếp. Lặng lẽ. Thỉnh thoảng có tiếng chim hót đâu đó trên bờ tường hay tiếng một chiếc xe gắn máy chạy ngang qua xa xa phía ngoài đường cái. Tự dưng, ông nhớ đến những ngày tháng xa xưa, hồi ông bị giam cũng tại nhà lao này ba mươi mấy năm về trước. Kể ra thì bây giờ cũng chẳng khác lắm với hồi đó. Chỉ có cái sân được lát gạch đàng hoàng hơn và khu hội trường lớn hơn. Nghe nói nhà lao được tu sửa lại thời Ngô Đình Diệm. Ông chợt bật cười khi nghĩ rằng mình đã từng là tù nhân và bây giờ lại coi tù. Ông được phân công về coi các trại tù lâu lắm rồi, có cả vài chục năm, nhưng chỉ khi về đây, ông mới chợt nhớ đến những tháng ngày tù tội cũ. Cũng dễ hiểu thôi, vì ông bị bắt đâu chỉ có gần hai tháng vì bị tình nghi tiếp tế cho Việt Minh, sau được một người bà con làm mật thám bảo lãnh cho ra sớm. Thực ra, ông cũng chẳng ưa gì cái nghề này, ông định xin đổi đi một ngành khác nhiều lần, nhưng nghĩ lại ở đâu

quen đó, nên thôi. Vả lại, làm cái chức trưởng lao cũng nhàn hạ, nhất là những nhà lao kiên cố như thế này. Có điều, lần này chính cái chức trưởng lao lại làm ông bối rối.

Trở lại vào hành lang, ông Phạm gọi:

– Bảo đâu?

Một anh cộng an từ phòng trong chạy ra, khẩu súng ngắn bên hông lủng lẳng:

– Báo cáo thủ trưởng, em đây.

– Cho tôi vào khu biệt giam.

Anh công an tuân lệnh, đi trước, tay đút túi quần, lấy ra chùm chìa khóa, lần lượt mở hết lớp cửa này đến lớp cửa khác. Ông Phạm đi sau, đưa mắt quan sát các phòng. Phòng y tế, phòng mộc, khu tù hình sự, khu tù có án, khu tù cải tạo. Càng đi sâu vào, không khí càng lạnh lùng, vắng lặng. Qua khỏi phòng kỷ luật là đến khu biệt giam. Đây là khu dành để nhốt những tù nhân nguy hiểm và những tù nhân có án tử hình đang đợi lệnh ân xá hay đang chờ ra pháp trường. Khu chia ra nhiều phòng. Nói phòng, chứ thực ra là những cái hộp đá kiên cố, phẳng phiu, một nửa chiều cao nằm sâu dưới đất. Bên trên có một cái ô nhỏ có chấn song để đưa đồ ăn vào. Ở đây hầu như không có ánh sáng. Một bóng điện với thứ ánh sáng mờ đục treo ở cuối hành lang chỉ đủ để soi lối đi. Tới trước một cái "hộp", ông Phạm dừng lại:

– Mở khóa, đưa cái đèn pin cho tao.

Anh công an mở khóa, ông đẩy cánh cửa sắt nặng nề. Ông đưa tay bịt mũi để tránh hít phải cái mùi hôi đặc biệt từ trong "hộp" tỏa ra. Trong ánh sáng nhờ nhờ, ông nhìn thấy một tù nhân ngồi dựa vào tường, bất động. Ông bấm đèn pin rọi khắp trên dưới, rồi chiếu vào tù nhân. Tù nhân cựa mình, ngẩng đầu nhìu lên, rồi như bị chói mắt, anh ta cúi xuống dụi đầu vào vai. Ông Phạm dọi đèn đi chỗ khác. Tù nhân ngước mắt, giọng yếu ớt:

– Chào... cán... bộ.

Ông hỏi lớn:

– Tao đây, Cung, à... chú đây.

Đôi mắt tù nhân như sáng lên:

– Trời, chú...

– Ừ, trong người có khỏe không?

– Dạ, cũng vậy. Chú ơi, đã có lệnh giảm án chưa chú?

Ông nhanh nhảu:

– Chưa, nhưng cũng sắp.

– Có... có... hy vọng nhiều không chú?

– Sao lại không hy vọng. Tội như trời mà chủ tịch nước còn giảm án, huống hồ trường hợp mày, à... trường hợp cháu. À, này Bảo, mở cái cùm tay phải cho hắn đi.

Anh công an tra chìa khóa mở cái cùm sắt tay phải, rồi lùi ra, tay để lên khẩu súng.

– Mở cùm chân một tí đi.

Anh công an lại đến mở cùm chân, rồi lùi ra, rút súng hẳn ra khỏi bao, cầm tay để phòng bất trắc. Cung co duỗi chân thoải mái. Ông Phạm rút gói thuốc Jet, lấy một điếu châm lửa.

– Hút đi cháu.

Cung đặt điếu thuốc trên môi, hít một hơi dài, sảng khoái.

– Trời, đã quá chú ơi!

– Mạ cháu với con Liên có tới thăm nuôi sáng nay. Chốc nữa, tụi hắn đem đồ ăn vào. Chiều nay, hớt tóc, đi tắm. Không có gì phải lo lắng. Năm nay, án tử hình khá nhiều, nên chủ tịch nước xét dần. Cháu còn đến hai tháng nữa mới hết hạn. Tao nghĩ là lệnh giảm án cháu sẽ ký trước lễ quốc khánh.

Cung hút hết điếu thuốc, xin thêm một điếu nữa.

– Còn mấy đứa khác? Con Bé em đã đi học chưa?

– Thường cả. Bé eEm đi mẫu giáo. Mà thôi, cháu lo gì chuyện bên ngoài. Rán giữ gìn sức khỏe, cải tạo tốt để được giảm án lần lần.

Cung cười đau đớn:

– Cháu bị cùm đêm, cùm ngày thế này thì giữ gìn sức khỏe với cải tạo tốt thế nào được chú.

Ông Phạm cười:

– Thì tao nói tương lai cà. Bây giờ theo chính sách, cháu phải tạm chịu như thế này cho đến khi có lệnh giảm án xuống chung thân. Lúc đó, cháu cũng được chuyển về các phòng khác hoặc ra lao động bên ngoài.

Giọng Cung chán nản:

– Cứ thế này, cháu muốn họ đem cháu ra bắn quách cho được việc.

– Nói tầm bậy, tầm bạ không hà.

Ông Phạm đứng dậy, đưa tay vuốt tóc đứa cháu, dịu dàng:

– Thôi, chú ra. Đừng lo gì hết.

Cung nhìn lên:

– Chú... đi rồi sao?

– Ừ, chú phải đi họp giờ.

– Giờ là sáng hay tối vậy chú?

– Trưa.

Ông định bước ra thì Cung gọi:

– Chú ơi.

Ông quay lại. Cung nói:

– Có cách gì chú cho cháu gặp ba mạ cháu một lần nữa được không? Cháu lạy chú, giúp cháu với.

– Thì mai mốt được giảm án, rồi muốn gặp mấy chẳng được.

– Tự nhiên... cháu có linh tính... cháu cảm thấy như chẳng bao giờ gặp lại ba mạ cháu nữa.

Ông Phạm nạt yêu:

– Cứ nói tầm bậy không hà.

Giọng Cung tha thiết:

– Thiệt chú à, chú giúp cháu đi.

– Thôi được, để chú hỏi lại trên ty xem sao.

Cung im lặng, buồn bã đưa tay, chân cho anh công an cùm lại. Ông Phạm bước ra ngoài, không quay nhìn lui. Ông đi một mạch thẳng ra văn phòng như muốn thoát cho mau khỏi cái nặng nề, u ám của khu biệt giam. Đúng hơn, ông muốn trốn khỏi đứa cháu. Đã hơn một năm nay, ông mất ăn mất ngủ vì nó. Trong suốt cuộc đời phục vụ của ông trong ngành công an, chưa bao giờ ông phải đối phó với một hoàn cảnh éo le như thế này. Cung gọi ông bằng chú ruột, bị kết án tử hình vì tội cướp giựt và bắn trả lại công an khi bị truy đuổi. Khi Cung mới bị bắt, ông cho rằng cùng lắm hắn chỉ bị kết án mươi, mười lăm năm tù. Cho nên, mặc cho anh ruột ông lui tới năn nỉ, ỉ ôi, bà con dòng họ dùng tình cảm làm áp lực, ông vẫn làm ngơ vì sợ ảnh hưởng đến sự nghiệp. Ngày tòa

xử, ông xin đi Hà Nội công tác để tránh mặt. Chẳng ngờ, do tình hình trật tự trị an tại địa phương thời gian gần đây xấu đi do quá nhiều vụ việc phản động, cướp giựt, mên tỉnh ủy chỉ thị cho tòa án kết án tử hình một vài người để làm gương và trấn áp, trong đó có Cung. Bản án bất ngờ làm ông choáng váng. Thế rồi, do bà con đến làm dữ, ông miễn cưỡng chạy quanh thăm dò. Đảng ủy cơ quan động viên ông không nên hốt hoảng, giải thích rằng đây là một bản án "làm gương" thôi, sau này, chủ tịch nước và quốc hội sẽ giảm án. Có người bấn tiếng là muốn mọi chuyện êm xuôi tại địa phương thì "lo" bốn cây vàng. Ông làm lơ, vì chuyện chạy chọt, đút lót ông không rành, hơn nữa, ông sợ ảnh hưởng. Vả lại, số tiền quá lớn, anh chị ông không cách gì lo nổi. Bán hết cả nhà đất, tài sản cũng chưa được một cây. Bởi vậy, ông động viên anh chị ông và bà con yên tâm chờ đợi lệnh giảm án của trung ương. Thế nhưng, sáng nay, đảng ủy triệu ông về họp, cho hay đơn xin ân xá của Hoàng Đình Cung, cháu ông, đã bị trung ương bác và tội nhân phải ra pháp trường ngay sáng sớm ngày mai!

Đến phòng làm việc, ông đóng cửa lại, ngồi thừ người ra. Ông cố xua đuổi hình ảnh thê thảm của đứa cháu trong phòng biệt giam ra khỏi đầu óc. Nhưng hình như càng xua đuổi, khuôn mặt nhợt nhạt của nó như hiện rõ mồm một trước mắt ông. Ông không thương nó lắm, mà cũng chẳng giận nó nhiều. "Hắn làm hắn chịu", ông nghĩ. Sự nghiệp ông cũng chẳng ảnh hưởng nhiều lắm vì tội lỗi của nó. Nhưng điều phiền hà, là ăn làm sao nói làm sao với anh ông, với bà con tông tộc đây. Một người làm quan, cả họ được nhờ. Huống chi, ông lại là một thiếu tá công an. Ở một thời buổi mà việc gì cũng phải có chữ ký của công an, làm sao bà con họ hàng ông không tới nhờ vả, kêu réo.

*

Nhưng rồi, ông Phạm cũng bình tĩnh trở lại. Chức năng nghề nghiệp không cho phép ông bối rối. Không thể để cho thứ tình cảm tiểu tư sản đó ảnh hưởng vào công việc. Trong cái nghề của ông, luôn luôn giữ một trái tim lạnh lùng là yếu tố hàng đầu. Kinh nghiệm của mấy chục năm làm công an cho thấy, mọi sơ hở thường bắt nguồn tự sự thương xót, cảm thông không đúng chỗ. Ông còn nhớ như in cái lần ông thi hành công tác đầu tiên, hai ngày sau khi ông được tuyển vào ban ám sát bí mật của công an xã. Hồi đó, các anh trên giao cho ông đi ám sát một người đàn bà tình nghi làm tế điệp cho Pháp. Dù chị này là bà cô trong

họ của ông, nhưng ông vẫn hăng hái nhận lời, vì cách mạng đã dạy lợi ích của cách mạng là trên hết. Nhưng khi tiếp cận được với đối tượng, tự dưng ông thấy tội nghiệp và chợt nghĩ đến tình máu mủ. Vì thế, ông có phần lơi tay khi phang chiếc rựa ngang đầu người đàn bà, khiến chị ta còn kịp la một tiếng. Chiếc đầu cũng chưa đứt hẳn. Ông hốt hoảng chạy trối chết. Về sau, trong những lần công tác khác, khi thì bắn, khi thì đâm, khi thì đập cuốc trên đầu..., ông chuẩn bị tinh thần bình tĩnh, và gạt bỏ mọi tình cảm cá nhân ra ngoài. Có lệnh là làm, lạnh lùng, không thương không xót, không thắc mắc, không do dự, trù trừ. Cái chết của bản thân phải xem thường. Cái chết của người khác còn phải xem thường hơn. Nhất là sau này, khi được biên chế về quản lý tù nhân, có vô số trường hợp gợi cho ông biết bao vấn đề về tình cảm. Vì quản lý cho tốt những kẻ bị bắt, ông phải biết thật rõ hoàn cảnh, tâm tình của từng cá nhân và phản ứng quen thuộc của mỗi người. Đặc biệt là đối với những kẻ bị án tử hình. Hồi còn ở trong rừng thì đơn giản, vì tội nhân chẳng phải bị tuyên án. Thấy cần, thì dẫn ra một nơi vắng vẻ nào đó bắn bỏ, không báo trước. Còn khi về thành rồi, phần nào cũng phải có luật, có lệ, nên tù nhân biết được bản án dành cho mình. Thường thường thì khi bị kết án tử hình, tù nhân trở nên một người khác. Tâm lý hoàn toàn không ổn định. Biện pháp duy nhất là hứa hẹn, hứa hẹn cho đến phút cuối cùng, trước khi dẫn ra pháp trường.

Điều đó, ông Phạm cũng áp dụng đối với cháu ông. Bao lâu nay. Và chiều nay. Một buổi chiều nữa thôi. Đứa cháu ấy, ông đã từng ẵm bồng hồi còn nhỏ. Dù gì đi nữa, nó cũng là cháu ông. Và dù gì đi nữa, ông cũng không thể làm gì được khác hơn. Ông mở tủ, lấy hồ sơ Hoàng Đình Cung và cẩn thận kẹp thêm cái lệnh khẩn vào, rồi cất kỹ. Ông gọi nhân viên, phân phối công việc như thường lệ. Đồng thời kín đáo chuẩn bị mọi việc cho buổi hành hình sáng mai. Vì lẽ, việc hành hình là tối mật, phải được giữ kín cho đến giờ phút cuối. Ông gọi điện xuống ty, xem thử có gì thay đổi nữa không. Và trước khi ra về, ông lặng lẽ vào phòng biệt giam, rọi đèn nhìn cháu ông một lần nữa.

Ông bước lên xe về nhà, dặn với với anh bảo vệ:

– Nhớ nhắc đồng chí phó chủ nhiệm là có gì, điện cho tôi ngay. Tối này tôi ở nhà một bữa. Sáng mai tôi đến sớm.

Vừa bước vào nhà, ông Phạm giựt mình vì thấy người anh và người chị dâu đang ngồi đợi.

– Chào anh chị.

– Chú đi làm về.

Ông ngồi xuống cạnh giường, vào đề ngay:

– Có chuyện gì không anh chị?

Bà chị dâu lên tiếng:

– Thì chú thay áo quần đi đã, làm gì mà vội thế.

Ông nói dối:

– Thú thật, em kiếm vài ba miếng gì rồi tranh thủ đi công tác ngay.

Người anh hỏi:

– Thế nào chú? Đã có tin chi về lệnh giảm án cho cháu chưa?

– Chưa, anh à.

– Có hy vọng gì không chú? Chú có cách gì vận động giùm cho cháu. Anh chị chỉ có một mình nó là con trai. Không lẽ như chú mà...

– Thì em đã thưa với anh chị rồi, trước sau gì cũng có lệnh giảm án thôi. Anh chị cứ lo vớ vẩn.

Không để ý gì đến lời trấn an đó, người anh vẫn than van:

– Tức thiệt là tức! Có giết người gì cho cam. Đằng này chỉ có cầm súng bắn bừa. Một vết xước cũng không có. Thế mà chết mới oan. Sao mà dễ tử hình thế.

Ông Phạm im lặng. Những lời than van như vậy, ông nghe tràn tai. Ông đã giải thích nhiều lần, hứa hẹn nhiều lần rồi, nhưng anh chị ông dâu có chịu nghe. Anh chị ông vẫn cho rằng, mọi chuyện xảy ra là vì ông không thương đứa cháu. Nhiều lúc, quá bực mình ông định nói thẳng với người anh là một con người như thằng Cung là không đáng sống vì chẳng có ích gì cho xã hội hết. Hắn đã bị bắt vào tù từ hồi còn chế độ cũ, đến khi cách mạng lên, lại bị bắt thêm vài lần nữa, nhưng chứng nào vẫn tật đó, không hề thay đổi. Đó là một loại người "không thể cải tạo" được, theo ông. Nhưng ông không dám nói. Ông sợ há miệng mắc quai. Lâu nay, bà con dòng họ ông vẫn bêu riếu ông là đi theo cách mạng bao nhiêu năm chẳng lo gì đến mồ mả tổ tiên, giỗ chạp, cúng kỵ. Lúc đầu ông phản ứng giận dữ. Nhưng rồi, thấy bà con dần dần im lặng xa lánh ông, ông mới chợt nhận ra rằng mình sẽ bị cô lập hoàn toàn, nếu cứ tiếp tục thái độ cứng rắn như vậy. Ông bị khuất phục, vì càng

lớn tuổi, người ta càng cảm thấy mình cần đến bà con tông tộc, đến mồ mả, giỗ chạp, làng nước.

Người chị dâu thổn thức:

– Chú nỡ lòng nào nhìn đứa cháu chết thảm. Chú có còn nhớ, chú đã từng bồng ẵm hắn trên tay. Hồi chú bị vây bắt, tui cũng đã từng bồng cháu lên thăm chú, chú nhớ không? Vợ chồng tui có đòi hỏi gì chú nhiều đâu. Tội của nó đâu có đến nỗi phải tử hình. Tui không hiểu cái tội gì gọi là tội "không thể cải tạo" được. Cách mạng nói "vắt đất ra nước, thay trời làm mưa", mà cái thằng Cung tui, cách mạng lại thua đến nỗi chỉ có cách là giết nó đi. Sao lạ lùng thế!

Ông Phạm vẫn im lặng. Ông lặng lẽ châm hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, chịu trận ngồi nghe. Than van một hồi, cuối cùng, người chị dâu lấy khăn chặm nước mắt, nói:

– Sáng nay tui có vô thăm nuôi. Chú có ghé thăm hắn không?

– Có, em mới ghé chiều nay. Cháu vẫn khỏe.

– Cháu có ốm lắm không?

– Thường thường vậy thôi. Em vẫn dặn tụi nó lo cho cháu đầy đủ.

Người anh nói:

– Đầy đủ thì cũng cơm tù.

Người chị dâu cười:

– Không cơm tù thì ông nói ăn cơm gì bây giờ. Nói cho vui, chứ có chú lo vẫn đỡ hơn.

Nhích lại gần ông Phạm, người chị dâu hạ giọng:

– Vợ chồng tui định nhờ chú một việc. Việc này theo tui, nếu chú thực tình thương cháu, thương vợ chồng tui thì không có gì khó. Liệu chú có giúp không?

– Việc gì anh chị cứ nói.

Người chị dâu đưa mắt nhìn người chồng. Ngần ngừ một lát, người anh nói:

– Không giấu gì chú, mấy tháng trước đây, thằng Cung có nhắn về với vợ chồng tôi là tìm cách gửi cho nó một sợi dây đàn hoặc ít viên thuốc độc. Vợ chồng tôi cho là nó quẫn trí nghĩ bậy. Nhưng gần đây, nó lại nhắn là nếu thương nó thì tìm mọi cách gửi vô. Vợ chồng tôi cắn đắn nhau mãi về chuyện này, vì dù sao vẫn còn hy vọng là cháu sẽ được

giảm án thành chung thân. Hơn nữa, ai lại gửi thuốc độc vô cho con bao giờ. Nhưng nghiệm đi nghiệm lại, thấy cháu cũng có lý. Vì tôi chẳng thấy mấy ai bị tử hình mà được giảm án bao giờ. Nên, thà để cho cháu tự xử lấy còn đỡ khổ hơn là đợi người ta đem đi bắn. Thế là mấy lần thăm nuôi rồi, tôi tìm cách giấu đút gửi vô, nhưng mấy người bảo vệ lục dữ quá, nên đành chịu...

Ông Phạm giựt nẩy mình trước những điều hoàn toàn lạ ông mới nghe lần đầu, nhưng vội vàng trấn tĩnh. Người anh nhìn thẳng mắt ông, nói tiếp:

– Tôi biết trách nhiệm chú lớn, chú không muốn có việc gì ảnh hưởng đến sự nghiệp của chú. Nhưng theo tôi, nếu chú thương cháu, chú vẫn tìm cách này hay cách khác gửi giúp vào. Giả dụ như ngày thăm nuôi, chú nói mấy đứa bảo vệ dễ dãi, rồi chú lánh mặt đi, giả đò đi công tác chẳng hạn...

Ông Phạm ngắt ngang:

– Sao anh chị lại nghĩ quẩn theo nó vậy. Nó còn đến hai tháng nữa mới hết hạn lệnh giảm án. Mà em chắc chắn là nó sẽ được giảm án.

– Nhà nước cách mạng làm nhiều cái bất ngờ lắm, không ai hiểu nổi đâu. Nói có mà không, rồi nói không mà có. Chắc chú hiểu quá rõ, vì chú từ trong lò cách mạng ra. Tôi chỉ mong chú thương cháu, thương vợ chồng tôi.

Ông Phạm cười:

– Ai lại thương con, thương cháu mà đưa thuốc độc để nó tự tử bao giờ.

Ngừng một lát, ông tiếp:

– Còn nói chuyện đưa thuốc vào. Cái này, đối với em không có gì khó. Có điều, em giả sử, sau khi thằng Cung tự tử và chết đi, pháp y lêu khám nghiệm, họ sẽ tìm ngay ra nguyên nhân. Lúc đó thì, em là người đầu tiên lãnh dủ. Và kế đó là anh chị. Luật pháp không dung thứ chuyện để cho một người bị tử hình lại chết trước khi ra pháp trưởug. Chưa chừng, người tiếp tay sẽ lãnh án thế tử tội nữa đó. Em nói đây chẳng phải chỉ riêng cho luật pháp cách mạng mà thôi đâu. Luật pháp nước nào cũng vậy hết. Anh chị cứ suy nghĩ kỹ mà xem.

Người anh định nói thêm, nhưng cảm thấy sao đó, lại im lặng, ngồi nhìn xuống đất. Người chị dâu tức tưởi:

– Cái gì nói với chú cũng đâm ra thành khó khăn. Khổ ơi là khổ, muốn con sống không được, giờ muốn con chết cũng không xong.

Nhìn sang chồng, bà đay nghiến:

– Tui đã nói rồi, mắc mớ chi mà phải nói với chú. Đã không giúp, lại còn dọa nữa. Chú ấy là công an, chú ấy chỉ biết có đảng, làm gì biết đến bà con, dòng họ.

Ông Phạm cố trấn tĩnh, ôn tồn nói:

– Chị đừng nói vậy. Cái gì em làm được là em làm liền. Anh chị đừng đẩy em vào chỗ khó xử.

Người chị dâu đứng dậy:

– Tụi tui làm gì mà dám "đẩy" chú. Tụi tui đến xin, đến năn nỉ chú, chứ có dám làm gì đâu.

– Chị đừng chua chát với em mà tội. Anh chị cứ yên tâm, em chắc là chỉ trong tháng này là có lệnh giảm án cho cháu thôi. Anh chị biết là sắp đến lễ quốc khánh rồi mà. Khi án giảm thành chung thân, em sẽ tìm cách gỡ dần cho nó.

Người anh cũng đứng dậy, thở dài:

– Lúc nào cũng nghe chú nói sẽ, sẽ, sẽ... thà chú nói thẳng chú không giúp, chú không làm, chú sợ mất chức. Từ ngày cách mạng về, tôi cứ nghe mãi chú sẽ, sẽ, sẽ... Thôi, tụi tôi về.

Hai vợ chồng đi ra. Ông Phạm im lặng tiễn anh chị ông ra cửa. Ông nói:

– Anh chị không hiểu nỗi khổ tâm của em, anh chị nói thế. Mà thôi, phận làm em, anh chị nói sao, em chịu vậy.

Ngừng một lát, ông nhắc lại một câu động viên thường lệ:

– Anh chị cứ yên tâm. Cháu sẽ có lệnh giảm án nay mai thôi.

Hai vợ chồng người anh ra rồi, ông vào nhà rửa ráy mặt mày sơ sài, gọi điện bảo tài xế chở ông trở lại nhà lao. Ông giở sổ thăm nuôi ra, rà soát lại mấy chục lần thăm nuôi trước của gia đình cháu ông, các loại thức ăn, thuốc men, áo quần mang vào mang ra, tên các nhân viên dưới quyền ông phụ trách kiểm tra thăm nuôi... Ông viết lệnh triệu tập buổi họp khẩn cấp toàn thể cán bộ phục vụ tại nhà lao vào chiều mai. Lời tiết lộ của vợ chồng người anh khiến ông toát mồ hôi hột. Ông muốn

tìm xem ông đã sơ suất trong khâu nào khiến cho cháu ông có thể thông tin ra ngoài được với anh chị ông.

Ông ra lệnh bố trí an ninh đêm nay chặt chẽ, cử một người trực gác thường xuyên trước phòng cháu ông, giữ lại toàn bộ đồ thăm nuôi buổi sáng. Xong đâu vào đó, ông vào phòng, đóng cửa lại, rút điếu Jet châm hút, lẩm bẩm:

– Tổ mẹ, ưng ngủ một đêm ở nhà cũng không được.

*

Dù chẳng có gì phải lo lắng, nhưng ông Phạm cũng ngủ không yên giấc. Ông trằn trọc mãi. Đến khi chợp mắt được một lúc, ông lại mơ thấy mình về làng ăn giỗ. Có lúc ông mơ thấy ông bồng Cung, dẫn Cung đi chơi.

Ba giờ sáng, ông thức dậy, chế trà uống. Ông xuống phòng biệt giam, vừa kiểm tra, vừa thăm lại đứa cháu lần cuối. Cung còn ngủ, đầu ngả sang một bên. Ông cảm thấy loáng thoáng trong lòng đôi chút xót xa khi nghĩ rằng chỉ còn vài tiếng nữa là đứa cháu ông không còn trên cõi đời này nữa.

Bốn giờ sáng, xe ở ty lên. Nhận lệnh, ký xong, cắt đặt mọi việc cho đồng chí trợ lý và các cán bộ phụ trách, ông trở vào phòng, đóng cửa lại, châm thuốc hút, đi lui đi tới, nghe ngóng. Một lát, từ trong phòng biệt giam vang lên tiếng bước chân rầm rập, tiếng lách cách của ổ khóa, tiếng lên đạn. Rồi sau đó là tiếng gào mỗi lúc mỗi lớn của Cung:

– Chú ơi là chú, họ đem cháu đi bắn rồi chú ơi. Chú ơi, cứu cháu với. Chú hứa với cháu là sắp có lệnh ân xá, sao giờ họ dẫn cháu đi bắn, chú ơi. Ba ơi, mạ ơi, con sắp chết rồi. Chú ơi là chú ơi, Liên ơi, trời đất ơi, cách mạng ơi.

Tiếng gào yếu dần đi, vì vừa như có bàn tay ai bịt miệng lại, vừa như không còn hơi sức. Khi dẫn đi ngang phòng ông, ông chỉ nghe tiếng ú ớ, tiếng rên rỉ nho nhỏ, rồi lịm dần đi. Ông bịt tai lại, cắn môi. Tự dưng, ông rơm rớm nước mắt. Kể ra thì ông đã quá quen thuộc với cái cảnh này, với tiếng gào của người tử tội. Thông thường thì tội nhân chỉ đủ sức gào lên một câu ngắn rồi ngất đi khi nhận rõ rằng mình sắp chết. Thằng cháu ông lại gào được lâu hơn, khiến ông thấy lòng xốn xang.

– Cái thằng cũng mạnh thiệt! -ông lẩm bẩm.

Đợi chiếc xe chở tử tội và những người áp tải đi, ông mới lên xe.

Khác với những lần trước, lần này ông cố tình đi chậm lại. Ông chỉ đến để chứng kiến, còn mọi thủ tục khác ông đã giao cho người phụ tá của ông lo.

Pháp trường là một triền núi vắng vẻ, ở khá xa thành phố. Nói là pháp trường, chứ thực ra chỉ là một bãi đất trống, với một cái cọc để trói tử tội, và một cái hố vừa đào chiều hôm trước. Chỗ bắn thay đổi luôn, mỗi nơi thường chỉ dùng cho một vụ xử. Trừ những vụ phạm tội lớn, đặc biệt là những vụ án phản động hoặc cướp của giết người làm chấn động dư luận, thì pháp trường mới được bố trí ở thành phố, thị trấn để cho nhân dân tự do tới xem; còn thì đều tổ chức bí mật, đơn giản và nhanh chóng.

Đến nơi, ông Phạm xuống xe, đứng chung với đội hành quyết. Trời chưa sáng. Cây cỏ như còn ngái ngủ. Sương sớm lờ mờ. Lặng lẽ. Ngoài bãi bắn, cháu ông đã xuống xe, được mở trói và có lẽ đang được phép viết ít dòng từ giã cha mẹ, anh em. Bên cạnh đó là người trợ lý của ông, đội trưởng đội hành quyết, đại diện tòa án và hai người công an bảo vệ.

Ông hỏi một người trẻ nhất trong đội hành quyết:

– Chú thi hành công tác này lần đầu?

– Báo cáo thủ trưởng, đúng ạ.

– Cảm giác thế nào?

– Dạ, thấy rờn rợn.

Ông cười:

– À, thì lúc đầu ai chẳng vậy. Sau này, mấy chú còn sướng hơn tao hồi trước. Bắn, đỡ run tay. Để tiết kiệm đạn cũng như để giữ bí mật, bọn tao chỉ có chặt, đâm, hay đập bể sọ. Lúc đầu, ngán ngán, rồi lâu dần cũng quen. Mình cứ tưởng tượng như đập một con gà, con chó gì đó thôi. Người có tội thì chết cũng như con vật, có gì mà phải băn khoăn. À, mà chú thấy tội nhân vùng vẫy, la hét gì trên xe không? Có ăn hết phần ăn không?

Một người khác trong đội hành quyết trả lời:

– Thằng này cũng lì. Lúc từ nhà lao ra, hắn còn la. Chặp sau, hắn ngồi dậy, ăn uống tỉnh bơ, còn nói đùa nữa chứ. Em nhìn thấy hắn tỉnh quá, mà rờn rợn. Thủ trưởng biết không, hắn còn hỏi em "Anh thích bắn chỗ nào, đầu hay tim". Ờ, mà lạ, sao hắn lại tỉnh queo thế, thủ trưởng?

Ông Phạm gật đầu:

– Đúng là lạ thật! Đứa nào khi mới nghe dẫn đi bắn, cũng gào lên. Nhưng khi biết chắc không thể thoát chết được, đứa nào cũng bình tĩnh. Đại đa số lại còn không chịu cho bịt mắt nữa. Tao nghĩ chắc cái chết cũng nhẹ nhàng thôi, phải không mấy chú?

Ông cố gượng vui, chứ thực tình, lòng ông cũng có phần xao xuyến. Ông định ở đây luôn cho đến khi vụ xử bắn kết thúc, nhưng một anh bảo vệ chạy vội ra:

– Báo cáo thủ trưởng, tội nhân xin được gặp chú.

Ông miễn cưỡng bước đi. Trời mờ mờ sáng. Cung đã được trói chặt vào cột, đầu gối quỳ xuống đất, hai tay quặt ngược ra phía sau. Mặt mày tái nhợt, nhưng trông Cung rất bình tĩnh. Thấy ông, Cung nhếch mép:

– Vĩnh biệt chú. Cháu không có gì trách chú hết. Cho cháu điếu thuốc.

Ông Phạm lấy điếu Jet, mồi lửa, nhét vào môi đứa cháu. Đôi môi run rẩy, lập bập ngậm điếu thuốc. Cung hít một hơi dài, nhắm mắt lại. Điếu thuốc động đậy, rớt xuống đất. Ông lấy một điếu khác, châm, rồi gắn vào môi Cung.

– Thuốc của mạ cháu bởi vào hôm qua đó, -ông nói, mất tránh đi chỗ khác.

Cung cố hít lấy hít để khói thuốc trước khi điếu thuốc lại rớt xuống đất. Anh ta ngẩng đầu nhìn người chú, giọng có hơi lạc đi:

– Nói họ đừng bịt mắt cháu nữa. Cháu không sợ.

Ông Phạm gật đầu, nhưng không làm gì cả. Ông bước vội lui, đi thẳng, không ngoái đầu lại. Ông nhìn mông lung về phía chân trời đang hửng sáng. Một lát sau, đợi cho phát súng ân huệ cuối cùng vang lên, ông mới quay lui. Từ xa, ông nhìn thấy đầu đứa cháu ngoẹo sang một bên. Ông cúi đầu, cắn môi, vội vã bước ra xe, bảo tài xế lái về nhà.

– Về thắp cho hắn mấy nén nhang, -ông Phạm lẩm bẩm.

Trời đã sáng hẳn.

Trần Doãn Nho
Worcester đầu tháng 4-1994

ĐẶNG HIỀN

mưa chiều tháng sáu

Khi tình tôi
Không còn màu xanh
Mùi hương nào mê đắm
Cơn mưa chiều tháng Sáy
Bất chợt...
Theo mắt buồn long lanh
Em mời tôi về thăm bên ấy
Tôi hứa nhận lời như tôi hai mươi

Chiều lộng gió
Chiều buồn tôi buồn
Về thương hoa quỳnh nở muộn
Cánh tay dài
Bờ vai nhẹ
Mắt em nhìn chao cuốn hồn tôi

Tôi chắc mình đau tim
Khi tôi về tôi nhớ
Đôi mắt buồn cận thị
Và muốn sang thăm em
Dù tình tôi
Không còn màu xanh
Dù xa dịu vợi
6-94

tiễn đưa

khi em về chừng như đông sang
Cuối tháng Năm một mình thật lạnh
Ngồi nghe biển hát
Chiều qua nhanh

Đừng cám ơn tôi
Tôi trả ơn người
Nụ cười thôi cũng đủ
Mai em về
Ta không đưa nhau

Theo mắt nhìn dịu vợi
Hàng thông xanh rì rào
Bàn chân ai qua

Làm người ở lại
Lần nào cũng buồn
Chậu quỳnh hương cuối vườn
Không còn hoa
6-94
Đặng Hiền

NGUYỄN CHÍ KHAM

chiến tranh

ngày mai tôi sẽ quên đi một người bạn
như có một lần
em đã khóc
hạnh phúc rất ngắn ngủi
nghe trong giấc mơ những tiếng gọi thì thầm
Khuôn mặt ai giữa màu khói thuốc
em của tôi
sau đó lại ra về
như một lần bước chân mới đến
Khi tiễn đưa
đôi mắt tôi khô lạnh
chiếc lá vàng của mùa thu
em nhớ lại quãng đời tôi bằng linh hồn của một con sông
cánh áo xa mùa gió
úp hơi thở đầy trên vai
vang âm những tiếng dương cầm trở về nhắc lại thời gian
ngày lệch nghiêng giữa phố dài ngơ ngác
Không có ai trong ảo ảnh
những người sắp ra đi muốn kể lại một lần
trí nhớ tưởng chừng đã khuất

nụ cười đỏ úa
đôi mắt ấy rất xanh
đem hết buổi chiều đi qua
đừng thương tiếc chim chóc
chúng ta gặp nhau ngoài biển
quê ngoại của em
mà lòng anh cảm thấy hoang sơ
khao khát cơn mưa vùng cát trắng
đầy xuống hai vai em
anh chưa bao giờ được sống trong quên lãng
với thiếu nữ tuổi hai mươi
kẻ vắng mặt
nay mỗi ngày lênh đênh trôi xa
thành phố chiến tranh
những kỷ niệm sống sót
trở về mái nhà xưa
không thấy một dòng chữ màu đen
trang giấy phơi khô
ký ức bỏ trống
hoàng hôn đỏ ngọn núi
nước mắt bỗng nở đẹp lên những cánh hoa hồng
nay chiến tranh chấm dứt
chuyến xe lửa hoài nghi những kẻ có tội
đang lặng lẽ quay về
phía bên kia
ngôi nhà vẫn đóng cửa
những ngọn đèn sáng lên
mưa bụi
những bước chân ngựa trở về
hoang vắng
và trắc ẩn
một nỗi động lòng
Không biết đêm nay
ngoài sóng biển
bao nhiêu người bỏ đất nước ra đi.

NGUYỄN CHÍ KHAM

đôi mắt

chiều vẫn còn em nơi hoang sơ
từ cây xinh trắng mọc bao giờ
hồn mang con bướm vàng đôi cánh
mộng ước sắp đầy con phố xưa

bỗng thấy người đi bóng dáng xa
bàn tay xin vẫy rộng mây tà
khi lòng mới thoáng hồn nhiên đẹp
gọi chút vui cười giọng nết na

ngày đó anh về rất dễ thương
nhìn em che nắng một bên đường
cây trái đến mùa chia hạnh phúc
trong tuổi yêu đời thơm phấn hương

như thế tìm nhau đã gặp rồi
màu nào hoen đỏ nhớ xa xôi
nhiều năm ngơ ngác hồn khô lạnh
không biết còn em mãi thế thôi.

TRẦN MỘNG TÚ
họa sĩ vẽ chân dung

Một buổi tối, khi ngồi uống cà phê ở trong bếp, người bạn nói với tôi:

– Ngày mai, tôi lấy một ngày nghỉ dắt anh đi xin việc, công việc này liên quan đến vẽ vời tôi nghĩ là sẽ rất thích hợp với anh.

Tôi sốt sắng:

– Việc gì tôi cũng làm, không nhất thiết là phải dính dáng đến hội họa, sắp hết trợ cấp đến nơi rồi.

Thế là sáng hôm sau chúng tôi đi xin việc.

Tôi tưởng như có một sức mạnh vô hình tông vào giữa ngực làm tôi dội lại, thụt lùi mấy bước khi người bạn mở cánh cửa văn phòng nhà quàn "Green Funeral Home" đưa tôi vào, anh mau mắn nhìn đồng hồ tay nói:

– Họ hẹn 9 giờ 30, mình đến sớm mười phút.

Tôi bàng hoàng hỏi:

– Xin việc ở đây à?

– Ừ, anh đừng có lo, thế nào họ cũng nhận, ông xếp chính ở đây là bạn thân của tôi, nhất là tôi đã giới thiệu, hồi ở Việt Nam anh là quân nhân nhưng cũng còn là một họa sĩ có tên tuổi, anh đã có tranh triển lãm nhiều lần.

Tôi hỏi lại bằng một câu dò dẫm:

– Họ cần thợ sơn à?

– Không, cơ sở của người ta lớn thế này, muốn sơn thì người ta gọi nhà thầu chứ ai mướn anh.

Đúng như lời anh bạn Mỹ tốt bụng khoe, tôi được nhận vào làm ngay ngày hôm đó.

Tôi sang Mỹ theo chương trình HO chỉ còn hai tuần nữa là đến ngày đi thì người bạn học cũ (người bảo trợ cho tôi) phải thuyên chuyển công việc sang một tiểu bang khác, tôi được bàn giao lại cho một người bạn Mỹ tốt bụng với một lời vừa dặn dò vừa xin lỗi "Tôi đem gia đình đến một tiểu bang khác, chưa biết lạ nước lạ cái ra sao, có đem theo anh sợ cũng chẳng giúp được gì, thôi thì anh ở tạm một thời gian với ông bạn Mỹ độc thân này, đợi tôi đâu vào đấy tôi sẽ kéo anh đi".

Tôi cũng chẳng có ý kiến gì ngoài sự chấp nhận. Số tôi may mắn gặp được người bạn mới tốt bụng, ông ta trước đây cũng ở trong quân đội, nên chúng tôi dễ dàng hiểu nhau và ở với nhau tạm gọi là thoải mái mặc dù ông ta mù tịt chẳng biết một tí gì về hội họa. Ngày ngày ông bạn Mỹ đi làm, tôi đi học Anh văn trong thời gian còn hưởng trợ cấp, tối về hai người nấu nướng ăn chung, hôm thì tôi nấu cơm Việt, hôm thì ông nấu cơm Mỹ. Thỉnh thoảng có khi chúng tôi đi chơi chung cuối tuần, nhưng rất nhiều cuối tuần mỗi người đi một ngả, tôi thì tìm đến cộng đồng người Việt, ông bạn thì đi với những người bạn gái Mỹ của ông. Chúng tôi tôn trọng lẫn nhau, không ai tò mò vào việc riêng của ai. Tôi tính sẽ dọn ra ở riêng ngay sau khi có việc làm vì ông bạn mới này đã cho tôi ở suốt mấy tháng nay không lấy tiền nhà. Người bạn học cũ cũng không quên tôi, có gọi điện thoại hỏi tôi nhiều lần là bây giờ có muốn sang chỗ vợ chồng anh ta ở không? Tôi đã từ chối, nghĩ cái thân lưu lạc thì ở đâu cũng thế, lại vừa được hứa hẹn cho một công việc có liên quan đến vẽ vời, mẫu, cọ. Tuyệt! Không còn dám mơ ước gì hơn.

*

Sau một tuần lễ được một nhân viên lâu năm trong nghề hướng dẫn đến nơi đến chốn, hôm nay tôi bắt tay vào công việc một mình.

Sáng sớm, trước khi ra khỏi nhà tôi pha cho mình một ly cà phê thật đặc uống cho tỉnh táo, ăn một lát bánh mì nướng cho đỡ cồn ruột, tôi đến sở làm. Công việc hôm nay của tôi từ 10 giờ sáng cho đến 8 giờ tối, tôi sẽ có hai thân chủ, tôi được nghỉ ba mươi phút để ăn trưa và hai lần nghỉ giải lao mười lăm phút nữa. Tôi cầm hai tấm phiấa trên tay, đọc tấm thứ nhất:

Name: Mary Ann Williamss

Sex: Female

Age: 68

Box: #4

Tôi thấy những ngón tay tôi bắt đầu rung lên, rồi đến cánh tay tôi cũng rung, rồi cả thân mình. Tôi cứ nghĩ đến những điều tốt đẹp mà tôi sắp làm cho một người không quen biết, tôi nhủ với lòng tôi, tôi là một người đã từng "lao vào lửa", đã từng ôm "xác bạn, xác thù" trong suốt bao năm dài ở đơn vị tác chiến, xác chết không có gì xa lạ với tôi. Làm gì mà phải rung cả hồn cả xác lên như vậy!

Tôi đi vào phòng lạnh, phòng rất lạnh, vắng, không có ai ngoài tôi và những ô kéo mang số. Ngọn đèn mờ, tôi bật thêm hai, ba ngọn nữa, tìm hộc số 4. Người tôi lại rung lên (có lẽ phòng lạnh quá!). Tôi đọc lại tên tôi ở một góc tờ giấy, bên cạnh tên bà Williams:

Mortician (1): Công Phạm

Tên tôi được gài ngay ngắn trên hộc số 4. Tôi kéo hộc ra hết chiều dài, xác bà Williams trần truồng, đen nhợt. Tôi rùng mình hai, ba lần, tôi giơ tay làm dấu thánh giá trên trán, trên ngực mình. Tôi kéo chiếc giường sắt lại gần hộc, cúi xuống trục cái chân giường cao lên, ngang với hộc và lăn xác của bà sang bên giường. Không khó khăn lắm, người ta đã làm mọi vật dụng ăn khớp vào nhau với những tiện nghi cần thiết. Chiếc giường này có bánh xe, tôi chỉ việc đưa bà sang phòng bên và bắt tay vào việc.

Phòng bên cạnh cũng lạnh không kém gì phòng để xác, chỉ khác là không có những ô kéo mang số. Tôi dẩy chiếc giường đến gần bồn nước, tôi bắt đầu làm việc cho thân chủ, tôi cúi xuống nói với bà bằng tiếng Việt, tôi tin là bà sẽ hiểu vì thế giới bà đang đi vào làm gì có phân biệt ngôn ngữ.

– Bà Williams, tôi lau chùi bà đây, bà giúp tôi nhé!

Bà Williams khẽ gật đầu không trả lời, tôi bắt đầu lau mặt cho bà. Tôi lấy khăn mỏng, nhúng nước cẩn thận lau chùi trũng mắt, vành tai và khóe miệng của bà. Cánh mũi bà to và bẹt, môi bà rộng và dầy. Cái mũi, cái môi của một người da đen chính thống. Tôi lau cổ, lau ngực cho bà, cổ của bà đã có nhiều nếp nhăn, ngực của bà nhão xệ xuống theo tuổi tác, tôi lau nhè nhẹ từng bên ngực. Không biết bà có bao nhiêu người con? Các con của bà có ở chung quanh đây hay đã tha phương ở

tận nơi nào? Bà là người da đen, sữa của bà màu gì? (Thật là một câu hỏi ngớ ngẩn). Cái ngực này đã bú mớm cho bao nhiêu cặp môi non? Tôi chợt nhớ khi tôi còn nhỏ tôi đã được nhìn những giọt sữa của mẹ tôi đẹp như những viên ngọc trai ứa ra ở miệng thằng em út, tôi chắc những giọt sữa của bà Williams cũng đẹp như vậy. Tôi lau đến hai cánh tay bà, vai bà rộng nhưng bắp thịt của cánh tay cũng đã mềm, chỉ có bàn tay của bà thì vẫn cứng với những ngón tay thô tháp, lòng bàn tay có những vết da chai. Tôi đoán khi còn trẻ chắc bà cũng vất vả với cuộc sống. Tôi chợt thấy bùi ngùi trong dạ, tôi xoa nhẹ vào lòng bàn tay bà, nói nhỏ:

– Bà Williams ơi! Bà làm tôi nhớ đến mẹ tôi. Mẹ tôi là một người đàn bà Việt Nam vất vả suốt một đời vì chồng con, những ngón tay của mẹ tôi lúc nào cũng xương xẩu và thô nhám vì công việc. Tôi thương mẹ tôi lắm, tôi đã hứa với mẹ tôi rằng, khi nào hết chiến tranh, tôi được giải ngũ sẽ về đi làm nuôi mẹ, nuôi em để mẹ tôi không vất vả nữa. Nhưng bà có biết không? Chiến tranh hết thật mà tôi vẫn không về, các em tôi thì thất tán mỗi đứa một nơi, đứa sang tận bên Úc, đứa sang Nhật, đứa chìm tận đáy đại dương. Khi tôi được thả về từ những lò cải tạo thì mộ mẹ tôi đã xanh rờn cỏ dại.

Bà Williams nằm im lặng nghe tôi, tôi nghĩ là bà đang xúc động. Nhưng khi tôi lăn nghiêng bà sang một bên để lau lưng cho bà, bà không chịu, bà cứ lật ngửa người lại, tôi phải dỗ dành:

– Bà Williams, bà phải đưa lưng cho tôi lau, bà cứ như thế này thì đến bao giờ mới xong.

Tôi phải nói đến lần thứ ba bà mới nghe, tôi vỗ về bà, thân mật:

– Tốt lắm! Cám ơn Mary.

Từ lúc đó tôi xoay trở bà thế nào bà cũng nương theo. Tôi lấy kéo cắt móng tay móng chân cho bà sạch sẽ. Tôi muốn chải đầu cho bà mà không được, tóc bà ngắn và quăn rối vào nhau, tôi đành cứ để nguyên như vậy. Bây giờ thì tôi lấy hộp phấn son ra trang điểm cho bà. Nước da đen của bà không còn cái đẹp bóng của gỗ mun nữa mà đã đổi sang màu xám nhờ nhờ như màu bùn khô. Tôi lấy một chút sáp thoa lên cặp môi đen tím, lấy cọ chậm chậm một chút phấn hồng khắp mặt bà từ trán đến cằm, trông bà đã nhuộm sắc hơn. Tôi ngắm nghía bà, tô đi, tô lại, chỗ đậm chỗ nhạt, bất giác tôi nhớ đến lời người bạn khi dắt tôi đi xin

việc "Công việc này liên quan đến màu sắc, vẽ vời chắc là sẽ thích hợp với anh". Tôi thật sự không biết cảm nghĩ của mình lúc này ra sao, chỉ nghe thấy trong lòng dâng lên một nỗi ngậm ngùi.

Tôi bắt đầu mặc quần áo đẹp cho bà, người nhà của bà đã đem đến sẵn cho bà từ hôm trước, đầy đủ: áo trong, áo ngoài, giầy vớ, có cả vài ba món nữ trang bằng đá xanh đỏ. Tôi lúng túng mãi vẫn không mặc được quần áo cho bà. Chiếc áo đầm của bà là loại áo chui đầu, bà lại không chịu giơ hai tay lên một lúc thì làm sao tôi tròng áo vào được, tôi năm nỉ bà:

– Giúp tôi một tay, bà Williams ơi!

Bà cau mặt lại, nhắm nghiền mắt, không thèm nhìn tôi, có lẽ bà chê câu nói theo cách Việt Nam của tôi là sai -giúp cả hai tay chứ sao chỉ một tay thôi- Tôi cố nhấc hai cánh tay bà lên một lần nữa, hai cánh tay vẫn cứng ngắc không nhúc nhích, tôi chỉ còn một cách dọa bà:

– Nếu bà không chịu đưa tay lên cho tôi mặc áo thì tôi cứ dẩy bà như thế này ra ngoài phòng khách cho người ta đến viếng.

Rồi tôi lại dịu giọng:

– Cái áo này thật là đẹp, cái màu xanh nước biển này rất hợp với bà.

Tôi nhìn vào khuôn mặt của bà, những thớ thịt hình như đang thư dãn ra, môi bà như ngậm một nụ cười. Tôi nhẹ nhàng cầm hai cánh tay bà đưa thẳng lên đầu, hai cánh tay của bà trở nên mềm mại, luồn dễ dàng vào ống tay áo, tôi đi vớ, đi giày cho bà, thế là xong.

Tôi bế bà đặt vào áo quan (chiếc nôi cuối cùng của đời người). Tuy bà có hơi đẫy người, tôi bế cũng không khó khăn lắm, tôi đã được chỉ dẫn cẩn thận về cách thức tự dời chuyển một mình những thân xác không còn cử động được. Tôi vuốt lại những nếp áo cho bà, chấm lại một chút phấn hồng trên má, tô lại một chút son trên đôi môi, đeo nữ trang cho bà. vừa làm tôi vừa trò chuyện với bà:

– Bà Williams ạ, quê hương tôi người ta bắt buộc lắm mới để người thân của mình cho một người xa lạ tẩm liệm. Tôi nhớ khi cha tôi mất (lúc đó tôi 12 tuổi), mẹ tôi và anh em chúng tôi đứng khóc chung quanh quan tài nhìn những người thân của cha tôi là anh, em và bạn của cha tôi làm những nghi thức cuối cùng. Cha tôi được lau chùi bằng một nồi nước nóng mà khi đun người ta đã bỏ vào trong đó những chiếc lá có

hương thơm ngát, cha tôi được mặc áo trắng bằng vải mới, chung quanh áo quan thì được đệm bằng những túi có đựng cánh trà, người ta còn liệm theo cho cha tôi những vật nho nhỏ mà cha tôi vẫn thường dùng hằng ngày như cái nón nỉ, cái quạt bằng giấy và những chiếc khăn tay có thêu tên cha tôi (sau khi đã xem kỹ và tháo ra những thứ bằng kim loại nếu còn dính trên những vật đó). Mặt cha tôi được phủ bằng một vuông vải trắng trước khi nắp quan tài đóng lại. Ở quê hương chúng tôi người ta không có phong tục trang điểm son phấn cho người chết, có lẽ các cụ của chúng tôi tin rằng, làm như thế thì linh hồn của người chết không nhận ra thân xác mình, vì con người không ai được sinh ra với khuôn mặt tô son, điểm phấn. Văn hóa của chúng tôi lại dậy cho chúng tôi cái lòng tha thiết được chết trong căn nhà của mình, chết trên mảnh đất của quê hương mình. Cho nên những người đang ốm đau ở bệnh viện khi biết mình sắp chết thì đòi về nhà để chết, những người đang buôn bán bương trải ở phương xa thấy mình bắt đầu già yếu thì tìm về làng mình vì không muốn chôn ở làng khác. Những người vì hoàn cảnh đất nước phải sống lưu vong thì ao ước được gửi nắm tàn tro về quê cũ. Chúng tôi cũng không có phong tục để mở ngỏ quan tài cho người thân quen đến phúng viếng vì e sợ làm xao động vong linh kẻ qua đời (gọi là sợ chạm vía), và bao giờ người chết cũng được quàn tại phòng khách trong chính căn nhà của mình để bạn bè đến tiễn đưa lần chót, những đốm nhang cháy đỏ được thắp ngay trên nóc áo quan, "*chiếc nôi cuối cùng của đời người*".

Bà Williams nằm yên lặng, lắng tai nghe, đầu bà hơi nghiêng một chút về phía tôi đứng, có lẽ bà muốn hỏi tôi thêm một vài điều gì nhưng lại sợ tôi nói dông nói dài về văn hóa phong tục nên bà lại thôi.

Tôi đẩy chiếc quan tài của bà ra ngoài, đưa sang bên phòng viếng. Ở bên đó đã sẵn có một vài vòng hoa phúng điếu đưa đến sớm, hoa trên áo quan cũng đã được đem tới, tôi bật thêm đèn, đặt bó hoa lên cho bà, cúi xuống nói đôi lời từ tạ.

– Bà Williams ạ! Bà có biết không? Thượng Đế đã đặt cả vũ trụ vào trong thân thể bà. Tóc bà như một cánh rừng, trong cánh rừng này những mầm xanh non đã mọc, những thân cây sồi già nua uốn gốc. Mắt bà là hai vì tinh tú nhiệm màu không có trăng sao nào sánh bằng. Vầng trán bà cong như một múi địa cầu. Mũi bà như ngọn đồi nhỏ ngăn đôi mảnh đất mùa xuân. Miệng bà là hang động, đá là răng. Cổ bà là mảnh đất nối

liền bờ kia với bờ nọ. Thân hình bà là một miền đồng bằng trù phú với những núi non, sông rạch hoan ca. Bà đã dùng công trình tuyệt vời của Thượng đế để cho những hạt giống nảy mầm, kết nụ, ra hoa. Trên thân thể bà đã sinh thêm nhân loại. Bà đã trút cả tình thương yêu và tốn hao công lực của cả một đời người vào những đứa con mà Thượng đế giao cho bà. Bằng cách này hay cách khác bà đã hoàn thành công việc, bổn phận của bà. Thượng đế đang đón nhận bà vào để thưởng công bà. Chúc bà ra đi trong niềm an lạc.

*

Tôi đi ra, trở về phòng lạnh, chăm sóc cho thân chủ thứ hai.

Tôi ngừng lại ở hành lang, tôi không trở lại phòng lạnh ngay được, tôi cần hút một điếu thuốc, tôi đi ra ngoài, vào xe, tìm bao thuốc, tôi ngồi trong xe mà hai đầu gối rung lên, tay tôi lóng cóng mồi mãi mới cháy điếu thuốc. Tại sao tôi lại run, lúc đang làm việc tôi bình tĩnh lắm cơ mà? Tôi hít một hơi thuốc thật dài, giữ nguyên cái khói đặc quánh trong cuống họng. Bây giờ tôi mới hiểu những lúc tôi nói chuyện với bà Williams chỉ là những lúc tôi tự đánh lừa mình, tôi chỉ muốn tiếng nói của tôi khua động cái yên lặng đến rợn người của phòng xác, tôi phải coi bà Williams như một người còn nghe, còn nói được để khỏi phải nghĩ đến là tôi đang chạm tay, chùi, rửa, bế ẵm một xác chết. Hơi lạnh của bà Williams lúc này mới ngấm sang cơ thể tôi, tôi tưởng như tôi đang ôm bà đặt vào áo quan, hai bàn tay của bà bấu chặt vào cánh tay tôi những móng tay của bà như mọc dài ra, dài ra mãi, đâm sâu vào da thịt tôi, tôi rùng mình liên tiếp. Tôi nhìn ra nghĩa trang trước mặt, những ngôi mộ như đang mở tung những nắp bia lên, hàng trăm cánh tay đều thò ra một lượt bám trên mặt đất, những bộ xương đứng dậy chui ra khỏi hầm mộ. Họ ăn mặc đủ các kiểu y phục. Già có, trẻ có, mầu da mầu tóc khác nhau, họ dắt tay nhau từng đàn tiến về phía tôi. Họ gọi tên tôi, bắt tôi tô son điểm phấn lại cho họ. Có người cầm khung vải, có người cầm giá vẽ, có người cầm một mắm cọ, có người cầm mẫu, họ đòi tôi vẽ cho mỗi người một bức chân dung mới. Người già đòi vẽ chân dung hồi còn trẻ, người trẻ đòi được vẽ chân dung lúc về già (có lẽ họ tò mò muốn biết nếu mình sống đến già thì khuôn mặt mình ra sao?). Có người đòi sửa lại cái mũi cho khác đi một chút, mái tóc ngắn lên, cặp mắt to ra. Họ bao quanh xe tôi, la, khóc, cười nói. Tôi bịt chặt hai tai lại, muốn hét lên cầu cứu nhưng cổ họng tôi tắc nghẹn tôi vội quay

tất cả kính xe lên, khóa chặt cửa xe, mồ hôi tôi vã ra như tắm, tôi nhắm chặt mắt lại, thiếp đi.

Khi tôi tỉnh dậy nhìn ra ngoài xe, nắng tháng tư đang trải chiếc chăn vàng trên thảm cỏ, nghĩa trang xanh mướt bình an, những bó hoa cắm trên các phần mộ dịu dàng khoe những đốm màu đỏ, mầu trắng, mầu vàng. Tôi thấy lòng mình lắng xuống, bình an như cỏ. Điếu thuốc ở trên tay tôi đã tắt ngấm, cái tàn dài cong lại mà vẫn không rơi, gẫy. Tôi nhớ ngày xưa mỗi lần cúng giỗ ở nhà, nếu chân nhang trên bàn thờ còn giữ được cái tàn cong mà không rơi xuống mẹ tôi thường bảo là: lời cầu nguyện của con cháu đã được ông bà chấp nhận, bất giác tôi cất tiếng nguyện thầm:

"Bà Williams, bà là thân chủ đầu tiên của tôi. Trong suốt mấy chục năm làm người, tôi chưa bao giờ nghĩ đến có ngày tôi sẽ làm công việc tẩm liệm cuối cùng cho một người khác quê hương, khác chủng tộc ở một nơi cách nơi tôi sinh trưởng nửa trái địa cầu. Khi cha tôi mất, tôi còn quá nhỏ để được giao cho cái công việc thiêng liêng và to tát đó, khi mẹ tôi mất tôi đang ở trong tù. Cả hai đấng sinh thành ra tôi, tôi không được vuốt ve, săn sóc đặt vào 'Chiếc Nôi Cuối Cùng Của Đời Người' để đáp lại công ơn hai người đã bế tôi đặt vào cái nôi đầu tiên. Xin bà hãy giúp sức cho tôi đủ nghị lực mà tiếp tục công việc này, cho tôi một tấm lòng rộng mở để khi việc tẩm liệm cho một người nào tôi đều nghĩ rằng tôi đang làm việc đó cho cha, mẹ tôi, cho những bạn bè, họ hàng của gia đình tôi (những người đã và sẽ đi qua cuộc đời) và nhất là khi cầm cây cọ, hộp mầu, điểm phấn, tô son trên những khuôn mặt của những kẻ ra đi, tôi đủ lạc quan để nghĩ rằng tôi đang làm công việc của một họa sĩ. Họa sĩ chuyên môn vẽ chân dung cho những người đang chuẩn bị Phục Sinh".

Tôi mở cửa xe, bước ra ngoài. Tôi vươn vai, ngửa mặt lên trời, hít một hơi dài trong không gian, không gian ngọt ngào có pha mùi cỏ, hoa thơm ngát. Tôi giơ tay vẫy chào những ngôi mộ hiền lành và trở vào phòng lạnh, tiếp tục công việc của mình cho thân chủ thứ hai.

Trần Mộng Tú
Mùa Phục Sinh 1994

---

(1) Mortician: Người lo việc tẩm liệm ở nhà quàn

Huỳnh Liễu Ngạn

tiếc tiếng gà trưa không gáy nữa
gợn một nỗi đời lên tóc bạc
mà đêm xuống vội ở mái hiên
bóng trăng tiền kiếp ngoài khung cửa
nhớ chút tình xưa thời thanh niên

một thập kỷ vèo tan như mộng huyễn
mà người đi thành ảo vọng đêm đêm
tôi giả vờ say cho hết mộng
cho trăm năm cho hoang vọng đầu thềm

có chi đơn lẻ trên mặt đất
trên cõi hành tinh khuất lấp đời
đêm xuống rồi đêm không vội vã
sao người cứ thế mà buông lơi

sao người cứ thế và cứ thế
để nguội lòng tôi cả trăm lần
có ai thổi tóc cho xanh lại
mà người hoài niệm tuổi thanh xuân

tôi về chánh quán không còn nữa
con nước chiều dâng lòng quặn lòng
thử hỏi quê nhà không mây trắng
thì người thệ thủy có chờ mong

thì người cũng biệt từ dâu bể
mà tôi vẫn mãi ở giang đầu
tiếc tiếng gà trưa không gáy nữa
người ơi người ơi hề đi đâu!

TRƯƠNG NHÂN

trò chơi

Đã lâu lắm Hoàng không ghé lại quán cafe này. Lúc trước còn làm quanh khu này, đây là nơi chàng bắt đầu mỗi ngày, đến nỗi chủ tiệm quen mặt, khỏi cần lấy order mà mang ngay cho chàng một ly cafe au lait. Nhiều người, nhất là mấy cô gái, hay cười Hoàng điểm này. Cafe au lait thì yếu quá, nhất là cafe trong một tiệm Mỹ, loãng tuếch chứ đâu được đậm đà đặc sánh như ly cafe sữa ở quán Việt Nam. Có cô cười cười bảo hay Hoàng uống sữa không quách. Hoàng chỉ cười. Ừ thì chàng yếu. Có sao đâu nhỉ? Chàng nghĩ mình đã qua cái tuổi quá khích của expresso hay là capuccino. Tà tà thôi, chừng mực thôi, đó chẳng phải cafe au lait là gì?

Quán cafe buổi sáng không đông lắm, không vắng lắm. Đa số khách chúi mũi vào tờ báo. Thì Hoàng cũng có tờ báo đây. Một người như mọi người. Một ngày như mọi ngày, khác cái quán cafe. Tại cái quán quen gần sở làm đông quá sức. Bắt đầu một ngày bằng xếp hàng và chờ đợi. Hoàng không thấy "khá" chút nào. Buổi sáng, người ta cần một chút không gian, một chút riêng tư. Dù ở ngay trong quán cafe.

Hoàng vẫn còn nhớ chiếc bàn ưa thích của mình, nằm trong một góc sau bụi cây giả, nhìn ra parking lot phía sau tiệm. Parking lot đĩ nhiên chẳng có gì để nhìn, nhưng phía bên kia bức tường có cây. Cây gì Hoàng cũng không biết, chàng dốt sinh vật học từ nhỏ. Tán gái chỉ cùng lắm là hoa cúc, ngoài ra thì... tùy hỉ. Cho nên đã có cô bạn gái chia tay với chàng chỉ vì chàng lỡ mua loại hoa nào ấy có nghĩa đại loại là "mình chỉ nên là bạn". Hoàng nhớ chàng không buồn bao nhiêu. Những trò chơi tình ái lẩm cẩm, Hoàng chỉ thu nhặt được những rộn ràng thoáng qua và vài vẫn thơ vụn tuổi học trò. Trò chơi thường đoạn cuối là... hết

chơi, là tàn cuộc, ngay cả trò chơi yêu đương, nên Hoàng chơi rất nhiều rồi mà vẫn cô đơn một mình. Thắng hay thua, cũng vẫn chỉ là một ván bài, một con thuyền xuôi qua trên dòng đời.

Đã có một cô gái ngồi ở chiếc bàn Hoàng ưa thích. Cô ta quay lại khi nghe tiếng chân chàng. Kể cũng lạ, một cô gái Á Đông trong quán café buổi sáng. Không có tờ báo trên bàn, chỉ có ly iced capuccino. Thêm một chuyện lạ. Có lẽ thấy Hoàng hơi soi mói, cô gái cũng nhìn lại. Mái tóc đen buông ngang vai, khuôn mặt không có gì đẹp, chỉ những đường nét hòa hợp dễ nhìn. Thân hình mảnh mai điển hình của đa số cô gái Á Đông khác. Hoàng đang tự hỏi không biết cô gái có phải là Việt Nam không thì cô ta đã mở lời:

– Xin lỗi ông.

Hoàng tiến lại gần hơn. Giữ bộ mặt nghiêm trang, không, băn khoăn mới đúng, như thể đầu óc chàng đang cố gắng ghê lắm:

– Hình như tôi đã gặp cô ở đâu rồi thì phải?

Cô gái nhìn kỹ Hoàng hơn. Nét cười lan từ đôi mắt làm khẽ rung hàng mi, rồi xuống khóe miệng. Hoàng chợt nhận ra cô gái có khóe môi cong lên kiêu hãnh, chắc hẳn đã làm nhiều anh chàng bối rối. Một phút trôi qua, như thể nàng đang đắn đo. Cuối cùng, nàng nói, giọng mượt mà, cái mượt mà của bộ lông mèo ẩn những móng vuốt sắc.

– Trò này xưa rồi, nhưng mà -cái nhìn giễu cợt lướt qua chàng- tôi vốn thích người dám nói dám làm.

Câu nói đó, cái nhìn đó, chắc đã làm nhiều người choáng váng và... bỏ chạy. Nhưng Hoàng cảm thấy thú vị. Đã lâu chàng không có một cuộc chơi hào hứng. Chàng tự nhiên kéo ghế đối diện cô gái:

– Cô cho phép chứ?

Cô gái khẽ gật đầu. Hoàng bỏ tờ báo trên bàn, lại quầy mua ly café au lait quen thuộc. Chàng nhìn ly capuccino, mở chuyện:

– Iced capuccino cho buổi sáng?

Cô gái mỉm cười:

– Tôi không thưởng thức được loại thức uống nóng nào cả, trừ nước trà. Ở đây café au lait uống được không?

– Nếu cô thích capuccino, thì café au lait nhẹ lắm.

– Tôi biết. Nhưng nhẹ mà có ngon không? Nhẹ mà thơm mùi café hay nồng mùi sữa?

– Cô để ý quá nhỉ? Tôi uống mỗi ngày như thói quen, mãi rồi ngon dở cũng chẳng biết.

Cô gái liếc nhìn đồng hồ:

– Chắc tôi phải đi làm.

– Tôi vẫn chưa biết tên của cô.

Chơi thế chưa đủ dao? Đôi mắt cô gái như thầm hỏi, với một chút ngạc nhiên. Hoàng lục ví, chìa cho cô tấm danh thiếp. Cô gái mở ví lấy cây viết, viết vội tên và một số phone rồi đưa trả lại Hoàng. Trên tấm danh thiếp, chỉ vẻn vẹn chữ Ngân và số phone. Hoàng muốn hỏi bộ cô không muốn lấy danh thiếp của tôi sao nhưng khóe môi cong của cô gái làm chàng ngại ngùng. Chết rồi, cô nàng tỉnh quá mà chàng thì bắt đầu... run. Chàng nhìn ra ngoài parking, thấy nàng đi chiếc xe trắng bé tí. Nàng thuộc type nào nhỉ? Chàng tự hỏi. Nàng lái chiếc xe sport, nhưng ăn mặc có vẻ không theo mốt tuy rằng trang nhã. Nàng trông... bình thường nhưng hình như đáng ngại ngầm. Chắc khó tính, cái kiểu nàng... mổ xẻ café thì biết. Chàng vừa thấy... điên đầu, vừa thấy vui. Trò chơi chỉ vui lúc này, khi chàng có một người để nghĩ đến, để đoán, để tính nước cờ sắp tới.

Đến sở, Hoàng thử ngay số phone trên tấm danh thiếp. Chuông reng vài ba tiếng, rồi máy answering machine trả lời Hoàng. Giọng con gái. This is Nancy. Leave message. Đây là nàng thật hay là sự trùng hợp nào đó? Ngân. Nancy. Nghe cũng có lý. Còn giọng nàng, nói tiếng Việt chàng còn chưa nhận ra chứ đừng nói là tiếng Anh. Chàng vốn ghét thủ thỉ với cái máy, vả lại nàng tinh nghịch cho số phone bậy là phiền. Gì chứ quê thì Hoàng sợ lắm. Chàng gọi đi gọi lại mãi, nhưng cứ gặp cái máy lập lại điệp khúc cũ.

Sáng sau Hoàng trở lại quán café, nhưng không thấy cô gái. Lại gọi phone, lại gặp cái máy. Mấy hôm liên tiếp, Hoàng đến quán và gọi phone và... chả được gì. Chàng đã thuộc lòng số phone mà vẫn chưa biết thật sự là phone của ai. Giọng cô gái cứ êm êm bảo chàng nhấn lại, nhưng Hoàng nhất định chờ nói với người thật. Một tuần sau, thì Hoàng đã chán, một ngày gọi một lần như mua lottery chờ trúng số, lòng vẫn biết cơ hội mỏng manh như có tờ báo đã liệt kê: trúng số còn khó hơn

bị sét đánh hai lần. Chàng hơi thấy thất vọng nữa. Cô gái bỏ cuộc dễ thế. Chàng cứ tưởng cô có một mặt ngầm kinh khủng lắm chứ.

Ba tuần sau, chàng chỉ còn gọi thỉnh thoảng, khi nào chợt nhớ đến và khi nào máu lì nổi dậy. Cho đến một buổi chiều, chàng gọi một cô bạn rủ đi ăn tối. Chẳng biết tay chàng bấm số thế nào, mà lại thành số của nàng.

– Hello. This is Nancy.

Chàng choáng váng. Mấy chữ này đã quá quen thuộc với chàng, nên chàng cứ ngỡ đang gặp chiếc máy vô duyên. Nhưng lần này, chiếc máy bỏ điệp khúc cũ:

– Hello?

Chàng ngỡ ngàng:

– Chào cô.

– Xin lỗi anh tìm ai?

– Tôi tìm... Ngân.

– Đây là Ngân. Xin lỗi là ai?

– Đây là Hoàng.

Một phút im lặng. Giọng nàng ngập ngừng:

– Hoàng... nào cơ ạ?

Chàng chợt thấy nàng, như cái máy của nàng, vô duyên tệ. Thế ra mấy tuần nay chàng bỏ công gọi phone, chạy tới lui quán café kiếm nàng, cũng là vừa đủ thời gian cho nàng quên mất chàng. Chàng đang phân vân không biết có nên cúp máy rút lui có trật tự không thì nàng khẽ ồ lên một tiếng. Chàng thở phào:

– Quán Petit Café.

Nàng cười khẽ.

Và bằng lòng đi ăn tối với chàng.

*

Nàng là medical technologist, suốt ngày ngồi trong lab, cho nên chiếc máy answering machine trong văn phòng của nàng phải làm việc overtime. Trong gia đình, thì nàng là con kế út, không hẳn hư như con út nhưng cũng không biết đảm đang là gì. Nàng thẳng thắn và tự nhiên, với phong thái nhàn nhã tự tin. Và như chàng đoán, nàng có một mặt ngầm, một sức sống cháy sáng như ngọn lửa. Bình thường, nàng ngồi

đó, êm ả và lặng lẽ, nhưng đôi khi, trong một câu chuyện, nhất là khi nàng bênh vực một luận cứ nào đó của nàng, thì chàng thấy nàng như sống động hẳn lên. Chắc hẳn khía cạnh nồng nhiệt đó của nàng, ngọn lửa âm ỉ đó, cũng đã làm nhiều anh chàng hoảng hốt, dù rằng lúc đó nàng đẹp hẳn lên dưới mắt chàng. Chàng đã quá quen với mấy cô gái chỉ biết cười duyên, vâng dạ và né tránh mọi cuộc tranh cãi. Con gái phải mềm mại, uyển chuyển và nhõng nhẽo như con mèo ngái ngủ. Có làm các chàng đau khổ, thì nỗi khổ đó cũng phải được tô điểm sự hờn dỗi đầy nữ tính của các nàng hay vài giọt nước mắt trong veo. Ngân thì có vẻ như ngược lại. Nàng có ý kiến riêng và không dễ dàng bị thuyết phục. Nàng không có vẻ bên ngoài mềm mỏng, mà hình như cũng chả cần chú ý đến. Nàng xưng tôi - chữ tôi lạnh buốt thường nhói vào tim óc các chàng nhanh hơn ánh sáng. Nàng là cô gái khác lạ, có thể gọi là lập dị, nhưng với Hoàng, sự khác lạ đó mang lại cho chàng một phong vị mới mẻ cho cuộc chơi đã cũ.

Trò chơi tiếp tục. Chàng xin được số phone trong lab của nàng, rồi số phone nhà. Nàng sống có một mình, cho nên chàng không phải cạnh tranh thì giờ với các đấng bạn trai của các chị em nàng. Cạnh tranh với các bạn trai của nàng cũng đủ mệt, vì Hoàng đoán rằng anh chàng nào sống sót qua giai đoạn đầu mà còn hăng hái tiếp tục thì máu lì và liều cũng dữ dội lắm. Riêng Hoàng, chàng tự bảo mình có gì đâu. Một trò chơi nho nhỏ. Có thể nàng sẽ làm cho chàng nhức đầu đau bụng nhiều hơn các cô khác, nhưng chàng không đem quả tim ra bày cuộc cho nên không sợ phải trữ sẵn band-aid. Chàng thành thật tội nghiệp cho các anh chàng kia. Thất tình ai chứ thất tình nàng chắc hẳn nặng lắm. Có nhiều cách thất tình. Có cô làm mấy anh thất tình kiểu lãng mạn, thôi như vầy cho đẹp. Có cô làm mấy anh rầu rĩ rồi lại... quạu, vì có cảm tưởng bị lừa gạt. Có cô làm mấy anh... mừng thầm, lỡ chịu thì không biết gỡ làm sao. Còn Ngân, nàng thẳng thắn quá, không thèm màu mè tô điểm gì cả, cho nên yêu nàng tức là... hết chữa, và thất tình nàng thì chắc khó quên. Nàng thẳng thắn đến nỗi đôi khi Hoàng thấy hình như chàng không nên lôi nàng vào trò chơi. Nhưng nàng tự tin quá, cái nhìn ẩn nét cười của nàng như xuyên thấu qua chàng, và khóe môi cong lên của nàng nữa, như thách đố chàng, ngạo nghễ bảo chàng rằng: này, tôi không ngán trò chơi cũ kỹ của anh đâu. Với nàng, không có chuyện đem những câu tán loại standard đem lắp vào câu chuyện. Ánh mắt giễu cợt

và nụ cười nửa miệng của nàng sẽ làm chàng muốn độn thổ. Tất cả đều phải coustom-made, và gia giảm cho đúng liều lượng. Đôi mắt nàng có cái nhìn đăm đăm, hình như bắt mạch được chàng, cứ mỗi lần chàng lạc đề vào chuyện tán tỉnh là nàng cũng thay đổi thái độ. Vẫn mỉm cười, vẫn bình tĩnh, nhưng nàng như căn phòng đóng cửa. Đôi mắt của nàng sẽ không nhìn chàng nữa, và lúc đó bất cứ cái gì khác, cái thìa, cái ly, thậm chí đến cơn gió thoảng qua cửa, cũng quyến rũ hơn chàng. Hoàng là người hô hào tình bạn muôn năm. Các cô bạn gái của chàng, trước sau vẫn là bạn gái, chàng chẳng bao giờ nói yêu họ hay rời xa họ. Rắc rối thường là vì các cô muốn ràng buộc chàng. Trò chơi tình cảm, với họ, phải có kết cuộc bằng câu trả lời yêu hay không yêu. Đàn bà cần rất nhiều bảo đảm, trong đó có bảo đảm về tình cảm. Chàng thì tránh xa những lời hứa hẹn. Hồi xa xưa, chàng cũng ham trò chơi tình nhân lắm. Nhưng rồi chàng vấp ngã. Có một lần, chàng nghĩ chàng đã yêu. Cô gái đáng yêu như buổi sáng nắng mới, giọng cười ròn tan và mái tóc mây mượt. Mềm mại và mong manh, nàng như rất gần và rất xa. Thái độ của nàng, lúc tình tứ, lúc ơ thờ, làm Hoàng lạc lối. Có lẽ chàng đã sẵn sàng hứa hẹn bất cứ điều gì để nắm giữ được nàng. Chàng chưa kịp nói yêu nàng thì nhận được thiệp đám cưới. Chàng hỏi nàng, phải chăng chàng đã đến muộn? Nàng cười và trả lời dĩ nhiên nàng sẽ không chọn anh chàng lăng nhăng sở khanh như chàng làm chồng. Chàng chưa bao giờ nghĩ mình lăng nhăng hay sở khanh. Nàng lại cười. Ừ, thì anh nghĩ đó là đào hoa. Em (vẫn tiếng em dịu dàng) thì em nghĩ là sở khanh. Nàng cũng cho chàng biết nàng là bạn của một cô bồ cũ của chàng. Hoàng không đến dự đám cưới của nàng. Thời gian đó, chàng ngồi trong phòng, suy nghĩ, và quyết định thay đổi trò chơi. Có lẽ trò chơi tình nhân hơi quá nguy hiểm. Chàng sẽ chọn cách chơi nhẹ nhàng hơn. Như chọn café au lait thay vì capuccino. Chàng quyết định như vậy, không hẳn vì hối hận đã lăng nhăng, mà vì chính chàng. Vì chàng nhận ra rằng tình cảm và tự tin của chàng hình như quá mỏng manh dễ vỡ. Chàng nghĩ chàng yêu cô gái đó, nhưng nỗi đau của chàng vẫn nhiều tự ái hơn nuối tiếc. Chàng không muốn phải đau lần nữa. Chàng cũng không muốn vướng vào tình cảm, nơi chàng không còn làm chủ tình hình.

Bây giờ, Ngân dường như cũng đang hô hào tình bạn muôn năm giống như chàng. Chàng tự hỏi phải chăng nàng cũng đã từng vấp ngã? Nàng là người muốn thì sẽ làm, chàng đoán vậy. Và ở tuổi nàng, một

hai mối tình là chuyện thường. Chàng tự hỏi phải chăng lần này chàng đã gặp một địch thủ giống chàng? Cũng chả sao, vì như thế chàng lại càng yên tâm với cuộc chơi mà không sợ phiền toái và nước mắt sau này. Vả lại, Hoàng đã chừng mực lắm rồi. Khi chàng thấy một mối dây giương ra chờ trói buộc chàng, thì chàng tránh ngay. Không còn cái háo thắng tuổi trẻ để chứng minh với cô gái, với chính mình rằng mình không dễ bị giữ chân thế đâu. Cái kiêu ngạo của chàng đã có thoáng chút dè dặt từ ngày vấp ngã.

Ngân, quả thật, có nhiều điểm giống chàng. Cởi mở. Nhưng chàng rất kín đáo về đời tư của nàng. Bạn gái đôi khi còn có tên, chứ bạn trai chỉ là "một người bạn". Chàng không biết có bao nhiêu "một người bạn". Nàng có vẻ phóng khoáng và tự do, đi chơi không bao giờ hỏi đến giờ giấc, chàng muốn ngồi la cà đến sáng cũng không sao, nhưng phòng riêng của nàng với chàng chỉ là cánh cửa màu kem. Nàng là sự pha trộn khó hiểu giữa Đông và Tây, nhưng có một điều rõ ràng: nàng muốn có khoảng cách riêng của nàng, và trong thế giới riêng đó, chỉ có người nàng cho phép được bước chân vào. Chàng không tiến được bao xa trong khoảnh cách đến gần nàng. Chàng không lấy đó làm khó chịu, vì chàng cũng không muốn tiến đến quá gần. Nàng có bao nhiêu trò chơi trong cuộc đời riêng, bổ bịch bao nhiêu, chàng không muốn tìm hiểu nhiều. Trò chơi của chàng chỉ là những giờ phút vui vẻ nhẹ nhàng khi họ nói chuyện hay đi chơi với nhau. Chàng không gắn bó mà cũng không đòi hỏi, dù rằng đôi khi lòng tự ái của chàng hơi tổn thương khi thấy hình như chàng là chiếc bóng quá mờ trong cuộc sống nàng. Nàng lúc nào cũng vui vẻ chào đón chàng, nhưng không ngần ngại từ chối chàng, dứt khoát và thản nhiên. Lý do của nàng có thể là một người hoặc một nhóm bạn khác, hay chỉ đơn giản là nàng mệt và không hứng thú. Trong cuộc chơi nàng tỉnh như một tay phé chính hiệu. Có lần chàng hẹn nàng và trễ mất nửa tiếng vì kẹt xe. Khi chàng đến nàng đã đi vắng. Sau đó thì nàng nhẹ nhàng bảo rằng nàng đã chờ chàng những... mười phút. Chàng muốn nổi nóng, nhưng nàng đã cười và nói chắc chàng đâu chịu ở nhà tối thứ Bảy, không là nàng thì phải là người bạn khác. Nàng đã khéo léo làm chàng chỉ... nổi nóng một mình. Chàng không muốn nói thật rằng chàng đã ở nhà cả buổi tự hỏi nàng đi đâu, đang giận chàng hay quên mất buổi hẹn hay nhớ mà cho chàng leo cây. Còn nàng, nàng

chẳng buồn gọi phone cho chàng (có bao giờ nàng gọi cho chàng đâu), và khi chàng gọi cũng không buồn trách móc hay hỏi han gì.

Ngoài những va chạm nho nhỏ, mọi chuyện giữa hai người diễn ra êm đềm. Nàng cứng cỏi và mạnh dạn, nhưng duyên dáng theo lối riêng của nàng. Nàng cười mỉm nhiều hơn cười ra tiếng, nhưng đôi lần nàng cười cũng rất giòn. Nàng hay nhìn ngắm người chung quanh, nhưng nàng chỉ nhìn cho vui vì nếu chàng có nhắc lại thì nàng không nhớ gì cả. Nàng thích cuộc sống chừng mực, nhưng tô điểm thêm bằng những chuyện là lạ tùy theo hứng. Chẳng hạn như nàng không uống café, nhưng một sáng sớm nào đó có thể ra quán với ly iced capuccino. Hoặc đêm khuya lái xe lên đồi ngắm trăng sao. Quen nàng một thời gian, chàng thu lượm được nhiều chi tiết về nàng, những chi tiết có thể ghi nhận được từ một khoảng cách.

*

Căn phòng vẫn không có gì thay đổi từ lần cuối cùng Hoàng ghé đến. Mấy tờ báo ngổn ngang trên bàn, một chiếc gối nhỏ nằm bẹp một góc futon, có lẽ là nơi Ngân nằm xem tivi. Ngân không phải là loại phụ nữ kỹ lưỡng ngăn nắp cho lắm. Dù cho chàng đến có báo trước, nàng cũng chỉ dọn dẹp vừa phải cho căn phòng không qua khỏi ranh giới giữa tàm tạm và bừa bãi. Ngay trong cách ăn mặc, Ngân cũng có vẻ tùy hứng. Lúc thì nàng chăm chút đến những chi tiết nhỏ nhất như đôi bông tai, lúc thì nàng có vẻ cẩu thả rõ ràng, tuy rằng dĩ nhiên nàng không trông bê bối.

Ngân thu dọn lại mấy tờ báo vào một góc bàn, rồi hỏi Hoàng có muốn uống gì không? Hoàng trả lời không cần. Ngân là bà chủ không vồn vã quá đáng, và chàng luôn cảm thấy thoải mái vì thế. Nhưng hôm nay, nàng có vẻ không thích tiếp khách cho lắm. Ngay từ lúc đón nàng đi ăn tối, Hoàng đã linh cảm một điều gì khác thường. Cô gái ngồi trước mặt chàng không phải là Ngân thường ngày, sống động và cởi mở. Nàng ít nói, mỉm cười lấy lệ, và xa vắng như đang lạc ở một nơi nào khác. Nàng không có vẻ buồn hay lo nghĩ, nhưng chàng vẫn thấy xốn xang muốn biết tại sao nàng như vậy? Đáng lẽ chàng nên để yên cho nàng và chia tay sớm, nhưng không hiểu sao chàng cứ nấn ná.

Ngân đến bên cửa sổ. Nàng vén rèm cửa, nhìn ra ngoài. Một ngọn đèn vàng trước sân tỏa sáng xuống những bụi lài và bãi cỏ. Bầu trời đen

thẳm. Nàng đang nhìn gì? Nàng có nhìn không hay chỉ đứng đó, đắm trong những tư tưởng của chính nàng? Hoàng đứng dậy, đến sau lưng nàng. Chàng nói nhỏ, như sợ làm nàng giật mình:

– Ngân, Ngân có chuyện gì buồn?

Nàng quay lại. Đôi mắt nàng thật khó hiểu, nâu thẫm và xa vời như thể nàng đang nhìn chàng qua một màn sương mù. Một bước nữa thôi là nàng ở trong tầm với của chàng, nhưng dáng vẻ bất động của nàng làm chàng có cảm tưởng sẽ không chạm đến được nàng. Chàng ngỡ ngàng tự hỏi mình đang làm gì đây? Quy luật của trò chơi là không bao giờ đến quá gần để giữ cho cuộc chơi trong tầm mức đơn giản cần thiết. Cũng giống như tấm lụa trơn mướt nhìn gần sẽ là bao mối tơ đan vào nhau thành mắt lưới. Chàng đã đến quá gần. Câu hỏi đã vượt qua khoảng cách gìn giữ bấy lâu giữa hai người. Hoàng xao xuyến và chợt cảm thấy bối rối như muốn lùi lại hay bỏ đi. Nỗi bối rối của chàng không qua được đôi mắt Ngân, vẫn đăm đăm nhìn chàng. Hình như mắt nàng long lanh hơn, như có thoáng ngấn nước. Gương mặt vẫn bình thản, nàng chậm rãi quay về phía cửa sổ như cũ. Nàng không đi qua khoảng cách. Nàng lặng lẽ giữ vị trí của mình. Như vậy, không có điểm gặp gỡ và không có xáo trộn trong cuộc chơi. Sự bình thản xa vắng của nàng đã giúp chàng trở lại vị trí của chính chàng. Thế thì, tại sao chàng lại cảm thấy thất vọng và bị bỏ quên, như thể nàng đã xua đuổi chàng. Chưa bao giờ chàng cảm thấy lạc lõng như vậy, đứng sau lưng nàng, nhìn bờ vai và mái tóc nàng. Chưa bao giờ chàng cảm thấy khao khát như vậy để giữ nàng trong tay, để đầu nàng tìm một điểm tựa trên vai chàng. Hay chính chàng đang cần đến nàng. Nàng đứng rất thẳng, rất độc lập và cũng rất cô đơn. Hay có thể nàng không cô đơn và cũng không cần đến chàng. Hay chính chàng đang cần đến nàng, cần một lời, một cử chỉ nào đó của nàng để chàng không cảm thấy bị đứng ngoài lề tư tưởng của nàng. Cái gì đang xảy đến cho chàng?

Ngân rời khỏi cửa sổ. Nàng bước vài bước rồi quay lại phía chàng. Nàng quả thật giữ đúng luật chơi, Hoàng nghĩ với một chút cay đắng mà chính chàng cũng không hiểu rõ. Chàng biết chắc chắn nàng sẽ nói gì, bằng giọng nói trầm tĩnh của nàng:

– Khuya lắm rồi, anh không mệt sao?

Hoàng ra về. Chàng bước chậm trên lối đi dẫn ra parking, vẫn bàng

hoàng về những xao xuyến trong lòng. Đến bên chiếc xe, chàng chợt thấy vầng trăng sắp tròn. Có thể mình đang nổi điên vì đến kỳ trăng tròn, chàng nghĩ, rồi mỉm cười một mình, một nụ cười không vui.

*

Câu chuyện buổi tối hôm ấy ở nhà Ngân ám ảnh chàng nhiều hơn là Hoàng tưởng. Mỗi lần nhớ đến Ngân, muốn gọi cho Ngân, chàng lại thấy hình ảnh của nàng bên khung cửa, và đôi mắt khó hiểu của nàng. Bàn tay chàng, dù đã đặt trên điện thoại, sẽ không bấm những con số quen thuộc. Chàng không biết sẽ nói gì với nàng, sẽ tiếp tục ra sao. Trò chơi bỗng trở thành phức tạp và mù mờ. Chàng bối rối nhận thấy chàng không hiểu rõ nước cờ của nàng, và không hiểu cả chính chàng. Thái độ của Ngân, có thể chỉ vì một lúc khác thường, có thể là dấu hiệu đầu tiên cho biết nàng đã nhàm chán. Còn thái độ của nàng? Sao chàng lại phải thắc mắc quá nhiều về nàng? Chàng vốn biết từ đầu hai người chỉ là hai con đường thẳng, gặp nhau ở một điểm rồi sẽ tiếp tục đi về phía riêng của mình. Chàng vốn biết và vẫn tin rằng chàng không hề muốn bắt đầu một chuyện tình cảm thông thường để càng vướng mắc vào thêm những phiền lụy. Vậy thì tại sao hình như chàng là người đang níu giữ? Chàng muốn giữ cái gì chứ? Thật ra, hai người có gì hơn là một cuộc chơi, một thứ tình bạn, như người ta vẫn gọi. Chàng vẫn cười nhạo hai chữ tình bạn đó, và chàng không hề nghĩ đến một cô bạn gái đồng nghĩa với một người bạn trai. Cuối cùng, chàng thật sự muốn gì?

Sau một tuần lễ, chàng quyết định chàng muốn gặp Ngân. Lần này, chàng sẽ tìm biết thái độ của Ngân ra sao? Còn muốn tiếp tục mối quan hệ lửng lơ này hay không? Một tuần lễ chàng không gọi cho nàng, nhưng mỗi tối về nhà chàng đều xem máy answering mong có nàng gọi lại. Nhưng dĩ nhiên nàng không gọi. Khóe miệng cong kiêu hãnh của nàng không cho phép nàng gọi. Cuối một tuần lễ, chàng thấy bứt rứt như mất mát một cái gì. Nàng không gọi như vẫn thường không gọi, hoặc nàng đang nhấn mạnh sự nhàm chán của nàng. Cuối một tuần lễ, chàng nghĩ rằng có đến tám mươi phần trăm chắc chắn rằng nàng sẽ cho chàng biết nàng đã chán. Nhưng chàng vẫn quyết định gặp nàng. Cho rõ ràng một lần, chàng tự bảo.

Ngân không có ở nhà lần thứ nhất chàng gọi. Chàng đoán nàng phải làm việc thêm giờ. Chín giờ tối, nàng vẫn không có ở nhà. Chàng bắt đầu nghĩ đến những "một người bạn" của nàng. Rồi chàng tự nhủ đừng

lẩm cẩm. Nàng chỉ là một khía cạnh trong cuộc sống chàng, và chàng cũng chỉ là một điểm trên vòng tròn giao thiệp của nàng. Chàng để message lúc chín giờ mười phút. Năm phút sau, nàng gọi lại. Đúng là "một người bạn" mời nàng đi ăn tối. Chàng không dằn được một câu hỏi vô duyên:

– Dinner kết thúc sớm vậy? Chắc Ngân muốn nghỉ để mai còn đi làm?

Nàng không trả lời ngay. Chắc hẳn nàng ngạc nhiên, vì chưa bao giờ chàng hỏi hoặc nhắc đến những người bạn của nàng. Chàng cũng ngạc nhiên. Chàng vẫn tự phụ rằng chàng không phải là một trong mấy anh chàng xoay quỹ đạo chung quanh nàng, cho nên chàng không cần chú ý đến những mối quan hệ của nàng. Ngân trả lời, giọng bình thản:

– Ngày mai anh ta đi sớm, tôi sợ anh ấy mệt.

Ồ, hóa ra nàng lo lắng giùm cho anh chàng ấy. Chàng không nói gì thêm. Nàng hỏi chàng có chuyện gì thì chàng chỉ nói gọi hỏi thăm nàng. Nàng cười và nói nàng vẫn thường. Dĩ nhiên nàng vẫn thường. Vui vẻ nữa là khác. Chàng nghĩ. Chỉ có chàng là rối rắm. Chàng tự nhiên thấy ghét nàng, nhất là khi nàng cáo lỗi cúp phone để đi nghỉ. Chàng không đáng đến mười phút trên phone của nàng. Chàng vừa nói bye thì đã nghe tiếng click của nàng đặt máy xuống. Đã chắc đến chín mươi phần trăm nàng muốn rút lui ra khỏi cuộc chơi. Chàng nhớ đến đôi mắt ẩn nét cười giễu cợt của nàng, nhớ đến dáng đứng thẳng cứng cỏi của nàng.

Chàng vẫn muốn gặp nàng.

*

Sáu giờ chiều. Nắng bắt đầu phai trên tàng lá. Ngoài mặt hồ, những con chim lượn quanh bờ nước, đôi cánh trắng óng ánh trong nắng. Đàn vịt lướt êm trên hồ, gợn lên những vòng sóng nhỏ. Sáu giờ chiều đúng. Đồng hồ của Hoàng không sớm, không trễ. Tại sao Ngân chưa đến? Nàng luôn luôn đúng giờ, thường là sớm vài phút, vậy mà hôm nay, nàng trễ. Đúng vào ngày Hoàng bồn chồn mong ngóng nàng nhất.

Chàng hẹn nàng đi ăn tối. Nàng bằng lòng, nhưng không muốn chàng đến đón. Chàng chọn công viên nay làm nơi hẹn, vì chàng muốn có vài phút nói chuyện với nàng trước khi đi ăn. Chỉ mới vài tuần lễ không gặp, chàng đã cảm thấy nhịp điệu giao thiệp giữa hai người đã sai lạc. Chàng muốn mọi chuyện trở lại như trước kia, khi ý nghĩ của

chàng về nàng không ngổn ngang những dấu hỏi như bây giờ. Chàng muốn bắt lại thời gian đầu tiên, khi tâm hồn chàng phẳng lặng như mặt hồ ngoài kia, với những vòng sóng nhỏ tươi mát và dễ chịu của những cuộc chơi không nồng nhiệt lắm. Ngân, vẻ tự tin của nàng và ngọn lửa âm ỉ trong nàng đã cuốn chàng vào cơn lốc chính chàng không ngờ tới.

Tiếng chân nhịp trên lối sỏi làm chàng quay lại. Chàng thấy đầu tiên mái tóc nàng, xõa bay trong gió. Áo T-shirt và jupe ngắn, nàng như cô nữ sinh trốn học đi dạo chơi. Trái tim chàng khẽ rung lên. Nàng chưa đến gần, sao chàng đã thấy nàng như quá gần? Nàng chào chàng bằng một nụ cười. Đuôi mắt nàng nheo lại theo nụ cười, long lanh một chút nắng sót lại của buổi chiều. Chàng còn nhớ rất rõ cảm tưởng của chàng lần đầu thấy nàng trong quán café. Chỉ những đường nét hòa hợp dễ nhìn. Không biết từ bao giờ, nàng đã thành quyến rũ, vẻ quyến rũ tự nhiên đến thành đơn giản và quen thuộc. Nàng đã thay đổi, hay cái nhìn của chàng đã xoay theo một góc cạnh mới? Và tại sao chàng lại thấy bối rối? Chàng cứ lặng yên nhìn nàng, cho đến khi thấy dấu hỏi hiện lên trong mắt nàng, và môi nàng mấp máy như sắp nói điều gì.

– Ngân đói bụng chưa? Đi dạo một chút nhé?

Nàng bước vội vài bước để bắt kịp chàng. Không nhìn nàng, chàng vẫn cảm thấy rất rõ ràng sự hiện diện của nàng. Chàng nhớ đến những cô gái chàng gắn bó một thời gian, bờ vai ấm và mái tóc thơm những lối mòn sánh đôi. Chàng nhớ đến buổi tối hôm nào chàng đứng sau lưng Ngân, khao khát giữ nàng trong tay như một chở che nồng ấm. Trong mấy tuần lễ, chàng đã mong gặp nàng đến thế nào. Bây giờ, thì chàng hình như chẳng có gì để nói. Những xúc cảm dịu lại, chàng thấy nhẹ nhàng và thoải mái, đi như thế này bên nàng, những bước chậm quanh bờ nước, tiếng gió xào xạc qua cây lá thoảng mơ hồ như tiếng vỗ của đôi cánh chim vờn trên mặt sóng. Chàng quay nhìn nàng, mỉm cười, thấy nỗi bình an phản chiếu lại trong đôi mắt nàng nâu trong. Hết vòng bờ hồ, họ ngồi lại trên bậc thềm dẫn xuống nước, nơi mấy đứa trẻ quăng bánh mì cho chim ăn. Tia nắng nghiêng vẫn còn đủ mang hơi ấm cho mặt đá.

– Nếu Ngân đói bụng thì nói nghe.

Nàng cười:

– Anh muốn bảo tôi xấu đói phải không?

– Chuyện đó ai cũng biết mà.

Nàng cười lớn hơn:

– Ừ, cũng đúng. Nhưng hôm nay tôi ăn trưa trễ lắm, cho nên coi chừng anh là người xấu đói.

Chàng hỏi, cho có chuyện để nói, tại sao nàng ăn trễ. Thật ra chàng chỉ muốn ngồi yên bên nàng, ngây ngây trong nắng, lười biếng và êm ả.

– Một người bạn rủ đi ăn trưa, rồi đến trễ.

Câu nói của nàng làm chàng choàng tỉnh. Lại "một người bạn". Chàng thấy bực bội. Chàng cố giữ giọng bình thường, tuy rằng chàng vẫn nghe thoáng chút gắt gỏng, như thể chàng muốn gây gổ:

– Người bạn nào được Ngân chờ, chắc hẳn phải đặc biệt lắm?

Chàng cảm thấy tia mắt nàng nằng nặng một bên má:

– Lâu lâu mới có dịp gặp nhau một lần, cho nên chờ một chút cũng... đáng.

Nàng đệm theo câu nói bằng giọng cười khẽ của nàng mà thường chàng rất thích nghe. Nàng cười nửa như chia sẻ, nửa như cười với riêng mình. Nhưng lúc này, tiếng cười chỉ làm chàng khó chịu nghĩ: nàng đang nhớ đến anh chàng ấy. Và chàng mất bình tĩnh:

– Quan trọng thế? Có phải vì anh ta nằm trên danh sách của Ngân không?

Nàng nhíu mày như không hiểu chàng nói gì. Nụ cười chỉ còn gượng gạo trên môi, nàng nhún vai:

– Anh ấy là một người bạn.

Đáng lẽ chàng nên im lặng, nhưng không hiểu sao chàng cứ nói:

– Bạn kiểu nào? Bạn thân? Bạn trai -chàng cười giễu cợt- ừ, mà ai chẳng là bạn trai? Ồ, hay là Ngân chán đùa với anh ta rồi?

Chàng biết chàng đã quá trớn. Nàng nhìn chàng như không tin rằng chàng vừa nói những lời đó. Đôi khi, trong một câu chuyện, trong một cuộc tranh cãi, ngọn lửa ngầm của nàng bùng lên, làm nàng đẹp hẳn lên trước mắt chàng. Nhưng chưa bao giờ chàng thấy rõ, như lần này, những đợt sóng ngầm dữ dội trong tâm tưởng nàng, như ngọn núi lửa trào ra lớp nham thạch nóng bỏng sẵn sàng thiêu cháy tất cả trên con đường đi qua. Giọng nàng nhỏ và sắc cạnh:

– Tôi không đùa với tình cảm.

Nàng ngưng lại. Đôi mắt nàng thật khó hiểu. Và chàng co người lại khi sự tức giận của nàng ùa đến:

– Anh đừng tưởng là... ai cũng như anh.

Hai người lặng lẽ nhìn nhau. Chàng bỗng hiểu chàng đã ngu ngốc như thế nào bao lâu nay. Nàng không hề tham dự vào cuộc chơi. Nàng đứng ngoài, nhìn chàng chơi ván cờ một mình, mải mê đấu với ảo tưởng của chính chàng. Nàng không lại gần cũng không đi xa, vì chàng chưa bao giờ vào cuộc. Nàng không chơi, nhưng nàng để mặc chàng tô vẽ. Cho đến khi nàng không còn chịu được nữa.

Chàng cứ tưởng nàng sẽ bỏ đi. Nhưng nàng chỉ quay đi, lặng lẽ tự kiềm chế chính mình. Tê dại trong nỗi bàng hoàng thoáng chút hổ thẹn, Hoàng im lặng nhìn ra mặt hồ, khung cảnh mông lung trong mắt chàng. Nàng đâu cần phải nói gì nữa, sự thật không cần giải thích đã đủ knock out Hoàng. Hoảng hốt với cơn bão trong lòng mình, chàng như con đà điểu vùi đầu trong cát muốn quên đi hiện tại. Kết thúc của trò chơi thường là thắng bại, nhưng chưa bao giờ, như lần này, chàng bị chính sự mù quáng của mình đánh gục.

Không hiểu hai người đã nói gì khi chia tay nhau. Chàng tránh không nhìn nàng. Chàng chỉ còn nhớ mặt nước hồ loang màu bóng tối, và những hình ảnh lộn xộn của cuốn phim nào đó trên tivi trong một đêm mất ngủ.

*

Căn phòng vẫn còn chìm trong bóng tối khi Hoàng thức dậy. Dạo này cuộc sống của chàng đều đặn quá mức, ở nhà xem tivi đi ngủ sớm, nên buổi sáng chàng hay dậy sớm. Nằm yên trong chăn, chàng lắng nghe những tiếng động của một ngày mới. Tiếng chim hót rời rạc ngoài khung cửa như vẫn còn ngái ngủ, tiếng guốc của một cô gái đi làm sớm, tiếng cây lá cựa mình trong ngọn gió ban mai. Chàng thích cảm giác lười lĩnh êm ấm này, tưởng như một ngày cuối tuần không có việc làm.

Cuối cùng, chàng cũng dậy, sửa soạn đi tìm ly cafe đầu ngày. Chàng lái xe chầm chậm, mặc kệ những kẻ vội vã qua mặt chàng với cái nhìn ác cảm. Chàng có dư thì giờ, và con đường quen thuộc đến không cần bao nhiêu sự chú ý của chàng. Chàng nghĩ vậy. Và tin vậy, đến khi chàng quẹo vào một con đường không nên quẹo. Con đường đi vòng

qua sở làm, xa quán café chàng vẫn đến. Con đường dẫn tới quán café lâu lắm rồi chàng không đến, đã quên mất.

Chàng đậu xe ở parking năm phút, lưỡng lự giữa lái xe ngược lại quán café quen, hay vào quán này. Qua cửa sổ, chiếc bàn sau bụi cây giả vắng không ai ngồi, chơ vơ một đóa hoa vải phai màu bên hộp đường và kem. Đôi khi, một bóng người lướt qua, và chàng giật mình tưởng như thấy dáng mảnh mai của một cô gái Á Đông, mái tóc xõa ngang vai, ngồi trước bàn với ly iced capuccino. Chàng ra khỏi xe, mua tờ báo trước cửa, bước vào quán, gọi ly café au lait, và đến chiếc bàn vắng bên cửa sổ. Chàng ngồi đối diện với một người tưởng tượng, một bóng dáng quá khứ. Ừ, nàng đã là bóng dáng quá khứ, tuy rằng chàng vẫn nhớ thuộc lòng số phone của nàng, tuy rằng có thể nàng vẫn còn ở số phone đó, tuy rằng hai mươi phút lái xe là chàng có thể biết nàng còn ở căn apartment cũ hay không, còn trong tầm với của chàng hay không? Mà thật ra nàng có bao giờ ở trong tầm với của chàng không nhỉ? Dù bàn tay chàng có thể chạm đến nàng, nhưng chàng đã lạc mất nàng từ đầu, từ trong ảo tưởng mê muội của chàng.

Chàng lật tờ báo trước mặt, rồi xếp lại. Mắt chàng nhìn vào khoảng trống đối diện. Đáng lẽ nàng phải có ở đó, khóe miệng cong kiêu hãnh và đôi mắt nheo lại trong nụ cười thầm lặng. Nàng đã đi xa chàng hay chàng đã chạy trốn? Nàng vẫn ở yên vị trí của nàng, và chàng đã chạy đến mệt ngất ngư. Nhưng nàng vẫn đâu đó chung quanh chàng, như hơi khói thuốc vương trên áo, như vị café đọng trên đầu lưỡi. Nàng không đến. Nàng không đi. Và chàng chạy quanh tâm hồn mình, chạy trong mê trận của những mắt lưới tơ mịn của nỗi nhớ.

Chàng nghĩ chàng đã quyết định đúng. Chàng vẫn không muốn mắc vào những phiền lụy của tình yêu, và trò chơi là sự nhắc nhở, là tấm rào ngăn chàng không đến quá gần bất cứ ai. Cho nên nếu giữa chàng và nàng không có cuộc chơi, thì cũng không có lý do tiếp tục. Chàng bỏ đi. Nghĩa là không gọi phone cho nàng nữa. Nghĩa là tự nhủ nàng đã là quá khứ. Nghĩa là không nghĩ đến nàng nữa. Nỗi nhớ không có tên và không có hình dáng, nhưng mang sự hiện diện của nàng. Nỗi nhớ day dứt như hương thơm bụi hoa lài dưới apartment của nàng. Lúc đầu chàng cười cợt mình, tự hỏi phải chăng chàng đã đến cái tuổi sợ cô đơn, cần bạn đồng hành, như những phân tích tâm lý trong mấy tờ báo phụ nữ lập đi lập lại. Đến khi chàng biết rằng với chàng nàng quan trọng hơn

cuộc chơi, hơn cả những quyết định, những tin tưởng của chàng, ngày và tháng đã trôi qua, can đảm đã mất, tự tin đã xoi mòn như dòng sông mùa nước lũ. Chàng tiếp tục cuộc chạy trốn của mình, tự nhủ rằng thời gian sẽ xóa nhòa tất cả.

Bấy giờ, thời gian chưa đủ để vùi lấp nàng, cho nên ngồi đây, một tay trên tờ báo, ly café bắt đầu nguội, chàng nhìn chăm chăm vào khoảng không và nhớ nàng tha thiết. Nàng đang ở đâu, đang làm gì? Đứng trước gương chải mái tóc trước khi đi làm, ngủ nướng trong chăn hay là đang ngồi trong lab, chăm chỉ lùng những con vi trùng dưới kính hiển vi?

Ngoài khung cửa sổ, chàng thấy ngọn cây bên kia tường parking đã trụi lá, trơ những cành khẳng khiu. Vẫn còn là mùa đông. Mùa xuân bao giờ đến? Chàng gặp nàng một buổi sáng cuối xuân, trời vừa ấm lên, và...

Chiếc xe trắng, không biết từ lúc nào, đậu trong parking. Nàng ngồi sau tay lái nhìn về phía quán café. Chắc chắn nàng phải thấy chàng nơi chiếc bàn bên cửa sổ này. Chàng nín thở, nhìn nàng chậm rãi xuống xe, bước về phía cửa ra vào. Khuất trong góc, chàng không thấy nàng nữa. Chàng biết nàng sẽ không đi về phía chàng, mà sẽ ngồi đâu đó bên kia. Nhưng chàng vẫn hồi hộp lắng nghe, hồi hộp chờ nàng hiện ra ở khúc quanh.

Nàng không hiện ra, đúng như chàng dự đoán. Chàng xoay ly café au lait chỉ còn âm ấm trong tay. Nàng chỉ còn cách chàng vài bước, và nàng sẽ không bao giờ tìm đến chàng. Còn chàng, chàng sẽ tìm đến nàng, hay sẽ ngồi đây cho đến khi nàng rời khỏi quán? Chàng không thể bỏ đi, đóng cánh cửa sau lưng chàng khi nàng còn ở đây. Nhưng chàng có đủ can đảm đối diện nàng hay không? Chàng có đủ can đảm để bước đến, nhìn vào mắt nàng, và nói: Chúng ta bắt đầu lại nhé? Như tôi vừa nhìn thấy Ngân và Ngân vừa nói "xin lỗi ông...". Tôi sẽ giả vờ, như lúc ấy "hình như tôi đã gặp cô ở đâu rồi" và Ngân sẽ mỉm cười, chế giễu nhưng khoan dung, sẽ dịu dàng mà tinh quái bảo tôi "dám nói dám làm". Có đôi khi tôi không dám nói dám làm lắm đâu, nhưng Ngân cứ mỉm cười khoan dung nhé. Chúng ta bắt đầu lại. Sẽ không còn trò chơi, e ngại hay thủ thế. Tôi như con ốc mượn hồn rời chiếc vỏ đi kiếm nơi trú ngụ khác, có thể không kiên cố vững chắc bằng chiếc vỏ ốc, nhưng ấm áp hơn. Và, xin Ngân đừng cười, tôi cũng chỉ là con ốc nhỏ,

hay lo lắng và sợ hãi. Ngân cứ cười chế giễu, nhưng khoan dung. Đừng xua đuổi con ốc yếu đuối mà giả vờ "dám nói dám làm", Ngân nhé.

Chàng choàng tỉnh khỏi cơn mơ mộng khi bóng nàng hiện ra bên ngoài khung cửa sổ. Nàng bỏ đi. Nàng không ngồi chờ chàng vật lộn với nỗi yếu đuối và bất an của chàng. Nàng bỏ đi. Có thể nào nàng bỏ đi? Và, có thể nào, chàng để cho nàng bỏ đi? Lần tới, khi đưa đẩy của rủi may đưa chàng và nàng cùng về một điểm, tất cả sẽ là quá trễ... Trăm năm phù du này, hay thiên thu sau nữa, có thể nào chàng để cho nàng bỏ đi, mãi mãi là người khách lạ, và mãi mãi chàng không thấy lại màu mắt nâu của nàng, khóe miệng cong kiêu hãnh của nàng... Chàng bật dậy, chạy ào ra cửa. Chàng suýt đâm vào hai người, suýt vấp té trên bậc thềm, nhưng chàng bắt kịp nàng bên chiếc xe trắng bé tí. Tay nàng đặt trên tay cầm cửa xe, ngập ngừng như nàng không rõ nàng muốn gì. Chàng đứng sau lưng nàng, nhìn những sợi tóc nàng óng ánh trong nắng, nhìn bờ vai mảnh dẻ nhưng cứng cỏi của nàng, và khao khát được giữ nàng trong tay, để đầu nàng tìm một điểm tựa trên vai chàng.

Rồi nàng quay lại. Đôi mắt nàng, đôi mắt khó hiểu của nàng... Không tìm được lời để nói, chàng nhìn nàng, im lặng, cho đến khi chàng thấy ngọn lửa của tâm hồn nàng trong mắt nàng, nỗi xao xuyến quá quen thuộc với chàng bao lần giằng co giữa tìm đến và trốn chạy. Khóe miệng nàng run run. Chàng thở ra. Cô gái tự tin của chàng vẫn có một điểm yếu đuối. Đó là trái itm nàng. Chàng bỗng cảm thấy muốn cười:

– Mình chắc chắn đã gặp nhau rồi.

Môi nàng hơi mím lại, và đôi mắt nàng nói nụ cười anh dễ ghét. Nàng còn đang phân vân không biết nên "trừng phạt" chàng bằng cách nào thì chàng đã nắm lấy tay nàng, bàn tay đặt trên cửa xe. Nàng giật mình, như con chim nhỏ thấy mình rơi vào chiếc lưới. Đôi mắt nàng ngơ ngác đến tội nghiệp. Chàng siết nhẹ bàn tay giá lạnh trong tay chàng. Chàng chưa bao giờ cầu nguyện, và chắc hẳn chàng không xứng đáng để mong được ban ân sủng, nhưng phép lạ đã xảy ra. Nàng mỉm cười. Nụ cười thắp sáng dần màu nâu trong mắt nàng, xóa đi những bóng tối thoáng qua. Bàn tay nàng khẽ cựa quậy trong tay chàng, rồi nằm yên, như con chim nhỏ giũ lông xếp cánh trước khi vùi mình vào tổ ấm.

Trương Nhân

NGUYỄN MỘNG GIÁC điểm:
"cõi sa mù" và "cửa địa ngục" của trần long hồ

Cửa Địa Ngục, tập 2 trong bộ trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ, Minh Văn xuất bản năm 1993 tại Hoa Kỳ, sách dày 550 trang. Giá 22 Mỹ kim. Tập 1 nhan đề Cõi Sa Mù đã xuất bản năm 1992, dày 452 trang, giá 18 Mỹ kim.

Như vậy là độc giả đã đọc được một nghìn trang sách trong hai tập đầu bộ trường thiên "Dung Thân" của Trần Long Hồ: tập 1 "Cõi Sa Mù" lấy khung cảnh là một trạm y tế nhỏ tại thị xã Vị Thanh sau tháng 4 năm 1975; tập 2 lấy bối cảnh là một trại giam ở Gò Quao, một huyện nhỏ, nghèo nàn, heo hút ở vùng cực nam của đất nước. Nhân vật chính hiện diện trong suốt hai tập là Thiện, một y sĩ của miền Nam, sau một thời gian bị đẩy về làm việc tại Vị Thanh, không chịu đựng được những trái tai gai mắt dưới chế độ mới, đã quyết định vượt biên, rồi bị bắt và giam giữ tại Gò Quao. Hơn năm trăm trang sách của "Cửa Địa Ngục" gồm những chuyện xảy ra cho Thiện trong thời gian ở tù này.

Trần Long Hồ tâm sự ngay trang đầu cuốn sách: "Cửa Địa Ngục chỉ trình bày những sự việc đã xảy ra trong một khoảng thời gian rất ngắn và ở một khung cảnh thật nhỏ hẹp. Nó không có tham vọng nói lên hết tình huống đau thương của đất nước hay bao điều tang tóc mà người dân đã gánh chịu trong một xã hội cùng cực phân ly".

Lựa chọn một khung cảnh hẹp, một thời gian hẹp, để biểu lộ một tình huống chung của nhiều người, hình như là lựa chọn quen thuộc của Trần Long Hồ. Về thể loại, đó là lựa chọn của những người viết truyện ngắn. Chỉ cần một khoảnh khắc, một mảng đời, vài trang giấy, một hay vài nhân vật chợt đến rồi chợt đi, truyện ngắn nếu khéo viết vẫn có

những tác động lớn, khơi dậy những cảm xúc và suy tư về những vấn đề bao quát của nhân sinh. Một mẩu truyện vài trang của Tchekov vẫn có thể tạo ra những dư âm xao xuyến nơi người đọc y như bộ trường thiên "Chiến tranh và Hòa bình" của Leon Tolstoy hoặc truyện dài "Anh em nhà Karamazov" của Feodor Dostoievsky. Trần Long Hồ từng chứng tỏ là một cây bút viết truyện ngắn hay qua các tập "Ngày quanh quẩn", "Niềm vui ung thư" và "Kẻ đào mồ". Truyện ngắn của ông linh hoạt và sâu sắc, ít dàn trải ra chiều rộng hoặc mang mầu sắc phong tục như các bạn văn đồng hương của ông, mà thường đi sâu vào những biến chuyển phức tạp của tâm lý con người.

Người ta thường nói một nhà văn khởi đầu bằng truyện ngắn, khi bước qua truyện dài, thường phải trải qua một thử thách lớn. Truyện ngắn, nhờ không gian hẹp, nên người viết có thể tận dụng cảm xúc và kinh nghiệm cá nhân của mình, khỏi phải phân thân để thử sống trong nhiều hoàn cảnh, suy nghĩ và phát biểu hộ cho nhiều nhân vật. Dù ngụy trang bằng cách nào đi nữa, nhân vật truyện ngắn chỉ là "tôi", cái "tôi" của người viết. Sang truyện dài, người viết không còn được quyền tung tăng thoải mái với cái "tôi" nữa. Xúc cảm cá nhân phải nhường chỗ cho những quan sát và miêu tả khách quan. Cái "tôi" tạm lui ra hậu trường để cho "kẻ khác" được quyền sống trên trang sách. Không thiếu những tác giả Việt Nam không vượt qua được giai đoạn thử thách cam go này, và dù họ viết được liên tiếp nhiều tác phẩm, phần sáng giá của văn nghiệp dồn hết ở tác phẩm đầu tay, tác phẩm ghi lại trung thực xúc cảm và kinh nghiệm riêng tư của đời họ; những cuốn về sau thường chỉ là phó bản của cuốn sách đầu.

Trần Long Hồ không phải trải qua giai đoạn thử thách này. Ông viết truyện ngắn dễ dàng, và thành công với văn phong riêng của ông. Sang truyện dài, ông lại có một văn phong khác. Ông có thành công như đã thành công với truyện ngắn hay không?

Hãy nghe các văn hữu phát biểu về truyện dài của Trần Long Hồ. Trần Vũ viết: "Về trường thiên tiểu thuyết Cõi Sa Mù, trước nhất anh rất thành công trong việc lôi cuốn độc giả đi suốt 23 chương sách. Tôi đã đọc một hơi bởi bị lôi cuốn không rời ra được". Trần Hoài Thư: "Lâu lắm tôi mới đọc được một cuốn truyện dài hơn 400 trang suốt một mạch với tất cả nỗi say mê kỳ lạ...". Đấy là nhận xét của các văn hữu về tập 1 của bộ trường thiên. Nhận xét về tập 2 "Cửa Địa Ngục" chắc cũng

không khác tập 1. Ý kiến chung là Trần Long Hồ viết truyện dài rất lôi cuốn, bạn đọc đã đọc vài trang đầu là phải đọc tiếp cho đến hết, quên cả chiều dày của sách.

Giải thích về tính hấp dẫn lôi cuốn của truyện Trần Long Hồ, mỗi người có một cách. Cách của Trần Hoài Thư: "Một truyện dài có ý nghĩa có phải khi người đọc tìm được ở đấy một cái gì. Cái gì đó là lịch sử, đó là xã hội của mình, đó là những gì mình nói lên không được...". Cách của Hoàng Xuân Sơn: "Ngoài văn phong anh thật là trầm tĩnh, phần đối thoại trong Cõi Sa Mù rất đặc biệt, bình thản, đôi khi lạnh lùng đến tàn nhẫn, tạo được cái không khí bứt rứt, ngột ngạt của những đợt sóng ngầm muốn bức phá khỏi vòng đai của những thế lực đối nghịch. Tình tiết trong Cõi Sa Mù cũng rất ly kỳ, lôi cuốn, hấp dẫn người đọc qua từng chương, từng chương".

Tôi nghĩ có thể dùng tiêu chuẩn thể loại để giải thích vì sao truyện dài của Trần Long Hồ hấp dẫn người đọc. Trong truyện dài, ông vẫn chọn không gian hẹp của truyện ngắn, nhưng lối diễn tả lại gần với kịch. Có thể nói truyện dài của Trần Long Hồ rất nhiều kịch tính. Tác giả rất có tài viết đối thoại, và hình như Trần Long Hồ cũng thấy rõ điều này sau một thời gian thử nghiệm ngòi bút, nên ông tận dụng đối thoại trong hai tập Cõi Sa Mù và Cửa Địa Ngục. Nhờ đối thoại sống động dẫn dắt tình tiết một cách tự nhiên thoải mái, tác giả không làm rối trí người đọc bằng những suy tư hồi tưởng lôi thôi, bằng những âm u tâm lý rối rắm. Sau đó, nhờ cách xếp đặt tình tiết biến chuyển ly kỳ, tình tiết này đưa đến tình tiết khác trong khi lúc nào cũng có một cái nút cần phải mở, khiến cho người đọc không thể bỏ nửa chừng. Nếu viết kịch, có lẽ Trần Long Hồ sẽ là một kịch tác gia có tầm vóc. Và về điểm này, Trần Long Hồ tiếp nối một truyền thống của văn chương miền Nam, truyền thống kể chuyện lôi cuốn sống động từ Hồ Biểu Chánh cho tới Bình Nguyên Lộc, Lê Xuyên.

Tuy nhiên, cũng do khả năng hiếm có của Trần Long Hồ về truyện ngắn và kịch mà một nghìn trang đầu của bộ trường thiên tiểu thuyết "Dung Thân" không mang những yếu tố căn bản cần thiết của một bộ trường thiên tiểu thuyết.

Từ nguyên của "trường thiên tiểu thuyết" là cách định danh để phân biệt ba thể loại văn xuôi của người Trung Hoa: trường thiên tiểu thuyết là truyện dài, trung thiên tiểu thuyết là truyện vừa, và đoản thiên tiểu

thuyết là truyện ngắn. Khi phong trào Âu hóa ảnh hưởng đến sức phát triển của văn học quốc ngữ, ba danh từ kể trên ít được dùng, và người ta quen thuộc hơn với lối định danh mới; truyện ngắn, truyện dài. Một truyện ngắn có chiều dài hơn bình thường nhưng vẫn chưa đủ để trở thành một truyện dài, người ta gọi là truyện vừa. Những chữ "trường giang tiểu thuyết" hoặc "trường thiên tiểu thuyết" chỉ nghe được lác đác thỉnh thoảng vì lý do đơn giản: văn chương Việt Nam ít có những tác phẩm dài hơi kiểu như các truyện Tam Quốc, Thủy Hử, Tây du ký của Trung Hoa, hoặc "Chiến tranh và Hòa bình" của Nga. Theo nhà phê bình Đặng Tiến, người thí nghiệm tiểu thuyết trường thiên theo khuôn mẫu của "Chiến tranh và Hòa bình" đầu tiên ở Việt Nam là Nhất Linh, với bộ "Xóm Cầu Mới" khởi thảo từ 1940, viết và in dang dở năm 1973. Sau đó ở Bắc có bộ "Vỡ bờ" của Nguyễn Đình Thi và bộ "Cửa biển" của Nguyên Hồng, ở miền Nam có bộ "Khu rừng lau" của Doãn Quốc Sĩ. Căn cứ vào những bộ sách đồ sộ kể trên, Đặng Tiến cho rằng: "trường thiên tiểu thuyết là một tiểu thuyết dài nhiều lần hơn mức trung bình, chia thành nhiều tập, đưa ra một tuyến nhiều nhân vật, sống trong một giai đoạn lịch sử dài, và những hoàn cảnh khác nhau" (Đoàn Kết số 4-90).

Như vậy một truyện dài quá mức bình thường, in làm nhiều tập, chưa hẳn đã là trường thiên tiểu thuyết. Bộ Les Misérables của Victor Hugo, bộ Jean-Christophe của Romain Rolland, bộ A la recherche du temps perdu của Marcel Proust, bộ Dòng sông Thanh Thủy của Nhất Linh không phải là trường thiên tiểu thuyết vì điều mà Đặng Tiến gọi là "cơ cấu nội tại", tức là không có nhiều tuyến nhân vật, không trải qua nhiều hoàn cảnh trong một giai đoạn lịch sử dài, để tác phẩm trở thành một bức bích họa toàn cảnh của một thời đại. Cơ cấu nội tại ấy gần như buộc tiểu thuyết trường thiên phải dựa vào những biến động lớn lao của lịch sử, những trầm luân của một số đông mà theo lựa chọn chủ quan của tác giả, các nhân vật tiểu thuyết ở nhiều tuyến khác nhau phải tiêu biểu cho đám đông ấy. Trường thiên tiểu thuyết là một hợp tấu khúc, không phải là những bản đơn ca hoặc song ca, tam ca...

Hai tập đầu của bộ "Dung Thân" thiếu cơ cấu nội tại của một bộ trường thiên, vì chỉ xoay quanh số phận một nhân vật: người y sĩ tên Thiện. Thời gian ngắn, không gian hẹp. Trần Long Hồ tự ý lựa chọn cho bối cảnh tiểu thuyết là một trở ngại khác để Dung Thân trở thành

một bức tranh toàn cảnh của xã hội miền Nam sau khi Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ. Ưu điểm của tác giả như một người có tài viết truyện ngắn, một nhà viết kịch, thành một trở ngại khác nữa. Kịch tính biến nhân vật thành một mẫu sống đậm nét, phải đập vào mắt người xem trong khoảnh khắc. Nó đòi hỏi những phản ứng trực tiếp, những dồn dập cô đọng. Cơ cấu hình thức ấy thích hợp với truyện ngắn và kịch, thích hợp cả với thể loại truyện dài bình thường, nhưng không thích hợp với trường thiên tiểu thuyết. Một bản hợp tấu đòi hỏi nhiều cung bậc âm thanh khác nhau, kể cả cái tĩnh lặng dàn trải, cái dư hưởng đằng sau những cái dồn dập lôi cuốn.

Hai tập đầu bộ truyện "Dung Thân" vì thế là một thành công nếu xem là truyện dài. Còn nếu xem là một phần của một bộ trường thiên tiểu thuyết đang viết, thì phần đó chưa đủ kích thước của một phần ba, một nửa (?) bức bích họa về xã hội miền Nam sau 1975.

Nguyễn Mộng Giác

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn, Anh

Lê Hữu Tuyển

Giáo sư trường trung học Nguyễn Huệ Tuy Hòa
Giáo sư trường trung học Cường Để Qui nhơn
Thanh tra Sở Học Chánh Bình Định Qui nhơn

Đã từ trần ngày 24 tháng 6 năm 1994 tại Dallas, Texas, hưởng dương 56 tuổi.

Trân trọng phân ưu cùng Chị Lê Hữu Tuyển và các cháu, cùng cầu chúc cho linh hồn bạn sớm tiêu diêu miền cực lạc.

Ông Bà Trương Ân, Ông Bà Phan Bá Trác, Ông Bà Nguyễn Mộng Giác, Ông Bà Huỳnh Hữu Dụng, Ông Bà Lê văn Tùng, Ông Bà Lê văn Ba, Ông Bà Nguyễn Phụ Tài, Ông Bà Phan Bang.

VĂN HỌC
tòa soạn với bạn đọc

Thư từ nhận được liên quan đến việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ...: Đặng Đình Kỷ Jacksonville FL; Thanh Nguyễn Saint Paul MN; Nguyễn Hoàng Lân Seattle WA; Hồng & Hoa Lam La Habra CA, Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ, Thư viện Westminster CA, Nhu Tuyết Portland OR; Luong Tran Downey CA; John Trien El Paso TX; Nghia P. Van, Echols Collection Cornell University; Đặng Thị Đoan Trang Ventura CA; Hồ Ngọc Trinh Montreal Canada; Viet Anh Aloha OR; Thuan C. Nguyen Vestal NJ; Nguyen Chi Thanh Saint Paul MN;

Ông Võ Hồng San, Campsie NSW 2194 Australia: Đã nhận được tiền mua báo dài hạn do Anh Nguyễn khắc Phú chuyển. Xin đa tạ.

Báo bị trả về vì đổi địa chỉ không thông báo cho Tòa soạn: Tô Thùy Yên, Victor Vo, Tran Quy Sach, Duyen Hai Bookstore Houston

Bài nhận được trong tháng: *Khoảng trống trước mặt* gửi từ Paris France; *Em về* gửi từ Berlin, Germany; *Là em, Thành khẩn* gửi từ Milpitas CA; Nghĩ từ những đống rác gửi từ Vancover Canada; *Tình người vượt biên, đạo sống Việt Nam, Bảy bước nở hoa, Dòng lệ nóng rơi trên cánh hồng trắng, Trăng hoa mở hội, Xót xa, Hoa quỳnh đầu xuân* gửi từ Westminster CA, Về nguồn, Gã hắn và Niềm Tin, Về với Quê hương, Quá khứ một đời người gửi từ Vancover CA; *Nhớ đất thương trời* gửi từ Santa Ana CA.; *Một lần trở lại* gửi từ Durham N.C.; *Đọc một bài thơ, Đừng ăn gian nữa* gửi từ Winnipeg Canada; *Trả thù* gửi từ Tustin CA; *Ý thức về dòng sông* gửi từ Garland TX; *Nghiệp, Như Chân lý, Cõi Lưu đày, Mưa,* gửi từ Garden Grove CA; *Tiếng nói* gửi từ Houston TX; *Tuyệt mù, Mái hiên, Giang đầu,* gửi từ Montery Park CA; *Trắc ẩn* gửi từ Chomedey Quebec; *Về lại tháng năm* gửi từ Ontario Canada; *Nguyệt san Y tế* số 18, Lạc Việt Garland TX; *Điều chưa phân giải, Liễu xưa* gửi từ Montreal Canada; *Giao hợp với Mùa thu, Tóc trắng và Giấy trắng, Huyền thoại hai người* gửi từ Cambridge MA.

Sách mới nhận được trong tháng:

Mai Viên Cố sự (Chuyện cụ Đào Tấn), của Lộc Xuyên Đặng Quý Địch, Văn Lang xuất bản. Sách dày 180 trang, giá 10 Mỹ kim. Đây là một cuốn sách sưu khảo các tài liệu gốc về Đào Tấn, nhà thơ, nhà viết

tuồng nổi tiếng của Việt Nam, do một nhà biên khảo địa phương bỏ công sưu tầm tài liệu và biên soạn. Sách gồm các phần: Đào Tấn niên biểu, Đào Tấn Tác phẩm, và các tiểu luận liên quan tới Đào Tấn như: Cụ Đào Vinh Thạnh với Lý môn, với Hương thảo thất, với Chùa Ông Núi, với bài thơ ngự chế của Vua Tự Đức, với Cây mai, với Cây gậy trúc, với Sĩ phu yêu nước, với Nguyễn Thân, với nghề Hát bội, cùng nhận xét về Đào Tấn của người đương thời. Văn Nghệ tổng phát hành. Bạn đọc ở xa muốn có sách xin liên lạc P.O. Box 2301 Westminster CA 92683. Phone (714) 527-5761.

Dân Chủ và Phát Triển, tạp chí chính trị, kinh tế và Văn hóa của Hiệp hội Dân chủ và Phát triển Việt Nam, trụ sở ở Đức. Số ra mắt phát hành đầu tháng 5-1994 in ấn rất công phu, gồm bài vở của Lâm Đăng Châu, Âu Dương Thệ, Nguyễn Nam, Chu Vũ Ánh, Huỳnh Hùng, Trúc Sơn, Tôn Thất Long, Chu Vũ Tập, Trần Bình Nam, Trần Minh, Đông Trình. Trừ bài của Đông Trình là bài viết từ trong nước, các bài khác đều do những trí thức tốt nghiệp troug nhiều ngành nghề ở hải ngoại viết, với mục tiêu là hỗ trợ góp ý cho công cuộc dân chủ hóa và phát triển của đất nước. Giá mỗi tập san là 8 Mỹ kim, kể cả cước phí bưu điện (ngoài Âu châu gửi theo đường hàng không). Địa chỉ liên lạc: Hiệp hội Dân chủ và Phát triển Việt Nam, Postfach 2526, D-58595 Iserlohn, Deutschland.

Văn Bút Âu Châu, tập 2, Viên Giác xuất bản, tuyển tập thơ, văn, tiểu luận, ký... do Phù Vân thực hiện, Thích Như Điển giới thiệu. Một tuyển tập đồ sộ dày 600 trang chữ nhỏ khiến người đọc cầm sách trên tay vừa mừng vừa lo. Mừng vì với tình trạng ấn loát khó khăn tại Âu châu, xuất bản được một tập sách như vậy không dễ, thế mà sách vẫn ra đời. Lo vì không biết người chủ trương có đủ sự tinh nhạy và lượng thông tin cần thiết để tuyển chọn chính xác các tác phẩm tiêu biểu hay không. Đọc bài tựa của Thích Như Điển, và bài "Thay lời tựa" của Phạm Việt Tuyền, nỗi lo càng tăng. Hai vị có uy tín trong cộng đồng người Việt ở Âu châu chỉ viết về những chuyện bên lề cuốn sách. Đọc kỹ hơn phần sau, càng thấy lo. Tuy tuyển tập quy tụ rất nhiều người viết tại Âu châu (40 vị), nhưng các bài được tuyển không tiêu biểu cho văn phong của các tác giả. Một số nhà văn uy tín ở Pháp như Kiệt Tấn, Trần Vũ... không có bài trong tuyển tập, ngược lại, lại có bài của Huy Lực nhà thơ đang sống ở Hoa Kỳ.

Dù sao, đây cũng là một cố gắng đáng quý. Nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành tuyển tập này tại Hoa kỳ.

Sau bức cấm thành nhà Nguyễn, của Hứa Hoành, Đại Nam xuất bản. Sách dày 222 trang, giá 12 Mỹ kim. Hứa Hoành sưu tập những bài đã đăng lẻ tẻ trên các báo Tự Do, Phụ Nữ Diễn Đàn, Làng Văn viết về các giai thoại triều Nguyễn để in thành sách. Với lối viết nhẹ nhàng, không nặng về tư liệu, gây hào hứng và tò mò, tác giả đã thành công trong thể loại này. Ai không tò mò muốn biết vua Thành Thái là người yêu nước hay kẻ cuồng dâm, các bà phi của Cựu hoàng Bảo Đại là ai, thân thế Nam Phương hoàng hậu thế nào... Địa chỉ liên lạc: DAINAMCO, P.O.Box 4279 Glendale CA 91202 USA.

Những trận đánh lịch sử trong chiến tranh Việt Nam 1963-1975, của Nguyễn Đức Phương, Đại Nam xuất bản. Sách dày 425 trang, giá 17 Mỹ kim. Đây là một cuốn sách biên khảo quân sự công phu và tương đối khách quan, có tham chiếu tài liệu đầy đủ, của một cựu sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa hiện sống tại Anh quốc. Lần đầu tiên trong ngành xuất bản ở hải ngoại có một cuốn biên khảo quân sự nghiêm chỉnh và giá trị như cuốn biên khảo này.

Giang Thanh, Mao Trạch Đông, Tình dục và Quyền lực, của Nguyễn Vạn Lý, Đại Nam xuất bản. Sách dày 544 trang, giá 17 Mỹ kim. Cùng với hai cuốn "Người tù trong Cấm thành", "Cái chết của Lâm Bưu", Nguyễn Vạn Lý trở thành "chuyên viên" chuyên soạn sách liên quan tới dã sử Trung quốc thời hiện đại. Cái tài của Nguyễn Vạn Lý là dựa vào tài liệu ngoại quốc tái dựng những chuyện bên lề đầy hào hứng và hấp dẫn.

Bài thơ của một người yêu nước mình, của Trần Vàng Sao, Tân Thư xuất bản, bìa Khánh Trường, dày 110 trang, giá 8 Mỹ kim. Thi tập của một nhà thơ từ trong nước gửi ra, gồm 27 bài thơ viết theo thể tự do. Như trường hợp cuốn "Nửa đời nhìn lại" của Bảo Cự, thi tập này ngoài giá trị văn chương còn là lời chứng xót xa của một nghệ sĩ từng hoạt động nội thành cho chế độ cộng sản miền Bắc, bây giờ đau đớn uất nghẹn trước những thực tại ê chề diễn ra trước mắt. Vì các nhà sách hiện nay không nhận bán thơ, nên bạn đọc muốn có tập thơ này xin liên lạc về Nhà xuất bản Tân Thư, P.O. Box 277 Garden Grove CA 92642 USA. Phone: (714) 531-6693.

Con đường trước mặt, ký sự của Nguyên Lương, Tân Thư xuất bản, sách dày 250 trang, giá 12 Mỹ kim. Nguyên Lương là bút hiệu của một chuyên viên hóa chất hiện làm giám đốc kỹ thuật cho công ty hóa học Rohm and Haas, đặc trách vùng Á châu Thái bình dương. Do công việc nghiệp vụ, Nguyên Lương có dịp về Việt Nam nhiều lần, thăm nhiều nơi, gặp nhiều người. Tập bút ký chẳng những ghi lại trung thực những điều tai nghe mắt thấy về quê hương sau 18 năm xa cách, mà còn ghi lại những suy nghĩ, thao thức của giới trẻ về những gì cần làm cho đồng bào, đất nước. Một cuốn sách cần đọc, để suy nghĩ.

Chốn bụi hồng, của Cao Mỵ Nhân, Sông Thu xuất bản, tựa của Duy Lam, tranh bìa của Nguyên Khai, sách dày 290 trang, giá 12 Mỹ kim. Tập bút ký của một nhà thơ nữ ghi nhận đủ mọi đề tài, với một giọng văn đơn giản, chân thành, nhờ vậy qua những "dấu bụi hồng", người đọc nhớ lại tất cả thăng trầm tủi nhục của những ngày qua, nhất là giai đoạn sống dưới chế độ cộng sản. Tác giả quen thân với nhiều văn nghệ sĩ nên qua các ghi nhận của Cao Mỵ Nhân, bạn đọc sẽ tìm thấy những mẩu giai thoại thú vị. Duy Lam nhận xét: "Tác giả 'Chốn bụi hồng' cố gắng chuyển đến mọi người một thông điệp, một lời nhắn nhủ kêu gọi, thiết tha, đó là cuối cùng, sự thật sẽ thắng, và tất cả chúng ta đều phải góp phần để sự thật sẽ thắng, có nghĩa là nói thật viết thật và tôn trọng sự thật." Nhà văn Duy Lam viết như vậy vì "Chốn bụi hồng" có nhiều sự thật mất lòng. Mọi giao dịch xin liên lạc: Dương Thái Hòa, 4157 W. 149th St., Lawndale, CA 90260. Phone (310) 679-7965.

Nhìn nhau chợt thấy ra sông núi, thi tập của Du Tử Lê, Tủ sách Văn Học Nhân Chứng xuất bản, sách dày 140 trang, giá 10 Mỹ kim. Sách là một cuộc giao duyên của thơ, nhạc, họa; của thơ Việt và thơ dịch ra Anh ngữ; của tác giả và bằng hữu xa gần. Để thơ thường là bài gửi cho bằng hữu, những bài ngắn, phá cách trong cách ngắt đoạn, phết, chấm câu, khiến cho những câu tưởng đơn giản bỗng chốc có một vóc dáng bất ngờ. Bùi Bảo Trúc đã nhận xét đúng: "Thơ Du Tử Lê trong giai đoạn đang hóa thân để đi từ tượng trưng và ấn tượng sang siêu thực, có những cái rất mới và cả những cái rất cũ. Ông làm mới cái tưởng là không đổi thay được, đó là nhịp thơ lục bát...".

Văn Học trân trọng cảm tạ các văn hữu đã gửi sách tặng, và xin giới thiệu cùng các bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THANH VĂN

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HOÀ NỐI DÀI

Hồi ký cải tạo của

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Ngành xuất bản ở hải ngoại đã từng xuất bản nhiều tập hồi ký cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Hoàng Liên, Đào văn Bình, Nguyễn Chí Thiệp... Mỗi cuốn hồi ký mỗi vẻ, vì từng tác giả cố gắng ghi nhận kinh nghiệm lao tù của mình, và hình như ở mỗi trại cải tạo, mỗi lao tù có những hình thái sinh hoạt riêng nên có thể nói không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào.

"Một khoảnh Việt nam Cộng hoà nối dài" của Tạ Chí Đại Trường cũng là một tập hồi ký cải tạo. Tuy nhiên, bạn đọc sẽ tìm thấy trong tác phẩm này nhiều đặc điểm không có ở các tập khác.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi ký theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dẫn giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối đa khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lẫn các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi ký có những phân tích tâm lý sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo, giống như tác phẩm của Arthur Koestler hay Alexander Solzhenitsyn.

Tác giả tập hồi ký này hiện ở Việt nam, và vì là một sử gia, Tạ Chí Đại Trường không muốn ẩn danh để phòng ngừa những tai họa có thể đến. Ông muốn minh danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập hồi ký này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu cần có của một người chép sử.

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỆ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

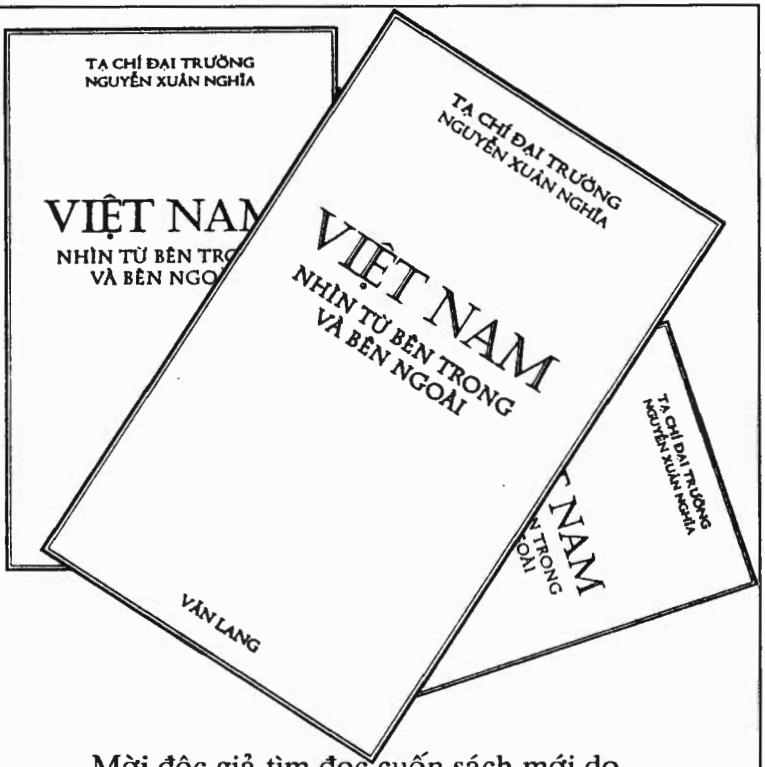

Mời độc giả tìm đọc cuốn sách mới do cơ sở tập san Văn Lang xuất bản.

Giá: $15.00

Liên lạc mua sách:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Wesminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

SÁCH MỚI

1. **NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI** 13MK
   Đức Đạt Lai Lạt Ma (Hồi ký) Hồng Hà dịch, gồm nhiều hình ảnh
2. **ĐỜI NGHỆ SĨ** 9MK
   Nguyễn Hiến Lê (Sách mới in)
3. **VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI** 32MK
   Hoành Linh Đỗ Mậu (Tái bản lần 9 thêm 15% bổ chính - đóng bìa cứng)
4. **HỒ CHÍ MINH NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG** 22MK
   Hồ Sĩ Khuê (Tái bản - bìa cứng)
5. **TUẦN TỬ** (Sách mới) 18MK
   Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch, chú thích
6. **MÂY BÃO** 12MK
   Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh (Tái bản)
7. **VIẾT** 10MK
   Võ Phiến (Sách mới)
8. **ĐỐI THOẠI** 8MK
   Võ Phiến (Sách mới)
9. **TRUYỆN MIỀN NAM Tập II** 10MK
   Võ Phiến (Sách mới)
10. **KÝ, BÚT - KỊCH MIỀN NAM** 10MK
    Võ Phiến (Sách mới)
11. **KÝ THÁC** 7MK
    Truyện Bình Nguyên Lộc (Tái bản)
12. **CUỐNG RÚN CHƯA LÌA** 8MK
    Truyện Bình Nguyên Lộc (Tái bản)
13. **KINH DỊCH** 20MK
    Nguyễn Hiến Lê (Tái bản)
14. **TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY** 14MK
    Đạt Lai Lạt Ma (Tái bản)

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách dưới 10MK, thêm 2MK cho sách trên 10MK. Riêng quyển số (3) thêm 5MK và số (4) thêm 3MK. Mua tại một số nhà sách ở Mỹ hoặc trực tiếp nhà xuất bản:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Tel (714) 527-5761

Giá $3.50